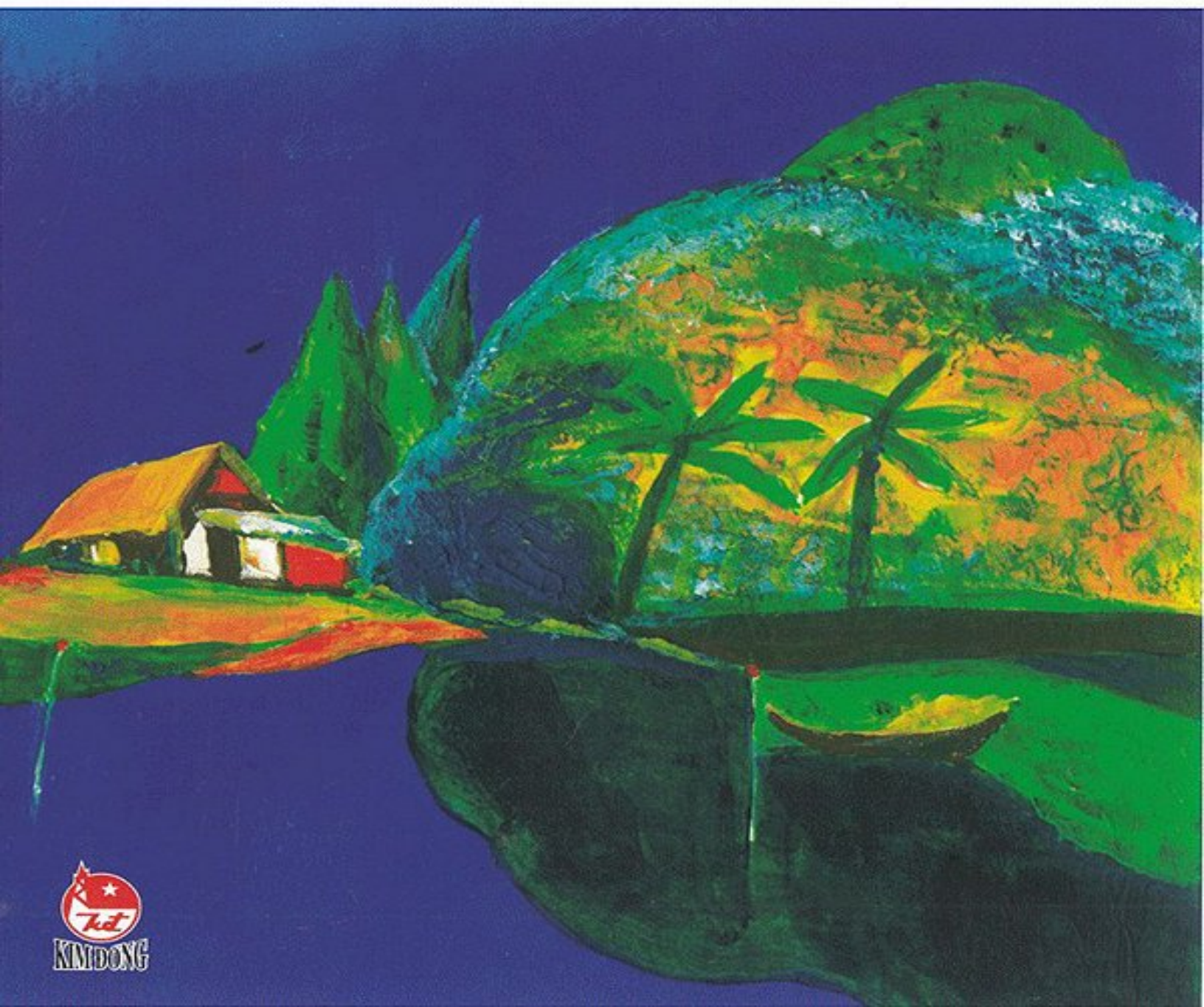




TÁC PHẨM CHỌN LỌC DÀNH CHO THIẾU NHI

Quê nội

• VÕ QUẢNG •



Quê Nội

Võ Quảng

vietmessenger.com

Lời nói đầu

Khi giới thiệu quyển truyện Quê nội của Võ Quảng người ta bảo tôi: Đây là một loại Tôm Xoyơ của Việt Nam. Đã từ lâu tôi rất thích tác phẩm Tôm Xoyơ. Nhưng sau khi làm quen với tác phẩm của Võ Quảng tôi cảm thấy mình còn thích các nhân vật Cục và Cù Lao hơn.

Võ Quảng đã đặt câu chuyện xảy ra tại chính quê hương mình, ấy là làng Hoà Phước, tỉnh Quảng Nam, một tỉnh nằm giữa nước Việt Nam. Ở đây các sự kiện nhỏ đặt liền nhau, khăng khít nhau tạo nên câu chuyện. Câu chuyện bắt đầu sau Cách mạng tháng Tám, sau ngày lễ tuyên bố độc lập của nước Việt Nam năm 1945, một thời kì mà mãi đến nay vẫn còn để lại dấu tích trong nền văn học Việt Nam.

Tác phẩm phản ánh tâm trạng phấn khởi có phần hơi ngây thơ của dân làng, lòng tin tưởng kì diệu của họ vào tương lai đất nước. Tôi đã có dịp hỏi vài người từng sống trong thời kì ấy, khi họ còn trẻ. Ở họ đều còn đọng lại một niềm thương nhớ thắm thiết.

Bạn đọc người Pháp có thể tìm thấy gì qua các hình tượng ở đây? Có thể ở một số người sau bốn mươi năm, những nỗi đau xót nảy sinh từ cuộc chiến tranh ở Đông Dương chưa xoá hết được. Trong truyện, người Pháp hiện diện như kẻ áp bức, như những kẻ thù. Tác giả không nhào nặn lại lịch sử, nhưng ở đây trong mọi thể hiện đều có mức độ. Có một tí gì mĩa mai nhẹ nhàng và thân ái trong khi tác giả nhắc lại bài diễn thuyết có phần khoa trương của một cán bộ cơ sở. Nhưng chúng ta không thể nào nhầm, vì đây không phải là những lời trống rỗng. Chú Năm Mùi không hề thủ đoạn, không đầu cơ chính trị. Chú đấu tranh cho cách mạng, chú hiểu rõ bà con trong làng xóm của mình. Những lời nói của chú không phải là những câu châm ngôn sách vở, chú cũng không phải là kẻ khoe khoang. Trái lại, trong nhiều trường hợp chú tỏ ra biết nhiều kinh nghiệm, có những hiểu biết sâu

sắc về cuộc sống và con người. Ngoài ra chú không phải không biết hóm hỉnh.

Ở Việt Nam, Võ Quảng được công nhận là một trong những nhà văn ưu tú viết cho thiếu nhi. Mặc dù sự khan hiếm về giấy đã hạn chế gay gắt số lượng bản in, tác phẩm của Võ Quảng được tái bản nhiều lần và nhanh chóng được tiêu thụ.

Trước kia trong thời kì thực dân Pháp đô hộ, ông hoạt động cách mạng chống Pháp. Năm 1941 ông bị thực dân Pháp bắt giam. Sau Cách mạng tháng Tám, ông phụ trách chính quyền Đà Nẵng, phụ trách việc xét xử ở các toà án miền Trung. Từ năm 1957, ông chăm lo công việc giáo dục thiếu nhi bằng các phương tiện văn học nghệ thuật.

Sự đồng cảm về ngôn ngữ có phần hạn chế nhưng bản dịch ít nhiều cũng gợi lên được phong cảnh, những công việc làm ăn hàng ngày ở một vùng quê Việt Nam. Chúng ta hi vọng tài năng của tác giả trong việc sáng tạo những hình tượng văn học, trong việc tạo ra sự sống động của các nhân vật. Không phải không được cảm nhận ở đây. Làm sao người ta có thể quên được quang cảnh những ngọn đèn trôi dọc bờ rào của những người đi học lớp xoá nạn mù chữ trong đêm tối, quên được những con gà trống ở Hoà Phước, con trâu Bình bước giữa ngàn sao, quên bà Hiến... Chúng ta hi vọng tính chất kín đáo rất mực tinh vi của những tình cảm bộc lộ trong câu văn được truyền qua bạn đọc. Chú Hai Quân bị lí trưởng đánh đòn buộc phải bỏ làng ra đi. Trước khi đi chú sửa lại tao nôi của đứa bé gái con chú. Những lời từ biệt của Cục và Cù lao được thể hiện qua tiếng hát của các cô lái đò xuôi Hội An. Lần chia tay thứ hai trái lại là một sự rút ra đột ngột vào lúc bến đò Hoà Phước nhộn nháo giữa chiến tranh. Và câu chuyện của Cục và Cù Lao cũng kết thúc ở đây.

Các độc giả phương Tây có lẽ sẽ ngạc nhiên trước bao nhiêu khía cạnh dân tộc của người Việt Nam. Chẳng hạn sự say mê xem hát tuồng của dân làng và vai trò quan trọng của sân khấu trong đời sống của họ, cảnh chạy trốn

chiến tranh hay chạy trốn đói nghèo kéo dài suốt lịch sử đất nước Việt Nam qua bao thế kỉ đã từng tạo nguồn cảm hứng cho bao nhiêu bài hát dân gian.

Về phần tôi, tôi mong muốn trước hết được Cục và Cù Lao đưa lại cho chúng ta một sự hiểu biết nhiều hơn về một nước Việt Nam hầu như còn xa lạ đối với người Pháp.

1987

Phần 1

Chương 1

Sau ngày Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám, tôi thường thức dậy sớm. Khi thức giấc, tôi cứ tưởng mình như vừa chợp mắt, tai tôi còn nghe tiếng hô tập tự vệ của chú Năm Mùi:

- Tất cả quay bên phải! Bên phải là bên tay ta cầm đũa, nghe chưa?

Chị Ba tôi đang tập liền hỏi to:

- Tôi cầm đũa tay trái, tôi quay bên nào?

Chú Năm Mùi quát:

- Đây không phải là việc cô giỡn đâu! Đây là việc quân! - Chú quắc mắt, hô đúng là to: - Nghiêm! Quay!

Tôi năm nhớ lại từng động tác luyện tập của đội tự vệ, chợt con gà trống ở phía nhà bếp nổi gáy. Tiếng nó lạnh lạnh. Tôi biết đó là gà của anh Bốn Linh. Con gà này có bộ lông mã tía, cổ bạch, mào hạt đậu. Tiếng nó đồng dục nhất xóm. Nó thường làm tôi chú ý. Nó nhón chân, bước từng bước oai vệ, ức ưỡn ra đằng trước, có gan nhảy lên lưng trâu Bính, vỗ cánh phành phạch rồi gáy như thét vào tai trâu. Bị chó Vện đuổi, nó bỏ chạy. Đột ngột nó quay lại nện cho chó Vện một đá vào đầu rồi nhảy phóc lên cây rác đứng nhìn xuống vẻ phớt lờ, nổi gáy như thách thức:

- Tao không sợ ai hết!

Sau gà anh Bốn Linh, gà của ông Kiếm Lài gáy theo. Tiếng của nó nghe khàn khàn làm tôi nhớ đến tiếng rao của ông thợ hàn nồi khi đi qua xóm:

- Ai hàn nồi không?

Con gà của ông Kiếm Lài hay bới bậy. Nó có bộ mã khá đẹp, lông trắng, phao to, mỏ búp chuối, mào cờ, hai cánh như hai vỏ trai úp, nhưng lại hay tán tỉnh láo khoét. Nó đến chỗ bờ tre mời bọn gà mái theo nó để nó đái giun. Bới được con giun, nó lấy mỏ kẹp bỏ ra giữa đất, kêu tục tục mời bọn gà mái đến xơi. Bọn này vừa xô tới, nó đã nuốt chửng con giun vào bụng. Nó còn giả vờ nghênh cổ kêu oang oác như phân bua "Ủa! Chớ con giun đâu mất rồi hè?". Bọn gà mái tưởng hững, nhưng vốn dễ tính nên bỏ qua. Nó còn ra nường bẻ bắp bị tôi bắt quả tang, xuýt chó cắn cho một trận. Chó vạt mắt túm lông đuôi. Một con gà trống bị mất túm lông đuôi trông cụt ngắn, đầu như bị chúc về đằng trước, nom hết sức buồn cười. Sau gà ông Kiếm Lài, gà bà Hiến nổi gáy theo. Nó phóng ra ba tiếng không đều nhau éc, e, e. Gà bà Hiến là gà trống tơ, lông đen, chân chì, giò cao, cổ ngắn. Tiếng nó gáy còn vướng trong cổ, chưa ai mê được. Mấy lần tôi gặp nó nhảy tót lên cây rác thật cao phóng tầm mắt nhìn quanh như muốn mọi người hãy chú ý, nó sẽ gáy một hơi thật to, thật dài. Nó xoè cánh, nghênh cổ, nhưng rất cục chỉ rạn ra ba tiếng éc, e, e cụt ngắn. Nó ngượng quá đỏ chín mặt, hấp tấp nhảy xuống đất. Gà thầy Lê Hảo, gà ông Tư Đàm, gà chú Năm Mùi cũng thi nhau gáy. Gà trong làng nổi gáy loạn xạ. Tôi nghe loáng thoáng gà ông Bốn Rị bán thịt chó ở dưới xóm, gà dựng Hương Thư và gà ông Hoạt ở ngoài vạn Hoà Phước cũng gáy theo. Ông Hoạt và dựng Hương Thư ở thuyền, nhốt gà trong một chiếc lồng tre, chiếc lồng treo bên mạn thuyền, nom xa giống như quả lựu đạn. Mỗi lần dựng Hương Thư rải thóc cho ăn, bọn gà tranh nhau phóng cổ ra ngoài. Cái lồng bỗng nhiên mọc đầy mũi nhọn. Ăn xong, những mũi nhọn đó lại thụt đi mất. Dựng Hương Thư mở lồng, bọn gà bay ra tứ tung, tiếng oang oác nổ ra inh ỏi. Chúng bay xuống đậu chỗ mé nước, có con nổi gáy dăm ba tiếng.

Ông Hoạ đậu thuyền bên cạnh nhô cái đầu có búi tóc ra khỏi khoang, nói với dưỡng Hương:

- Giống gà rừng của anh tốt thiệt! Lần sau đi Dùi Chiêng nhờ mua cho một đôi. Tôi nuôi thiếu vài con ăn Tết.

Thật ra gà dưỡng Hương Thư không phải giống gà rừng. Chúng cũng là giống gà nhà. Dưỡng Hương thường mua gà ở trên rừng, xứ Dùi Chiêng, vì quê dưỡng trên đó!

o o o

Dưới nhà bếp, chị Ba tôi cũng thức dậy nhóm lửa. Bóng chị chập choạng trên vách bếp. Chị đang đưa tay vuốt tóc. Chị Ba vừa cắt tóc ngắn. Các chị thanh nữ làng tôi, sau Tổng khởi nghĩa, đều cắt tóc ngắn, nói là để cắt đứt với phong kiến. Chị Ba cầm đèn bước lên nhà trên, vứt cái yếm thao và khăn trầu đem nhét vào gối mẹ tôi. Chị nói với mẹ là chị không dùng những thứ lạc hậu đó nữa. Chị đã mua thuốc cạo hết răng đen. Răng chị hoá trắng nõn. Mẹ tôi kêu lên, vẻ thất vọng: "Răng mày trắng, tao thấy như răng chó!"

Chị Ba đưa cây đèn về phía tôi, gọi:

- Cục ơi! Trời sáng trắng rồi! Dậy đưa trâu đi ăn!

Tôi rướn người nhóm dậy bước ra chuồng trâu, mở dây mũi đưa con Bỉnh đi gặm cỏ ngoài bờ sông.

Ra khỏi xóm, sao Mai trên trời đã bạc thếch. Bóng tối bắt đầu rời khỏi cây sung đầu làng. Một con chèo béo đứng trên nóc miếu Bà Tắm đập cánh kêu mấy tiếng choẹt choẹt! Từ chỗ sân đình vang lên tiếng hô của đội tự vệ. Anh Bốn Linh làm đội trưởng có tiếng hô tốt lắm. Đây là đội tự vệ nòng cốt, chọn toàn những trai tráng khỏe mạnh trong làng. Buổi sáng sớm họ tập những động tác cơ bản, sau đó còn luyện nhiều miếng võ dân tộc. Anh Bốn Linh dạy luyện côn. Cây côn trong tay anh quay vun vút. Anh quát chúng tôi phải tránh thật xa, nhờ cây côn va phải thì đầu chúng tôi bay mất.

Tôi ngồi trên lưng trâu Bỉnh, ra đến chỗ cây bàng, tôi nhón người, bắt tay lên miệng làm loa gọi to: Hu hu, hu hu! Đó là hiệu lệnh của tôi ra quân, báo

cho bọn chẵn trâu trong xóm biết là tôi đã sẵn sàng "xuất trận" để chơi trò giật lá.

Về phần lũ trẻ cũng phải mau mau đưa trâu ra sông để đánh bại bọn chẵn trâu xóm dưới. Chư tướng của tôi vừa nghe tiếng gọi liền trả lời bằng hai tiếng hu, hu! Như vậy có nghĩa là: Xin tuân lệnh!

Sau ngày cướp chính quyền, môn chơi giật lá ở quê tôi hoá thịnh hành. Chơi giật lá phải chia làm hai phe. Người tham gia giắt sau lưng một que dâu dài chừng bốn tấc. Phải xông ra giật cho kì được que dâu của đối phương. Đứa nào bị giật mất que dâu thì xem như đã bị chặt mất đầu, tức khắc phải nằm lăn ra, mặt úp xuống đất không ngọ nguậy. Bên nào bị chặt đầu nhiều nhất là bên đó bị bại. Tôi được phong làm nguyên suý. Không phải vì tôi đánh giặc giỏi mà vì tôi thuộc nhiều tích tuồng. Ở chợ Quảng Huế, gần làng tôi, có một rạp hát tuồng. Thịnh thoảng chị Ba cho tôi hai xu để mua vé vào xem. Do đó tích tuồng tôi đều biết hết. Phe chúng tôi có năm đứa, tôi gọi là năm tướng Ngũ Hồ. Tôi tự xưng là Triệu Tử Long. Dưới trần này tôi chưa thấy ai vừa đẹp vừa oai như vị tướng đó. Mặt đỏ như son, mắt sắc như gươm, xiêm giáp rực rỡ đủ màu, sau lưng còn cắm bao nhiêu cung tên cờ xí. Khi Triệu Tử Long bước ra sân khấu, tôi choáng ngợp vì vẻ oai phong凛冽. Bốn đứa khác, tôi cũng phong cho mỗi đứa một tên. Tướng Trương Phi có những cơn thịnh nộ khủng khiếp. Tướng Lưu Khánh biết bay trên trời như chim. Tướng Hạng Võ có sức mạnh vô địch. Tướng Quan Công vượt năm cửa ải chém sáu tướng của Tào Tháo. Tôi chống hai tay lên hông thét vào mặt bọn chẵn trâu xóm dưới:

- Hỡi quân Tào tặc! Ta đây là Triệu Tử Long! Chỉ cái tên của ta cũng đủ làm bọn bay khiếp vía. Hãy mau mau giải giáp quy hàng thì ta tha chết!

Bọn chẵn trâu xóm dưới rống to không kém:

- Chúng bay là những thằng đui! Chúng tao là Lía đây. Không phải Tào tặc nào cả.

Một thằng mắt gườm gườm chỉ vào đầu của mình:

- Hãy xem quả chùy của tao đây! Nó nặng nghìn cân. Cho một chùy là bọn Ngũ Hồ chúng bay hồn về chín suối!

Thằng này chiến đấu khá lợi hại. Nó tên là Thân ở xóm chợ, có cái đầu trọc lóc. Khi xáp trận, nó liều mạng húc đầu vào bụng chúng tôi làm nhiều đứa ngã ụch. Một thằng khác vỗ hai tay đánh đét, thị uy:

- Còn tao là Võ Tòng, Võ Tòng đả hổ đây ! Tao từng nhai hổ nghe rau rầu. Sá gì những mèo ước chúng bay!

Nói xong, nó nhón một chân, quay vòng, trề môi, méo mồm, điệu bộ phách lối đến cực độ.

Những đứa khác cũng nhảy ra phùng mang trợn mắt tự xưng mình là Cốt Đột, là Thiên Lô. Có đứa còn xưng mình là quý Đầu Trâu, phen này chúng phải bắt cho hết bọn Ngũ Hồ đem làm gỏi ăn cho sướng. Tôi cố giữ nhuệ khí:

- Bọn bay là lớp sinh sau đẻ muộn, miệng còn hôi sữa, sao dám ngạo mạn với các tướng Ngũ Hồ chúng tao!...

Tôi nói chưa dứt lời, thằng Cốt Đột đã nhảy xổ ra. Nó làm điệu bộ như xách chiếc đèn soi vào mặt chúng tôi, cười hề hề đầy vẻ khiêu khích:

- Tưởng là Triệu Tử Long nào, té ra mày là thằng Cự! Nguyễn Văn Cự hái trộm ổi của ông Bảy Hoá là mày! Mày là thằng miệng hùm gan sữa. Bị chó đuổi, mày bỏ chạy vấp gãy một chân. Còn một chân tao vặt hết lia chó gặm. Còn thằng này, mày không phải Quan Công Quan Kiết nào cả. Mày là thằng Kề có cái bụng chứa to như cái cối. Mày ăn thịt chó bị đau bụng kinh niên, nước da vàng như nghệ. Còn mày là Hạng Võ! Hạng Võ bị mọt ¹ chùm bao, chân đi cà nhắc, sức không trói nổi con gà. Còn mày nữa - nó vừa nói vừa chỉ vào mặt Trương Phi - mày là thằng hỗn ăn, tọng bánh bèo nóng bị rụng hết răng cửa.

Hạ uy thế chúng tôi xong, nó hô to:

- Hồi chư tướng! Hãy xông lên chém đầu bọn Ngũ Hồ. Bọn chúng là phát xít Nhật đã bắn vào đồng bào ta ở Ái Nghĩa hôm cướp chính quyền.

Tôi lấy hết gân cổ, cổ giảng giải:

- Chớ nói bá láp! Bọn thằng Lía chết từ đời tu huýt tu lai, còn bọn phát xít đang sống sờ sờ. Nếu chúng tao là phát xít thì làm sao đánh nhau với thằng Lía được.

Tôi chưa nói xong, bọn chúng đã ào lên như nước lũ. Phe tôi phải nghênh chiến. Thế trận diễn ra vô cùng ác liệt. Cát bụi trên bờ sông Thu Bồn tung bay mù mịt. Tiếng reo hò của ba quân dậy đất. Trương Phi gạt tất cả những đòn chùy lợi hại của thằng Thân đầu trọc. Có lúc bị ngã tênh hênh, một tay phải ôm quần, Trương Phi bỗng đứng lên vô cùng mau lẹ. Bọn giặc mất đà ngã lăn lông lốc. Hạng Võ đúng là một hổ tướng, biết giương đông kích tây dồn bọn thằng Lía vào thế bí. Nhưng Hạng Võ chỉ mới đánh vài ba hiệp, mồ hôi mồ kê đã đổ ra như tắm. Tôi ra hiệu cho các tướng Ngũ Hồ vừa đánh vừa rút lui. Đợi địch xông đến, chúng tôi rẽ ra hai bên, ép địch vào giữa. Bọn thằng Lía không đòi hỏi gì hơn vì chúng sẽ có dịp cắt các tướng Ngũ Hồ ra làm đôi. Chợt Trương Phi ngã quay lơ, chưa kịp đứng dậy, cành dâu vắt sau lưng đã bị cướp mất. Bọn thằng Lía reo hò:

- Trương Phi chết rồi! Hãy lấy đầu Triệu Tử Long. Đừng để nó múa mép!

Thằng Lía hét một tiếng to, ném người vào bụng tôi. Tôi chưa kịp tránh, hay cánh tay của Lía đã móc chặt ngang hông, quật tôi ngã xuống đất. Hai tay tôi giữ chặt que dâu sau lưng, hai chân đạp loạn xạ. Tiếng reo hò lại nổi lên:

- Hạng Võ ngoan rồi! Chặt lấy thủ cấp!

Tôi cố ngoi đầu nhìn lên. Cả Quan Công cũng đang giãy giụa. Quan Công đang bị quỷ Đầu Trâu đè ngang bụng, lấy tay bóp cổ. Chỉ còn Lưu Khánh lạch bạch đang bỏ chạy. Tình thế rất khó chuyển bại thành thắng. Việc thua trận của phe Ngũ Hồ đã hiển nhiên. Trong năm tướng Ngũ Hồ thì Trương

Phi và Hạng Võ đã bị mất đầu, các tướng còn lại cũng sắp bị chặt mất thủ cấp.

o o o

Chợt không hiểu vì sao thằng Lía đang vít chặt lấy tôi bỗng buông tôi ra. Nó đứng phắt dậy, nhìn nhìn rồi ba chân bốn cẳng bỏ chạy. Có tiếng kêu to:

- Chúng bay ơi! Có thằng mọi biển! Mau ra coi!

Bọn Cốt Đột, thằng Lía, bọn Thiên Lôì bỏ chạy. Trương Phi, Hạng Võ, Quan Công bỗng đứng lên. Tất cả chạy đến vây quanh một thằng mặt mày nom kì dị. Nó có cặp mắt xếch, nước da nó đen thui. Chừng bao nhiêu tuổi, tôi không đoán được. Có thể mười tuổi, có thể mười hai, mười ba tuổi gì đó. Nó gầy đét. Đầu nó đội cái mũ giống chiếc mũ nôi, đủ màu xanh đỏ từng khoanh ghép lại. Ở làng tôi cũng có những người ở Sài Gòn, Lục Tỉnh về. Họ đội nhiều cái mũ nom rất lạ. Nhưng tôi chưa hề thấy một chiếc mũ nào lại có nhiều màu sắc sặc sỡ như vậy. Bọn trẻ đứng vây quanh, đi qua đi lại - dòm dòm ngó ngó như những láì mua trâu. Một đứa chợt nói toạc:

- Đen quá hè!

Tất cả nổi cười ồ. Một đứa hỏi:

- Tên mày là chi?

Thằng lạ mặt đứng lặng thinh. Nó hơi núng vì thấy đứa nào cũng có vẻ hung tợn. Sau cuộc chơi giật lá, mặt mày bọn chẵn trâu đang đổ lửa phừng phừng.

Chợt thằng Thân ở xóm chợ nháy ra:

- Tên là Cù Lao đó!

Nó hươ tay ra sức giảng giải:

- Nó ở xứ cù lao Chàm ngoài biển Đông. Tên nó cũng Cù Lao, tên mới dị chớ! Nó về đây hôm qua. Ở xứ biển Đông có con cá Ông to lắm, bằng cái đình vậy! Khi giông tố, ghe thuyền bị chìm. Người ăn ở có hậu đã có Ông công vào, không chết đâu mà sợ. Khi Ông chết, trời cũng mịt mù...

Thân đầu trọc còn định nói dài nữa, những đứa khác đang nóng ruột muốn hỏi thằng Cù Lao.

- Phải vậy không? Có phải tên là Cù Lao không?

Thằng lạ mặt bước thụt lui hai bước, quay lưng đi về phía bờ cây bã đậu. Nó quay lại nhìn nhìn rồi co giò bỏ chạy. Bọn chần trầu nổi cười ồ.

Thân đầu trọc nói át tất cả:

- Nó ở dưới biển Đông. Biển Đông là chỗ mặt trời mọc. Ở đó gần mặt trời, nước nóng lắm!

- Hèn gì! Mặt trời đốt nó cháy đen thui. - Một thằng vừa nói vừa gật gù như vừa khám phá ra một điều bí mật.

Tất cả những đứa khác cũng gật gù theo.

Thân đầu trọc càng quả quyết:

- Tao xem đi xem lại, thằng đó cũng là mọi biển. Mọi biển là thằng nào cũng đen như đất trã. Mọi núi cũng đen. Bọn ở cao càng đen, vì gần mặt trời. Mọi cao có giống có đuôi. Chúng có một thứ "ngải" kinh lắm!

Nó kể lại một lần đi theo cha nó lên nguồn gặp mọi có đuôi biết bỏ ngải. Bị bỏ ngải là bỏ xừ! Cái bụng sẽ phình lên, to mãi, căng mãi ra rồi, đoàng! Bụng nổ như pháo cối, ruột gan văng tung đi hết...

Nhưng chuyện bụng nổ như pháo cối không hấp dẫn bằng chuyện cái đuôi. Một thằng hỏi:

- Nhưng tao muốn hỏi cái đuôi nó mọc chỗ nào? Có phải mọc chỗ này không? - Vừa hỏi nó vừa sờ vào chỗ mông của thằng đứng bên cạnh. - Nó to hay nhỏ, giống cái đuôi lợn lảng quăng hay cái đuôi trâu? Như vậy nó cứ cộm, làm sao ngồi đặng?

Thân đầu trọc giơ ngón tay út:

- Bằng cái lông tay này nè. Ghế ngồi đều phải đực một cái lỗ trống.

Một vài đứa tiếc rẻ là lúc này quên xem thẳng mọi biển có cái đuôi hay không.

Thân đầu trọc quả quyết:

- Làm gì có đuôi! Nhưng nó biết uống nước bằng lỗ mũi, uống được nước mặn!

Một thằng ở xóm dưới bồng nổi cười lăn cười lóc:

- Bay nè! Tao gặp nó ngoài chợ. Ai đời, hì hì! Cái "dung" đập cái nồi mà nó nói là cái vung. Cái trã nó gọi là cái trách. Có trách móc ai đâu. Hì, hì! Nó nói với bà bán nôi: Bán cho tôi cái vung để đập cái trách. Bà bán nôi chịu chết, không biết nó nói cái chi chi, hì, hì! Đi "dề" nhà, nó nói đi huề nhà, hì hì! Nó uống nhiều nước mặn nên bị cứng lưỡi! - Nói đến đây nó ngã lăn xuống đất, ôm bụng cười rũ rượi.

Một đứa khác phụ hoạ:

- Nó chẳng biết mớ gì cả. Hôm qua tao lại chỗ nó. Nó lấy tay đánh đốp, đập chết con muỗi. Nó lượm con muỗi đem ra sân ngắm nghía như một con gì lạ. Thấy người ta ăn nhộng, nó sợ mất máu. Nó nói là ăn sâu.

Một thằng khác chép miệng tiếc rẻ:

- Úy! Nhộng ngon vậy mà không biết ăn! Nó ăn cái chi?

- Tao thấy nó mua đường với mắm cái.

- Úy mẹ ơi! Kinh lắm! Ăn đường với mắm cái phải oẹ ra hết!

Một vài đứa khạc nhổ rồi nôn oẹ như chính mình vừa ăn đường trộn với mắm cái.

- Thấy con ngỗng, nó không biết con chi. Gặp trâu nó tránh xa, giương mắt ếch. Nó nhát như cáy. Gặp nó, tao hét một tiếng, nó hoảng cái chơi!

Một đứa đầy vẻ quan trọng:

- Tao xem thẳng này dị tướng! Nó lại ở xứ biển Đông, chỗ mặt trời mọc. Thầy Lê Hào nói phát xít Nhật cũng ở chỗ đó. ở cùng một chỗ, chúng phải

quen nhau. - Nó hạ thấp giọng: - Phải coi chừng mới được!

Đến đây không khí bỗng đổi khác. Đứa nào cũng hoá nghiêm nghị tưởng như mật thám Nhật đã đột nhập vào sông Thu Bồn. Một đứa nhìn khắp chung quanh:

- Phải báo Ủy ban bắt quách!

o o o

Trưa hôm đó, đưa trâu về nhà, tôi thuật lại với chị Ba tôi vừa gặp một thằng mọi biển. Tên nó là Cù Lao, ở ngoài cù lao Chàm mới về. Thấy chị Ba nghe có vẻ chăm chú, tôi càng nhấn thêm một vài chi tiết có vẻ giật gân. Nào là thằng Cù Lao đó trông rất góm ghiếc. Nó biết uống nước bằng lỗ mũi. Cặp mắt nó con nhỏ con to cứ lăm lét. Chị Ba nghe xong xì một tiếng:

- Làm gì có mọi biển mọi núi! Họ cũng là người như ta cả. Thằng Cù Lao đó là con của chú Hai Quân. Chú Hai Quân ở ngoài cù lao Chàm về đây hôm qua. Trước kia bị lý trưởng đánh, chú bỏ làng đi mất. Chú cùng họ với nhà mình, chú của anh Bốn Linh đó. Chú có đứa con trai, chắc là thằng mày gặp. Chúng mày ma cũ ăn hiệp ma mới. Chớ bịa đặt những chuyện bậy bạ!

Cách nói của chị Ba có một cái gì quả quyết làm tắt cả những điều tôi tưởng về thằng Cù Lao bỗng tan ra mây khói. Chị Ba bảo tôi đi xúc ngô ra giã. Tôi xách mủng leo vào cót xúc một mủng bắp đổ vào cối. Chị Ba hứa sẽ làm món ló bắp. Nghe vậy tôi giã càng nhanh. Chợt chị Ba ra hiệu bảo tôi dừng chày:

- Im để nghe thử!

Hình như có tiếng ai khóc. Tôi dừng chày lắng nghe. Rõ ràng có tiếng kể lể từ phía nhà anh Bốn Linh đưa lại. Chị Ba gác chày lên cối, bỏ chạy. Tôi vút chày chạy theo.

Trước nhà anh Bốn Linh, bọn trẻ con đang nhốn nháo. Trong nhà có tiếng khóc ồ ồ và tiếng kể lể.

- Ối trời ơi! Chị chết đi bỏ một mình anh ở lại... sống một ngày dương gian bằng nghìn ngày âm phủ...

Quái! Chị Bốn Linh hôm qua bị cảm đã nhờ chị Năm Như cào xông. Sau đó lại làm thêm mấy bát cháo hành. Không nhẽ chị Bốn lại bỏ anh Bốn về với ông bà đột ngột như vậy? Tôi nhìn quanh trong nhà cũng chẳng có ai nằm im đắp chiếu, cũng chẳng thấy có cỗ áo quan nào cả. Bác Úc ngồi xếp hàng trên phản cười tùm tùm. Thầy Lê Hảo cười hà hà. Chú Năm Mùi cười hì hì. Ông Bảy Hoá cười như người ta ho khếch, khếch! Ông vừa cười vừa vuốt râu ra bộ khoan khoái lắm. Bộ râu của ông Bảy vừa rậm vừa dài toả xuống đến rốn. Xem điệu bộ ông vuốt râu, người ta tưởng ông còn muốn kéo râu ông dài đến đất. Một người lạ mặt, tóc hoa râm ngồi cạnh bác Úc. Tiếng khóc và tiếng kể lẽ nổi lên:

- Ối chị Hai ôi! Anh Hai đã về đó mà chị đi đâu?...

Thì ra bà Hiến đang ngồi khóc. Bà là người khóc to nhất. Chị Bảy Có, chị Năm Như ngồi chung quanh cũng thút thít. Tôi rất lạ là trong lúc các bà đang khóc lóc thì bên nam giới lại cười nói ồn ào. Từ nhỏ đến lớn, tôi chưa hề thấy một cảnh vừa cười vừa khóc như vậy. Trong những hội hè đình đám tất cả đều uống rượu, ăn thịt, đều cười hề hả, không ai khóc. Tôi cũng có đi xem những đám ma, nhiều đám to lắm, cũng chỉ thấy người ta khóc. Nếu không khóc cũng làm ra vẻ buồn, chẳng có người cười người khóc bao giờ cả. Bà Hiến nức lên:

- Khi anh Hai bỏ làng đi thì chị Hai cũng đi biệt tích. Chị em thương nhau từ thuở ẵm chõm. Con rận, con chí cũng cắn làm đôi, không nhớ không thương sao được!

Ông Bảy Hoá lại vuốt râu dài cười khếch khếch:

- Ôi cái bà này! Trước đây anh Hai bị đế quốc phong kiến áp bức, cực chẳng đã phải bỏ làng ra đi. Nay Cách mạng lên rồi. Đất đã lành thì chim phải bay về đậu. Anh Hai về tìm lại quê cha đất tổ, bà con ta phải mừng chứ làm răng bà lại khóc? - Ông bắt chước cách nói lối của hát tuồng - Anh Hai

giận làng ra đi, bỏ chị Hai ở lại. Ra ngoài cù lao Chàm lại lấy được một bà khác. Bà sau sinh được một cậu quý tử. Thật là hạnh ngộ!

Ông Bảy Hoá đưa mắt nhìn quanh. Chợt ông chỉ tay vào chỗ góc cột:

- Có phải chỗ nó kia không?

Tôi nhìn theo ngón tay chỉ của ông Bảy Hoá. Thì ra là thằng Cù Lao đang đứng nép sau góc cột.

Ông Bảy Hoá đưa tay vẫy vẫy:

- Ra đây. Mà ra đây để bác xem cái tướng mày ra sao? Ái chà! Trán cao, mắt xếch, tai sừng, đường đường như Lục Vân Tiên. Lại đen thui đen thui! Úy, có cái mũi khéo đã hung! Cho bác mượn bác đội một chút cho sướng. - Ông quay về phía người lạ mặt: - Nè anh Hai, đã về đến đây, anh để cho em nó ăn mặc chi lạ vậy? Quần dài không ra quần dài, quần xà lỏn không ra quần xà lỏn. Phải sắm cho em nó một bộ đồ tây, có cái ca- vát hảnh hoi, đội cho nó cái mũ phớt, ngó mới được!

Thằng Cù Lao mắc cỡ lại thụt vào sau góc cột.

Ông Bảy Hoá cười to:

- Con trai sao lại thậm thà thậm thụt làm vậy! Phải can trường lên chớ! Lục Vân Tiên tuổi vừa đôi tám đã đánh được bọn lâu la, Về đây, nên dùi mài kinh sử. Cách mạng đã thành công, phong vân ta đã gặp hội!

Ông Bảy Hoá quay sang phía thầy Lê Hảo:

- Sẵn đây có thầy Lê Hảo, anh Hai nên nhờ thầy lo bề đèn sách cho em nó. "Danh con đặng rạng thì tiếng thầy đồn xa" đó thầy!

Anh Bốn Linh ở dưới nhà bếp bước lên nói liền theo:

- Tôi phải lo cho nó học tập cái đã. Chú tôi về được đây, ông chẳng phải lo cái chi cho mệt. Mất cha còn chú. Chú cũng như cha. Vợ chồng tôi sẽ lo hết cho chú. Chữ hiếu trung bọn này giữ trọn.

Ông Bảy Hoá khếch khếch to hơn:

- Vậy mới phải đạo chứ! Tôi còn muốn hỏi, vậy cái khoản mừng anh Hai về làng, anh chị Bốn định sao?

- Trưa nay tôi có con gà, làm bữa qua loa. Mời ông Bảy ở lại với chú tôi cho vui, không mấy khi hai ông gặp lại. Ngoài chuồng, tôi còn con heo. Tôi bảo mẹ Bốn thúc cho nó béo ú ù, rồi mời bà con đến cầm... chén rượu!

Dưới nhà có tiếng gà bị bắt kêu oang oác.

Chợt con Vện nhà anh Bốn Linh sủa ran. Con Vàng nhà tôi cũng sủa. Chó nhà bà Hiến sủa rộn lên. Ông Kiềm Lài bên hàng xóm chạy qua, chú Năm Mùi, dượng Hương Thư, ông Bốn Rị ở xóm dưới chạy đến. Ông Kiềm Lài vừa bước vào cửa đã oang oang:

- À anh Hai! Anh về đó hả? Anh giận có người, chứ sao lại giận cả bà con, bỏ đi biệt tích. Sáng nay anh về... Hèn gì con chim khách cứ bay qua bay lại kêu choẹt choẹt. Tưởng có khách lạ. Té ra anh Hai về.

Ông Bảy Hoá vê râu:

- Sáng nay tôi cứ hắt xì, hắt xì, đoán có điềm lành. Hoá ra thật!

Bác Úc cười:

- Bữa nay mà ông Bảy còn nói chuyện mê tín. Sách của ông Bảy cũng phải đốt đi.

Ông Bảy nửa đùa nửa thật:

- Thế tôi xem tướng có sai không nào? Khi anh Sáu còn bị đế quốc làm tù, tôi xem tướng biết cái hậu vận của anh sẽ làm ông lớn. Nay nghe nói anh làm đến chức gì rồi đó! Có đúng không nào? - Ông quay sang phía chú Hai Quân chỉ vào cái cằm của chú: - Theo sách tướng, người có cái cằm dài và nhọn như thế này thì cả đời lao khổ. Nhưng được một cái thưởng đình 2 bằng bằng như anh Hai thì hậu vận về sau phú quý.

Bác Úc cười to hơn:

- Nước nhà độc lập, rồi đây ai chẳng phú quý. Đoán như vậy cũng chẳng khác chi thầy bói "đoán cho một quẻ trong nhà, vợ chú đàn bà chẳng phải

đàn ông".

Mọi người cùng cười. Bà Hiến nín khóc cười theo:

- Còn cái hậu vận của tôi nè?

- Bà hử? Bà có hai tai to, hai má bầu bầu. Như vậy tướng bà đúng là tướng phật. Tiên phật ra đời phải nếm đủ mùi cay đắng. Đức Quan Âm cũng vậy, phải chịu hết oan khiên. Lửa thử vàng gian nan thử sức, sau đó mới được ngồi trên tòa sen. Bà từ nhỏ đến già, không nơi chui rúc. Nhưng nhờ cái hiếu trung giữ trọn nên đã đến lúc... thái lai. Vài ngày nữa bà có một gian nhà mới, có hai trái tám cột đằng hoàng!

- Phải chịu thầy coi tướng giỏi! Ủy ban đã cấp đủ tranh tre kèo cột. Đợi vài bữa sẽ có nhà mới!

Tiếng cười như pháo nổ. Ai cũng muốn hỏi chú Hai rất nhiều chuyện, mời chú Hai về nhà mình chơi. Cho đến lúc chị Bốn Linh nhắc chồng quét bàn để dọn cơm, mọi người mới lần lượt giải tán.

1 Nhọt. Mụn chàm bao: nhọt làm mụn lâu không lành.

2 Thượng đình: phần trên của mặt.

Chương 2

Chú Hai Quân là người làng Hoà Phước, nằm trên bờ sông Thu Bồn, hình thể giống như một con rùa nằm cạnh bờ bể. Bể đó là một rừng dâu xanh.

Chuyện kể lại rằng:

Lúc khai thiên lập địa, trời đất còn hỗn mang, chưa có sông Thu Bồn. Tất cả nguồn nước không chảy về phía đông mà cứ chảy loanh quanh ở phía tây, vì ở đó có con giao long khổng lồ hút hết nước. Thuở ấy thần Mưa tính hay lơ đãng, có lúc quên cả những việc có thể gây ra cái chết cho cả trăm loài. Một năm thần Mưa quên gọi Mây tưới nước xuống phía đông, gây ra những cơn hạn hán khủng khiếp. Ao hồ cạn nước, cây cối khô queo. Lưới lửa suốt ngày cứ bập bùng. Loài biết bò và loài biết bay, loài có râu và loài không râu đều cháy ra tro bụi. Hồi đó trên non cao có một vị thần tên là Thượng Ngàn. Ngài cao to khác thường. Người đời phải có tầm mắt thật xa mới nhìn thấy được Ngài trong ráng chiều lộng lẫy. Ngài hay qua lại giữa khoảng trăng sao. Một hôm nhìn về hướng đông, biết có cơn hạn lớn, Ngài vội vã đi tìm con giao long hút nước. Ngài nhổ sẵn nhiều cụm núi rồi đứng đợi. Giao long vừa há mồm, Ngài lập tức tọng nhiều quả núi vào họng nó. Nó giãy lên làm núi non ào ào sụp đổ. Một phen đất chạy đá bay! Giao long bị quật chết, ngã sóng sượt, xương xẩu nanh vuốt của nó chất thành núi như núi Mỹ Yên, núi Lập Thạch trùng điệp và lởm chởm đến vài mươi dặm, hiện này còn thấy. Nước không bị giao long hút cứ tràn ra. Vị Thượng Ngàn phải chẻ núi, vạch nguồn Chiên Đàn, nguồn Thu Bồn và nguồn Ô Da. Tất cả ba nguồn Chiên Đàn, Thu Bồn, Ô Da ngài cho nhập lại thành một con sông to. Đó là sông Thu Bồn ngày nay. Sông Thu Bồn chảy đến Văn Ly, Ngài Thượng Ngàn cho chẻ ra làm đôi như đôi tay ôm lấy khu Gò Nổi. Vị Thượng Ngàn còn vạch dọc theo bờ bể sông Trường Giang, sông Tam Kỳ, sông Bầu Bầu... Ngang dọc chỗ nào cũng có sông, có nước, đủ cho dân cư nảy nở.

Nhưng việc mới lại đẻ ra.

Dân cư trên sông Thu Bồn hoá đông đúc. Số người đẻ ra nhiều thì số người chết không ít. Nhà cửa dưới âm phủ ngày càng thấy thiếu, mọi việc trở nên phiền phức. Vua Diêm Vương thấy cần thiết phải xây dựng thêm nhà cửa và cung điện. Ngài sai bọn Hà Bá mang theo bọn Thuồng Luồng, Bạch Tuộc lên nguồn đốn gỗ. Chúng ngược sông Thu Bồn, hô mưa gọi gió gây ra những bão táp dữ dội, vạt hết gỗ tốt. Vị Thượng Ngàn phải đánh trả. Ngài nhổ những núi to ném xuống. Bọn thủy quái chết có hàng triệu, thân đặc cả nước. Núi rơi loạn xạ cắm xuống đất, có hòn cao ngất như Núi Chúa, núi Cu Đê, núi Phò Nam. Có hòn làm thành những hình thù kì quái: Hòn Nghệ giống như sư tử đứng chồm ra biển, cụm Ngũ Hành Sơn giống như năm ngọn tháp chọc trời xanh, núi Quắp giống như một cái vuốt hổ, dãy Phò Nam giống như đàn cá kình vùng vẫy...

Như vậy sau những cuộc chiến đấu ác liệt, núi cũng như sông ở quê nội của thằng Cù Lao đã hình thành, hiện nay còn nguyên như cũ.

o o o

Câu chuyện vẫn tiếp tục.

Nhờ những trận đánh trả quyết liệt của vị Thượng Ngàn, nhân dân đã sống sót. Nhưng sau trận lụt bão, nạn dịch tả lại hoành hành. Một năm bệnh đậu mùa làm người chết như rạ. Viên quan dưới âm phủ lo về nhân thế bộ không ghi hết danh sách. Một số cô hồn phải ở lại trần gian. Chúng nổi lên phá phách, bắt mọi người phải cúng lễ. Một số thay đổi hình dạng. Có lúc chúng biến thành chim, thành cá hoặc thành những ông già, hoặc những người bạn thân thiết. Có người đang ngồi nói chuyện với một người bạn, chợt người bạn đó hoá thành hai, giống nhau như đúc. Người nào cũng cho mình là bạn thật, làm không biết đâu là thật, đâu là giả. Bọn ma quỷ gieo rắc hoang mang giữa bạn bè, anh em, cha con. Cuộc sống bị đảo lộn. Vừa lúc đó có một vị đạo sĩ ra đời. Ngài biết con đường đi vào trăng sao và con đường đi vào lòng người. Do đó thật hư ngài đều hiểu rõ. Ngài cầm chiếc

quạt nan, mặc áo vải, đi chân đất, nhưng đến đâu bọn ma quỷ đều khiếp sợ. Vị đạo sĩ dùng bùa chú, tập hợp các loại âm hồn giảng giải:

- Ta không hiểu sao các người cứ làm tổn hại đến sinh linh. Nếu người sống còn lại ít thì tất nhiên việc lễ bái cũng sẽ ít đi. Số chết đi biến thành ma quỷ ngày càng đông, thì cái ăn của các người càng bị thiếu. Cái ăn càng thiếu thì dễ sinh làm bậy. Ta khuyên các người nên tập hợp lại, làm giấy khai với Diêm Vương để xin hoá kiếp. Kẻ vì việc nghĩa phải chết, đầu thai làm bậc thánh hiền hoặc làm thành cây tùng cây bách đũa reo với gió. Kẻ vô tội sẽ hoá kiếp làm người đi cày đi cấy. Kẻ phạm tội sẽ đầu thai vào muôn loài điều thú, tự tìm lấy mà ăn, ung dung ngày tháng. Có cần gì phải làm điều phi nghĩa. Ta có thể tâu với Nam Tào giúp các người làm việc đó. Nếu các người trù trừ, sẽ mang lấy hoạ!

Bọn ma quỷ nổi lên hú hí om sòm. Rốt cục chúng chia làm hai phe: một phe đi đầu thai hoá kiếp, một phe chứng nào tật ấy cứ phá phách trong nhân dân. Vị đạo sĩ luyện tay ấn, dùng bùa phép dõn chúng lại ở những nơi hoang vắng. Ở quê tôi, bọn cứng đầu cứng cổ đó bị nhốt lại ở chòm đa Lí. Đó là một mảnh đất hoang có nhiều cây đa âm u cao vút. Gốc đa xù xì đầy hang hốc, cành đa cao to, lông lá chéo nhau thành một vòm kín mít. Chốc chốc vài quả đa rơi lộp độp. Có tiếng rào rào như có ai đang nhảy nhót trên cao, kẻ bạo dạn nhất qua đây cũng phải co giò bỏ chạy. Vào lúc trời hửng sáng hoặc lúc có mưa lâm thâm, có người đã thấy bọn quỷ Bạch Thổ Năm Nanh ngồi đu đưa trên cành cây vừa ru con vừa chải chấy, tóc xoã dài tới đất. Ai chẳng may nhìn thấy chúng đều bị nổ mắt hoặc phải hộc máu trào cơm. Trước ngày Tống khởi nghĩa, đêm đêm những ngọn lửa ở đó cứ chập chờn, lúc phụt tắt như ma trời trông rất ghê sợ!

Vị đạo sĩ dẹp xong bọn ma quỷ, nhân dân yên ổn làm ăn. Lúc đầu họ chỉ biết trồng ngô và cấy lúa. Một hôm có vị tiên nữ tên là Tây Lăng đang đi du sơn du thủy, chợt thấy trước mắt phong cảnh hữu tình. Đó là con sông Thu Bồn giống như dải thắt lưng của tiên nga múa lượn. Hoa màu trải ra như gấm vóc. Nhớ đến cảnh những nàng tiên ngồi quay tơ ca hát, bà Tây Lăng nghĩ nên bày cho nhân dân ở đấy trồng dâu và nuôi tằm. Nhờ bà Tây Lăng,

bãi dâu dọc sông Thu Bồn trải ra xanh ngát. Tiếng thoi reo vui, lụa phơi óng ánh. Dân vùng tôi lập miếu thờ bà. Hai chữ Tây Lăng hơi khó nhớ nên mọi người đều gọi là Bà Tằm. Hôm nào cúng tế, miếu Bà Tằm mở cửa. Lễ làng cứ ba năm một lại tổ chức hát hội để tế bà. Đó là những ngày hội lớn, không có vui nào sánh với cái vui đó được!

o o o

Khi chú Hai Quân ra đời rồi lớn lên, chú thấy đã có miếu Bà Tằm dựng lên thuở nào không biết. Cũng đã có sông Thu Bồn, có chòm đa Lí. Trời đất bốn mùa vẫn thay đổi. Mùa xuân dâu nõn xanh mướt. Cũng là mùa tằm tơ rộn rịp. Mùa hè bãi dâu chuyển sang màu xanh đậm. Nắng to. Đất nứt. Đổ nẻ. Vùng nổ. Cho đến tháng chín trời bỗng âm u, rồi những cơn mưa tối đất. Con sông Thu Bồn duyên dáng bỗng phình to vùng lên gào thét, giống như con bạch tuộc giương những vòi dài vào các làng xóm, dìm tắt cả xuống nước. Giữa dòng nước cuồn cuộn đục ngầu, những cây to bị vật, kết bè trôi xuôi vun vút. Chú Hai tin đó là Diêm Vương sai bọn Hà Bá lên nguồn vật gỗ đem về làm cung điện. Chú Hai lớn lên, biết trồng dâu nuôi tằm. Chú Hai tin là ở trên trời, chỗ xanh xanh kia, có các vị Thượng Đế đã định trước số mệnh cho con người. Chú Hai lớn lên lấy vợ. Hai năm sau chú sinh được một bé gái đầu lòng. Và sau khi mặt trời mọc ở phương đông và lặn ở phương tây ba trăm sáu mươi lần thì bé gái của chú cũng vừa tròn một tuổi. Vừa lúc đó làng tôi có tổ chức hát bội ở miếu Bà Tằm. Cả làng bỗng rộn lên, cái vui không biết để chỗ nào cho hết. Trẻ con đứa nào cũng hoá nhanh nhẹn. Người lớn động viên:

- Làm cho giỏi đi! Tao cho đi xem hát bội!

Những đứa lì lợm nhất cũng hoá nhanh chân nhanh tay, mọi khó khăn đều vượt được tuốt. Một thiên đàn sắp mở cửa.

Chó sủa gâu gâu như đoán biết một ngày hội to sẽ mở. Lợn đang ngủ trong chuồng bỗng bị gậy thọc vào bụng bắt đứng dậy để xem được bao nhiêu mỡ. Trâu cũng nhón nhác lo cho số phận của mình. Quán thịt chó bắt đầu dựng. Bọn cò bạc mang thùng mang đĩa kéo đến. Ngoài đình tiếng lợn rống,

tiếng trâu bò bị chọc tiết âm ờ. Dao mác chặt xương nghe lóc cóc. Đến lúc đào kếp tề tựu thì cái vui lên đến cực độ.

Chú Hai Quân cũng háo hức như mọi người. Chú thuộc vào hạng giáp phe trong làng, nên càng phải làm việc tới tấp trong ngày lễ hội. Ông xã gọi, ông hương kêu, chỉ dạ dạ vâng vâng cũng không kịp. Ông bảo đảng này, ông sai đảng nọ, mọi việc càng thêm rắc rối. Đêm đầu, làng hát tuồng Ngũ Hồ bình Liêu, hôm sau hát tuồng Sơn Hậu. Chú Hai ngồi bầm thịt, bụng dạ cứ để đâu đâu. Người qua người lại luôn luôn tán thưởng:

- Ối chà chà! Vai Đống Kim Lân hay nổ trời nổ đất!

- Thăng Côi tài quá! Tuyệt diệu! Tuyệt diệu!

Trống chầu giục giã. Loáng thoáng một vài câu hát nam hát khách từ rạp đưa sang. Chú Hai biết đó là lớp Đống Kim Lân và Khương Linh Tá thử lòng trung nghĩa của Tử Trình. Đó là lớp Đống Kim Lân chém tên cai ngục để đưa bà Phi bế con chạy thoát.

Tiếng trống chầu càng dồn dập. Phạt đang ngồi trên bàn cũng phải nhảy xuống đi xem. Chú Hai chịu không được nữa, buông con dao chạy sang rạp hát lúc nào không biết.

Người xem không chen lợt. Chú Hai trèo lên một cành cây thả người xuống mái rạp, vạch tranh dòm xuống. Trên sân khấu, một tướng mặt đỏ, mắt sắc, đầu đội mũ văn có cắm hoa đỏ, mặc áo có rồng thêu, chân đi hia, tay cầm giáo đầy vẻ uy nghiêm. Đó là Đống Kim Lân đang phò bà Phi chạy trốn. Bà Phi trong bộ đồ tang màu trắng, tay ẩm hoàng tử vừa lợt lòng mẹ. Đống Kim Lân giục:

- Xin bà dời chỗ chết, mà lên ngựa cho mau!

Đống Kim Lân đỡ lấy hoàng tử, ẩm hoàng tử vào lòng, trao cho bà Phi cây kiếm. Đống Kim Lân mời bà Phi lên ngựa:

- Chờ khi nguy biến, ngăn bọn tặc binh, bà kíp thượng trình, đêm thời đã đến!

Đồng Kim Lân cũng lên ngựa rồi hát câu nam chạy:

- Đêm đến mau mau tị nạn. Nát gan vàng đòi đoạn chua cay!

Bà Phi hát tiếp:

- Mấy phen trời đất đổi thay! Càng cao danh vọng càng dày gian nan.

Cả rạp rào rào. Tiếng trống châu dồn dập.

Đồng Kim Lân vượt qua ải. Đêm tối chập trùng. Chợt bà Phi bị lạc mất. Khương Linh Tá, bạn sống chết của Đồng Kim Lân vừa sa cơ bị giặc giết. Trên tay Đồng Kim Lân, hoàng tử khát sữa nổi khóc. Bọn giặc hò hét đuổi sát sau lưng. Đồng Kim Lân bị lạc giữa rừng sâu, đêm tối mịt mù không tìm ra phương hướng. Bỗng một cơn gió thổi, rồi một ngọn đèn bỗng chập chờn bên khe núi. Đó là hồn của Khương Linh Tá vừa hiện lên:

- Em đây là Khương Linh Tá!

Xưng tên xong, Khương Linh Tá chỉ về phía trước:

- Không quên lời thề ước, chân trời góc bể phải có nhau. Giặc đang đuổi gấp. Nhắm thành Sơn Hậu khá đi mau!

Đồng Kim Lân bàng hoàng hỏi:

- Tôi vừa chôn anh đó, vậy trần gian âm phủ xa cách thế nào?

Chú Hai bị hút theo Đồng Kim Lân đang ghập ghềnh bước theo bóng ma của Khương Linh Tá. Đồng Kim Lân hát:

- Vin cây, leo đá ngại gì. Đèn soi chính nghĩa, non ghi cảnh tình!

o o o

Chợt chú Hai Quân nghe có ai nắm chân kéo. Chú với tay không kịp, ngã quay xuống đất. Chú nổi quát:

- Chơi cái mà tổ bay hả?

Chú chưa dứt lời thì hai cái bạt tai nẩy lửa văng vào mặt chú. Chú Hai nhào sấp xuống đất, la to:

- Bớ làng! Bớ làng! Du côn đánh tôi!

Đổp, đổp! Những cái bạt tai khác nện vào mặt, vào tai túi bụi:

- Á! Tao là du côn hả! Mày chửi tao là chửi tiên sư làng này.

Chú Hai cố mở mắt. Thằng lí trưởng mặt đỏ như lửa, quát:

- Việc cúng tế, việc trên đầu trên cổ. Mâm cúng chưa xong, mày dám đi mất. Gọi mày xuống mày chửi. Dân đâu! Trói nó lại! Căng nó ra giữa đình cho tao!

Nó chỉ vào bọn thủ hạ, gầm lên:

- Trù trừ gì? Mau lên!

Bọn thủ hạ xông vào. Chú Hai la làng inh ỏi:

- Bớ làng! Xã Cống giết tôi! Bớ làng...

Chú vừa hét vừa đâm đá, giãy giụa. Bọn anh em xã Cống ập lại vật chú ngã xuống, đè lên người, cời dây thắt lưng trói quặt hai cánh tay và hai chân chú lại.

- Bớ làng bớ xóm! Cứu tôi với! Nó giết tôi rồi! Tổ cha mày!

Thằng xã Cống chạy rút chiếc roi mây, quất tới tấp:

- Chửi này! Chửi này! Phản này! Nghịch này!

Chiếc roi trên tay xã Cống đã nát. Quần áo chú Hai rách bươm, khắp người rớm máu. Xã Cống vút roi, đi thẳng vào rạp hát, cầm dùi đánh châu bảo cứ tiếp tục hát.

Khắp sân đình người đổ ra đông như kiến. Họ dớn dác gọi nhau, chen lấn, xô đẩy, cố xem tận mắt người bị đánh:

- Bà con ơi! Có người bị giết!

- Ở làng nước ơi! Có kẻ giết người!

- Nó sắp chết rồi! Có án mạng rồi!

- Nó phá làng không cho hát!

- Mặt mày nó hung ác lắm!

- Nó là thằng Hai Quân, du côn làng này đó!

Có người bị đẩy ngã ập lên trên chú Hai.

Chú Hai bị trói phơi giữa sân đình. Đến chiều tiếng rên rỉ của chú yếu dần, cặp mắt chú cứ nhắm lại. Thím Hai hoảng sợ chạy lên chạy xuống kêu khóc âm ỉ. Việc đã khẩn cấp. Có người bày cho thím Hai đặt một khay trầu cau đến xin xã Cống tha cho chú. Bọn hào lí bàn ra bàn vào cho là kẻ quân tử không nên chấp đũa tiểu nhân. Thím Hai phải lạy mấy lạy, xã Cống chịu cho chú Hai cởi trói.

Bà con công chú Hai về nhà, tìm ngải cứu dầm với rượu đắp vào những chỗ toác máu. Mười lăm hôm sau chú Hai ngồi dậy được. Ngoài làng, cột cờ dựng giữa sân đình đã hạ xuống, rạp hát từ lâu đã dỡ đi, cuộc sống đã trở lại như cũ. Mỗi buổi sớm, vẫn bọn bồ chao hú gọi ngoài bờ tre làng. Chiều tối, vẫn tiếng trống thu không khắc khoải. Mọi vật đâu đó vẫn y nguyên. Nhưng trong lòng chú Hai đã có cái gì rạn vỡ. Chú không còn cái vui làm lụng để nuôi vợ nuôi con. Chú đứng đưng với nụ cười của bé gái. Thím Hai nói động gì là chú nổi lên quát mắng. Cuộc sống chung quanh trở nên bức bối. Những cảnh áp bức bị xoá mờ nay lại hiện lên. Chú nhớ lại có lần chú đi khiêng đám ma, chú khiêng chống đòn vì người chú cao. Người chú cao hay thấp, cái đó do bà mẹ nặn ra, nhưng chú bị bọn lí hương quát mắng. Chú nhớ lại tháng nào trong làng cũng có tiếng trống mõ báo động, việc đốt nhà trộm trầu xảy ra liên tiếp. Người bị cùm kẹp ở điểm canh gào khóc trong mùa sưu thuế. Kẻ bắt ốc mò cua lũng sục trong ao sình vào những ngày tháng đói. Những ma đậu mùa dịch tễ gào rống. Chú Hai không hiểu vì sao một khi con người sinh ra phải chịu bao nhiêu tai hoạ. Chú nhớ đến Đồng Kim Lân, tai hoạ cứ dồn dập kéo đến. Đồng Kim Lân còn được hồn Khương Linh Tá hiện lên soi đường. Còn thân phận của chú!... Khi nhớ lại mình bị cột ở sân đình dưới cặp mắt chê cười của thiên hạ, chú nghe hoảng hốt. Một tiếng gà gáy. Chú Hai giật mình biết suốt đêm chưa ngủ. Chợt một ý nghĩ bật sáng:

- Phải bỏ làng ra đi!

Cái ý nghĩ đó cứ bám riết lấy chú.

o o o

Chú Hai hoá lằm lì. Một hôm chú cặm cụi lột lá mía đem giọt lại chỗ dột trên mái nhà, che lại tấm phên để gió khỏi lọt, sửa lại cái vành nôi của con bé. Chiều đó, chú bỏ thêm gạo vào nôi. Ăn xong còn gói một gói, nói là sớm mai vào rừng đốn củi. Tối, chú đi nằm sớm. Một chốc sau quanh làng đã im lặng. Chú Hai khe khẽ ngồi dậy, chú cột mo cơm trên cây đòn xóc, đẩy cửa bước ra. Bên ngoài, trời tối như mực. Trên trời không một vì sao. Vài con đom đóm kéo những vệt sáng nhè nhảnh. Cơn mưa đã tạnh, nhưng tiếng động cứ vang lại từ xa. Chú Hai ra khỏi làng. Chú vừa đi vừa chạy. Đi đâu chú cũng chưa biết, chỉ biết cần xa làng, xa cuộc sống chung quanh cái đã. Có thể đến một người bà con cũng bỏ làng ra đi, hiện nay đang làm nghề trồng chè đầu ở vùng núi Trường Định, Phò Nam bên kia núi Chúa. Đến đó cái đã, đi đâu hãy hay. Chú tránh những con đường lớn. Trên những con đường đó có vô số điểm canh. Ra khỏi làng không có giấy căn cước sẽ bị bắt. Chú men theo những con đường nhỏ, vượt qua cánh đồng đầy tiếng ếch nhái van vi. Chú xuống một cái dốc, vượt qua một bãi dâu. Một con sông hiện ra trước mặt. Giữa khuya, sông không có đò. Trời bắt đầu sáng. Chú Hai chui vào giữa một bãi mía ngồi nghỉ. Những xúc động làm chú mệt nhoài. Chú chợp mắt ngủ lúc nào không biết. Khi tỉnh giấc, trời đã xế chiều. Tiếng con bìm bịp nghe rời rạc. Trên trời, một vài con dơi đen bay chấp chới. Chú Hai chui ra khỏi đám mía, lại tiếp tục đi. Người ta bảo Trường Định, Phò Nam ở bên kia núi Chúa. Đi hết đêm thứ ba, chú dừng trước một con sông. Trời vừa sáng, đò bên kia sông vừa sang. Chú ngồi nép sau một bụi dứa, có tiếng người bảo nhau đây là đò Ái Nghĩa. Chú ngạc nhiên, đứng nhìn lên. Đúng bên kia sông là Gò Mùn, trước mặt là sông Ái Nghĩa. Thì ra trong đêm tối chú đã lạc đường, đi quay trở lại. Sang bên kia đò, đi sáu cây số lại trở về thôn cũ. Ở đấy thím Hai và bé gái đang đợi. Một ý nghĩ vụt ra: Hay là ta quay về với vợ con! Chú bước ra khỏi bụi dứa, toan gọi đò.

Nhưng chiếc dò đã xô ra khỏi bến. Chú đã lỡ dò! Chú Hai tin lỡ dò là điềm không tốt. Chú lưỡng lự rồi quay gót đi luôn, đi một mạch không nhìn lại.

Chú Hai nhắm hướng mặt trời lặn đi thẳng. Chú đi mãi đến sát những dãy núi phía tây. Đi lẫn vào những nơi có cây cối rậm rạp. Gặp rẫy sắn rẫy khoai, chú dừng lại moi mấy củ ăn để đỡ đói. Nửa tháng sau, chú Hai biết mình đã ở bên kia núi Chúa. Vì khi ở nhà, ánh điện ban đêm của xứ Hàn ở về phía bắc. Nay cũng ánh sáng đó đã nằm về phía đông nam. Như vậy Phò Nam, Trường Định, nơi có người bà con trồng chè cũng không còn xa nữa.

Trước mắt là một cánh rừng. Vượt qua cánh rừng, chú Hai sẽ men theo những sườn đồi thoải thoải đi xuống phía đông. Nơi đây đã xa nhà, không còn lo sợ có người rượt theo đuổi bắt. Buổi sớm sương xuống dày đặc, đọng mãi đến nửa buổi chưa tan. Chú Hai nhớ mình đi đã lâu nhưng bụi bờ gai góc cứ trải ra như không bao giờ hết. Chợt rừng núi chung quanh trở tối mịt. Gió thổi ào ào. Một tia chớp sáng loá. Sấm nổ! Mưa! Một trận mưa to chưa từng thấy, tưởng như có hàng vạn chiếc chum đang trút nước trên cao! Đói rét và gió mưa đã làm chú Hai kiệt sức. Chân tay tê cóng, chú Hai bước chập choạng. Chợt chú có cảm giác như mình vừa bị rơi vào một chỗ nào đó, sâu lắm, sau đó không còn biết gì nữa!

o o o

Chú Hai bừng mắt, thấy mình đang nằm trong một căn nhà nhỏ. Khắp nhà vắng tanh, xa xa một bóng đèn leo lét. Có tiếng hỏi:

- Đã tỉnh chưa?

Chú Hai mở mắt thấy một ông già. Ông già hỏi:

- Có biết tôi là ai không?

Chú Hai nhìn chăm chăm rồi lắc đầu. Ông già bước tới cầm tay chú. Ông lấy ngón tay trở và ngón tay giữa bấm vào cổ tay chú Hai xem mạch. Chú Hai dần dần nhớ lại những việc đã xảy ra. Một vị quế cay cay đọng lại trong mồm. Ông già lấy cháo loãng đút cho chú mấy thìa, chú Hai tỉnh hẳn lại. Ông già nói rõ từng tiếng:

- Cha mẹ ở hiền thì con cháu gặp lành, Làm điều ác thì ác báo, làm điều thiện thì thiện báo. Tôi đi với mấy người tìm cây tìm lá, tưởng đã gặp người nào bị hổ tha. Khi đến gần thì ra gặp chú, mình mấy thấy vẫn còn nguyên, ngực nghe còn âm ấm. Tôi nói với anh em nên cứu người để lưu cái phước cho con cháu. Họ công chú về đây, may chú sống được!

Ông già hỏi chú Hai ở đâu đến và đến đây có việc gì. Chú kể dần đầu đuôi câu chuyện. Ông già thở phào:

- Thế thì Trường Định cũng gần đây thôi. Ở đây nhiều chè. Người bà con trồng chè ở đâu không biết.

Ông già khuyên chú Hai nên ở lại với ông, đợi ít lâu, thế nào chú cũng gặp được người bà con của chú.

Chú Hai đã ở lại với ông già. Chú Hai tính vốn chịu khó, chú cắt tranh lợp lại mái nhà, đốt rẫy trồng khoai, đan thúng mùng. Chú tìm đá đục được một cái cối giã gạo. Ông già rất mến.

Ông già cho biết tên mình là Tùng Sơn. Bác Tùng Sơn nguyên là người dưới xuôi lên đây làm rẫy. Một người cháu trai lên đây với bác, nhưng người đó đã bỏ về làng vì không chịu nổi cái buồn ở rừng núi. Khi trò chuyện, bác Tùng Sơn hay dẫn nhiều chữ nho. Bác từng thi đỗ tam trường gì đó, sau về làm ruộng. Bác thuộc lầu các sách sử. Những đêm trăng, giữa tiếng cây lá rì rào, bác kể chuyện đời Xuân thu Chiến quốc, chuyện tướng này đánh với tướng khác, vua này đánh với vua khác, đánh ở đâu, vì lẽ gì, ai thắng, ai bại, bác đều nhớ hết. Bác Tùng Sơn giảng giải:

- Đời nào cũng có anh hùng. Đời nay cũng không thiếu. Họ thường ăn núp chốn núi non.

Chú Hai đánh bạo:

- Gặp được họ, ta đi làm giặc coi cũng sướng! Nghiệt nổi ta không có sủng!

- Không có sủng là tại ta! Ta học hành lèm nhèm quá. Nếu ta biết hết được những lẽ huyền vi trong kinh điển, ta cũng đúc được sủng. Như trong Kinh

Dịch, phép đúc sủng, đúc máy bay đều có dạy. Lời lẽ thánh hiền thường khó hiểu, không thể biết được!

Bác Tùng Sơn còn thuộc vô số những bài thơ cổ. Bác thuộc lâu lâu, không chỉ biết tên tác giả mà còn biết tên người chú thích. Nhiều câu hát tuồng, chú Hai chưa hiểu nghĩa, bác Tùng Sơn giảng giải cho chú nghe rất rõ ràng. Chú Hai hỏi:

- Bác nhớ nhiều làm chi cho nặng bụng?

- Có muốn vậy đâu. Nhưng đọc đâu nhớ đó, cạy không ra nữa. Một lần tôi đi thi, quan chủ khảo ra bài phú có chữ "lãng", nghĩa nó là sóng. Tôi thuộc từ điển vần, biết đó là chữ "lang" chứ không phải chữ "lãng". Khi làm bài tôi gieo vần theo vần lang. Bọn chấm thi là đồ ngu dốt. Tôi bị đánh hỏng.

Chú Hai cười:

- Sao bác không làm ông kí ông thông cho sướng? Lên rừng làm rẫy chi cho mệt!

- Cực chẳng đã tôi phải bỏ làng!

Chú Hai ngờ bác Tùng Sơn cũng từng chạm trán với lí trưởng:

- Bọn lí trưởng đánh người.

Bác Tùng Sơn liền nghiêm nét mặt:

- Chúng không dám động đến cái lông chân tôi đâu! Bọn quan trên cũng phải nể mặt...

Thì ra không chỉ những người bị đánh đập mới bỏ làng ra đi. Cả những người học giỏi, thông minh, được vị nể cũng phải bỏ làng đi lên núi.

Bác Tùng Sơn như ôn chuyện cũ:

- Tôi như nghệt thờ! Đến đâu cũng gặp những trò chướng tai gai mắt. Nhân tâm thay đổi, thế sự đảo điên. Bọn tiểu nhân gặp thời đắc chí lên mặt. Kẻ quân tử bị tai hoạ gông cùm. Bọn gian nịnh vinh thân phì gia. Người nghĩa

sĩ mắc vòng hoạn nạn. Hứa Do ngày xưa vì nghe một lời vô đạo phải ra suối rửa tai. Bá Di, Thúc Tề phải lên núi ăn rau mà sống...

Bác Tùng Sơn ngừng một lúc lại tiếp:

- Chung quy cũng vì ta mất nước. Nước mất thì nhà tan. Tôi bỏ làng ra đi... Kẻ quân tử lúc thời loạn phải thích rừng núi. Tôi cũng muốn gặp một người "chơn như" nhưng chưa gặp được!

Bác Tùng Sơn còn biết rất nhiều cây lá dùng để chữa bệnh. Bác hái về, chỉ tên từng loại, bày cho chú Hai cách sao chế dùng để hộ thân và để cứu người. Bác đem tiền lo lót lí trưởng trong làng mua cho chú một thẻ thuế thân có đóng dấu và có chữ kí hẳn hoi. Nhờ đó chú đi khắp vùng Trường Định hỏi thăm tông tích người bà con tròng chè. Có lúc chú gánh một gánh chè xuống tận vùng xuôi để bán. Thỉnh thoảng bác Tùng Sơn cũng "xuôi" một chuyến, có khi nửa tháng mới về.

Một chuyến bác Tùng Sơn về thăm làng, mãi không thấy quay lại. Một tháng, hai tháng... Bác Tùng Sơn đi biệt. Quê bác ở đâu, chú Hai không rõ.

Vắng bác Tùng Sơn, chú Hai quay ra quay vào cũng chỉ một thân một bóng. Rừng núi càng hoá quạnh hiu. Suốt đêm vượn hú. Chú Hai trăn trở nhớ nhà. Một tiếng động rất khẽ. Chú Hai nhìn ra ngoài thấy một vành trăng như gần lắm. Chợt chú thấy thím Hai bước vào. Thím mặc chiếc áo mới. Chú Hai ngỡ ngỡ hỏi thím đi đường nào. Thím Hai bảo thím đi đường thẳng, đi theo đường chim bay thì gần.

Chú Hai hỏi:

- Thế ở làng ra sao?

- Người đói rất nhiều. Mình bỏ làng ra đi là phải. Còn tôi, tôi đã về rồi!

Thím Hai khóc thút thít.

Chú Hai bừng mắt. Thì ra chú vừa nằm mơ. Bên ngoài gió bẻ một cành cây kêu rảng rặc. Chú Hai nghe bàng hoàng, biết là thím đã về báo mộng. Chú nhớ câu thím Hai vừa nói "Tôi đã về rồi!". Xưa kia thánh hiền đã nói "Sống

chỉ là tạm, chết mới thật là trở về". Như vậy thím Hai đã chết! Mưa đổ ào ào. Mùa mưa đã đến. Nhớ đến thím Hai, nhớ đến con dại, chú Hai nghe đau như cắt.

Ròng rã hai tháng, rừng núi như trải qua một cơn điên loạn. Tất cả đều ngập ngụa, cây lá ngổn ngang. Cảnh hoang tàn bày ra khủng khiếp. Chú Hai thấy mình đã lạc vào một thế giới xa lạ, Cảm giác đó lớn dần làm chú hoảng sợ, chú thấy rõ không thể ở lại...

o o o

Mưa chưa dứt hẳn, chú Hai đã chuẩn bị đi bán chè. Chú Hai còn mang theo cây lá chữa bệnh và mấy liễn trà nguồn để biếu những nhà quen biết. Chú Hai bán loại chè ngon. Uống một bát, ai cũng khen đúng là chè nguồn, vừa thơm vừa ngọt. Có ai đau đầu sổ mũi, chú biếu cho vài vị thuốc, trong uống ngoài xoa, bách bệnh tiêu trừ, hiệu nghiệm như thần như thánh. Một vài bà ở Năm Ô nhận thấy một việc lạ. Người nào về Nam Ô cũng phải mua một chai nước mắt ngon về cho cho vợ. Đẳng này chẳng thấy chú Hai làm việc đó. Có bà dò hỏi:

- Này anh Hai, phải mua cái chi cho chị Hai chớ?

Chú Hai vẻ mặt rầu rầu:

- Nó bỏ tôi rồi!

- Thế cô ta lại có một nơi mô rồi hả?

- Nó chết, tôi mới tiếc chớ!

- Úy, lâu chưa?

- Bốn năm!

- Vẫn ở vậy?

- Chớ ở với ai?

- Tội nghiệp chưa! Nhưng rồi cũng phải kiếm nơi mô chớ!

- Chưa dám.

- Hừ! Tại sao?

- Chưa có ai nhờ đỡ một tay.

Các bà nổi cười:

- Vì mình chưa nhờ đó thôi! Một cô chưa chồng ở làng này có thể lấy một ông chưa vợ ở xã khác chứ!

- Nhưng đi theo tôi thì phải rúc núi! Họ có sợ hùm beo hay không?

- Ừ, đàn bà xứ này sợ hùm lắm. Hay là cưới xong anh ở quách dưới ni. Thế gian cũng lắm người ở theo quê vợ.

Các bà quả quyết:

- Về dưới ni, hay đó! Vượt suối băng ngàn chi cho mệt! Về dưới ni, ra khơi, một chuyến được ông bà phù hộ, của tiền không để đâu cho hết. Không ra khơi thì muối mắm, đóng bộng đóng thùng. Thiếu chi việc. Bắt mạch bốc thuốc cũng được...

Nói vậy cho vui chứ thâm tâm chú Hai không dám nghĩ đến những chuyện đó. Chú là một thằng trốn làng, quan trên bắt được không thoát tù tội. Chú nghĩ còn phải bay xa. Cây cung còn đang chờ chú. Chú nói cho qua chuyện:

- Muôn sự rồi đây phải nhờ cô bác...

Mỗi lần về Nam Ô bán chè, chú Hai thấy nhiều thuyền đánh cá ra khơi. Chú Hai thấy nhiều thuyền đánh cá ra khơi. Chú nghĩ: Nếu mình được vượt biển đến một nơi xa lạ! Giữa một đảo vắng, trời biển mênh mông, còn ai biết được Một chuyến xuống Nam Ô, chú Hai gọi chuyện với các bà quen biết, muốn ra ngoài đảo một chuyến để kiếm đồng lời. Bà Hương Quý buôn trầu cho biết bà sẽ đi cù lao Chàm thăm người bà con ngoài đó. Chú Hai muốn đi, sẽ theo thuyền đánh cá cùng đi.

- Chị em mình ra ngoài nó thăm chơi. Ngoài nó, tôi có con cháu gọi tôi bằng dì. Nó đẹp nết, siêng làm, chỉ phải cái hay kén chọn. Nói đến chồng con là nó cứ giãy nảy.

Chú Hai nửa đùa nửa thật:

- Thế phải nhờ mỗi lái thật giỏi. Bà chị phải ra tay, mọi việc mới xong được.

o o o

Một con thuyền ra khơi đánh cá, nhân tiện đưa bà Hương Quý và chú Hai ra cù lao Chàm. Trời bẽ mệnh mông, chiếc thuyền như nô đùa trên sóng. Chú Hai đang vượt trùng dương để đi biệt tích đến một nơi xa lạ. Từ lúc bỏ làng ra đi, chú chưa bao giờ thấy một cảm giác bình tĩnh dễ chịu như lúc đó.

Bà Hương Quý giới thiệu với mọi người bà có người em bên chồng ra thăm bà con ở đảo. Nhân tiện em chồng của bà có mang theo nhiều "linh đơn" để cứu nhân độ thế. Bà mở đôi bầu, lấy ra từng vị thuốc. Ai cũng xúm lại kề mũi hít hít. Nó thơm tho, không giống những rễ cây đa cây đề của những ông lang dưới biển. Chú Hai tặng cho bà con mỗi người một thứ. Uống lành được bệnh, sau này hãy mua, nay chú không lấy tiền, đừng đưa vô ích. Hôm đó, có một đứa bé cứ kêu đau trong cổ, nước bọt cứ trào ra. Chú Hai lấy nắm lá rẻ quạt tán nhỏ đem rà vào họng cho nó. Hôm sau, đứa bé đã lành. Chú Hai không ngờ thuốc mình lại hiệu nghiệm đến thế. Bà Hương Quý đưa chú đến gặp cô cháu gái. Cô không đẹp lại bị gù lưng. Chú Hai nghĩ chưa phải cô chê chồng mà cô bị chồng chê. Chú Hai bụng mừng vì cô có gù lưng thì dì của cô là bà Hương Quý mới hết lòng giúp đỡ nên đôi nên lứa. Chú Hai bảo sau này sẽ cho cô vài lá cao là cái lưng gù sẽ biến mất. Bà Hương Quý đang lo có thật chú Hai goá vợ hay không? Bà hỏi lại kĩ. Chú Hai nói chú sẽ sắp xếp về ở quê vợ, như vậy để bà con hiểu rõ bụng chú.

Chú Hai cóp nhặt được số tiền đem đưa cho bà Hương Quý nhờ bà lo việc cưới xin. Nhờ bà Hương Quý, mọi lễ nghi đều được miễn giảm. Bên nhà trai chỉ ông Hương Quý về dự.

Chú Hai đã ra giấu tông tích ở cù lao Chàm. Những hôm tạnh trời chú nhìn ra xa, rất xa về phía đất liền, lòng chú nao nao, bao nỗi nhớ thương dâng lên cuộn cuộn.

Hơn một năm sau, thằng Cù Lao ra đời. Tiếng khóc của nó hoà lẫn với tiếng sóng đại dương. Nó lớn lên giữa bao la trời biển. Lên ba, mẹ nó mất giữa một đêm giông bão. Hồi đó nó đã biết chạy chơi trên bãi cát trắng. Năm

tuổi, nó tập đùa nghịch với sóng. Tám tuổi, nó tập đi khơi. Mặt trời và nước biển làm da nó đen kịt, thịt xương nó quánh lại. Đã mười hai tuổi nhưng người nó bé tí tẹo như đưa lên chín lên mười. Khoảng rộng đã làm đôi mắt nó hoá tinh. Nó nhìn thấy một đàn chim én bay lẩn trong mây không ai thấy được. Cho đến Tổng khởi nghĩa! Ở ngoài cù lao Chàm, cờ đỏ sao vàng bay phấp phới. Các uỷ ban được thành lập. Chú Hai nhận ra một việc kì diệu: biển cả không còn là nơi cách biệt. Con đường về làng từ lâu bị cắt đứt bỗng nhiên nối lại. Con sông Thu Bồn, bỗng thấy gần đâu đây. Chú Hai biết rõ cơn bão táp dữ dội đã quét sạch mây mù ở quê. Đất đã lành, chim bay về tổ cũ. Chú Hai dắt thẳng Cù Lao lên thuyền. Thuyền rẽ sóng bay về Cửa Đại. Chú lên phố Hội An rồi vội vã thuê đò về ngay Hoà Phước.

o o o

Chú Hai Quân và thẳng Cù Lao đã về ở với anh chị Bốn Linh. Nhà tôi với nhà anh Bốn Linh chỉ cách nhau một cái vườn. Ngồi ở nhà tôi thấy đàn gà đang bới ở nhà anh Bốn. Ra vào, tôi thường gặp thẳng Cù Lao. Tôi biết nó muốn làm thân với tôi. Thật bụng tôi không thích chơi với nó. Không phải tôi muốn đòi hỏi gì, nhưng nom nó buồn cười quá. Chỉ cái mũ nhiều màu và cái quần có quai của nó cũng đã làm cho bọn trẻ cười bò. Lại còn tiếng nói của nó trọ trọ, đầu nó lại trọ lóc, thì bảo đứa nào muốn gần nó?

Những việc tôi làm dễ như chơi, thẳng Cù Lao xem như việc phi thường dưới trần này chỉ có tôi mới làm nổi. Được nó tán phục, tôi càng ra mặt tài giỏi. Thường lúc lên lưng trâu, tôi trèo đặng hông, hai tay cố bấu vào sống lưng trâu, một chân đặt vào khuỷu chân trâu, lấy đà trèo lên. Nhưng khi có thẳng Cù Lao, tôi lại lên đặng đầu. Tôi nhảy lên ngồi trên đầu trâu Bính giữa hai cái sừng nhọn hoắt, sau tôi mới nhảy lên lưng trâu. Thẳng Cù Lao nhìn tôi, lắc đầu phục lẩn phục lóc:

- Tui không làm nổi!

Tôi hỏi:

- Thế sao tao làm được?

Nó cứ trầm trồ là ở đây ai cũng giàu, cũng nhiều đồ dùng, nhiều cửa. Cái gì nom cũng lạ, khác chỗ nó ở, chỉ thấy lưới với thuyền. Thuyền nào cũng giống như nhau cả. Ông Kiềm Lài làm nghề tráng bánh đa, nghèo xơ xác, nó cũng cho là giàu, vì ông có nào cối xay bột, nồi tráng bánh, cái sấy bằng tre, mảnh bằng nan. Nó cho anh Bốn là người giàu nhất, vì anh có đến hai mươi cái nong, bảy cái nia, một cái đuối để tắm. Ngoài hè còn nào là cây chống, nẹp tre. Giỏ tre cái nào cũng to bằng vại muối mắm. Cả bà Hiến nghèo chấy gắp nó cũng khen nhà bà có lắm cái đẹp. Bà có một tờ tranh in hình hai ông Tây. Một ông có râu, một ông không râu, hai người đang cầm li rượu mời nhau uống. Xung quanh nhà bà có vô số những chum vỡ, lọ vỡ, ống bơ, những đồ người ta vứt đi, bà Hiến nhặt về, thẳng Cù Lao nhìn nhìn ra vẻ thích thú. Một hôm nó chạy về thở hổn hển. Nó cho biết nó vừa thấy hai cái che ép mía ở nhà ông Tư Trai.

- Thế mà thấy cái phủ đặt trên đầu ông che chưa?

Nó lại chạy sang nhà ông Tư Trai hỏi cái phủ. Bọn chó thấy nó đội cái mũ lạ lạ xông ra đuối cắn.

Tôi hùa theo bọn chăn trâu trâu nó:

- Này Cù Lao, bọn chăn trâu nói mà là mọi có đuôi đó!

Nó cười thản nhiên:

- Ủ, có một cái đuôi thì tôi thiệt thích! Được một cái đuôi dài như đuôi ngựa, phất qua phất lại mà hay!

Nói xong nó cười hì hì ra vẻ khoái trá.

Tôi nói thẳng:

- Chúng cho mà là dân dã man uống nước bằng lỗ mũi đó.

- Uống nước bằng lỗ mũi! Phải tập lâu mới uống được chớ! Uống được bằng lỗ mũi thì được vào làm xiếc, sang trọng lắm!

Tôi ngờ ngờ thấy thẳng Cù Lao nói có lí. Giả sử tôi có một cái đuôi và uống nước bằng lỗ mũi thì sẽ được mọi người trầm trồ, chẳng có gì dã man cả.

Chương 3

Hôm chú Hai Quân và thằng Cù Lao vừa về, anh Bốn Linh hứa với ông Bảy Hoá sẽ giết lợn cúng mừng. Tưởng anh nói chơi, té ra anh làm thật. Anh Bốn có một con lợn. Lúc mới mua về, nó bằng bắp chân, gầy giơ xương, nằm ép trong một cái rọ. Thức ăn thừa, chị Bốn dồn hết cho nó. Cách biệt đãi như vậy đã làm chó Vện tức lợn ruột. Nó đứng nhìn lợn ăn, cặp mắt náy lửa. Hễ gặp chị Bốn đâu con lợn cũng kêu ụt ịt, cái đuôi giống con giun càng ngúc ngoắc. Nó theo chị Bốn đi vào buồng, lên nhà trên. Nó còn cả gan đi ngang trước bàn thờ. Hễ chị Bốn sờ đến, nó liền nằm duỗi chân, mắt nhắm lại. Chị Bốn lấy ngón chân chọc vào hông nó. Nó bảo:

- Chớ chọc, chớ chọc!

Nó lớn lên như thổi. Sau nó đồ đốn không giữ vệ sinh. Chị Bốn phải tống nó vào chuồng. Anh Bốn bảo nhân dịp chú Hai về làng, nên bày tiệc mừng, mới bà con nhậu một bữa:

- Mấy lâu này mình vác miệng đi ăn của nhà khác cũng nhiều! Ai chớ ban chỉ huy dân quân phải mời hết, vì mình cũng là chỉ huy.

Chị Bốn tuy lòng dạ rộng như biển, nhưng giá làm thịt con lợn nhỏ bằng nửa con lợn nhà thì vẫn hơn. Gặp bác Úc, bác Úc mách nước:

- Họ Nguyễn nhà mình trước đây lép vế quá! Nay đã mở mày mở mặt. Anh Sáu đã làm nên. Trong họ, có đứa làm ở cấp huyện, cấp xã, nay chú Hai về, làm tiệc cũng phải. Nhưng làm vừa vừa, phải luôn luôn giữ chữ cần, chữ kiệm. Đem bán quách con lợn cho bọn hàng thịt, ta chia lại nửa. Vậy cũng đủ. Nhà tao và nhà con Ba làm vài thứ bánh. Tốt lắm rồi!

Bác Úc còn dặn:

- Chẳng nên nói cúng mừng cúng miếc gì cả. Nói có đám giỗ mời bà con đến uống rượu, vậy thôi!

Chị Bốn lấy nếp ra hông. Anh Bốn đi tập tữ vệ về nhà chưa kịp đặt cây côn đã vác búa ra sân bừa củi. Nhà cửa quét dọn sạch sẽ, bàn thờ lau chùi sạch bóng. Cối chày nôi niêu nhà tôi và nhà chị Bốn cứ lịch kịch lốc cốc. Tôi nói với thằng Cù Lao:

- Mà về làng sướng chưa? Được tiếp như vua Bảo Đại!

Tôi đang chờ đợi một sự kiện lớn xảy ra. Nhà tôi đóng góp vào bữa tiệc một khay xôi ngọt. Tôi được chị Ba giao việc giã nếp. Tôi giã hăng đến nỗi chị Ba phải giật chày bắt thôi, vì nếp đã trắng quá. Chị Ba vuốt nếp, hông xôi, nấu đỗ, trộn vào nhau, xéo với đường làm món xôi ngọt. Chị Ba bới tất cả vào một cái khay, ép xôi lại, rắc vừng. Mùi thơm của xôi bay ra, tưởng không có mùi thơm nào thơm hơn được. Tôi ngồi nhìn. Chợt tôi gọi chị Ba khe khẽ:

- Chị Ba! Chị coi có miếng cháy...

Chị Ba quắc mắt:

- Đồ để cúng mà mày định ăn trước hả?

- Một miếng cháy nho nhỏ thôi.

Chị Ba càng la to:

- Không có miếng cháy nào cả!

Làm món xôi ngọt xong, chị Ba còn làm giúp bác Úc món bánh giò. Chị vuốt nếp, hông đỗ, lấy lá dong gói thành những chiếc bánh vuông vức to bằng đầu gối. Chị Bốn lấy ra một bó vải sợi, vác thang ra vườn chặt ba trái mít, đem đi chợ bán để sắm hương đèn mắt muối. Tôi cùng đi chợ để gánh giúp cho chị Bốn. Anh Bốn cho thằng Cù Lao cùng đi theo.

Tôi với chị Bốn mỗi người gánh một gánh nhẹ đi trước. Thằng Cù Lao theo sau. Ra khỏi bờ keo vườn bác Úc, con đường hoá thành thang. Bên trái là bãi dâu trải ra lớp lớp. Dọc đường, chốc chốc một hồ nước hiện ra như một tấm gương sáng quắc. Quanh hồ, những bụi tre xanh nghiêng nghiêng trên

nước. Đường vào chợ càng rộng rịp. Gặp nhau ai cũng hỏi han chào đón. Chị Bốn khen:

- Độ rày đi chợ sướng lắm! Ăn mày, ăn cắp bỏ nghề đi đâu mất!

Chị Bốn lo bán vải sợi trước. Bàn hàng từ Bảo An lên mua sợi đi một hàng dài. Người nào cũng có một cái cân móc trên khuy áo trước ngực, trên vai vắt một khăn vuông to. Cuộn sợi nào cũng được người mua sờ bóp, được vạch ra xem rồi bị chê là sợi chưa nhỏ chưa đều. Cái khăn vải vắt vai của người mua phồng dần to bằng quả bưởi, sau to bằng cái cối. Bán vải xong, chị Bốn rẽ sang hàng hoa quả. Mít chất thành đống, có trái to bằng cái lu. Người mua lấy tay vỗ về. Bà hàng mít cầm con dao to, cắt phàm phạp thành từng miếng hình lưỡi búa. Mít nghệ múi vàng hươm. Mít dứa múi trắng bạch. Mít dai hay mít mật mùi thơm đều thơm ngát. Bí với dưa gang gánh đến hàng giỏ. Bà bán hoa quả thấy thằng Cù Lao đội cái mũ nồi lạ lạ, liền nhặt đưa cho nó hai quả ổi nếp, hỏi thăm có phải nó ở Lục Tỉnh về không. Ai cũng tốt bụng, cũng muốn cho người khác một vật gì. Mọi người trong chợ đều vui vẻ. Ngay cả mục Búp, mục Xù trước đây hay gay gổ, chuyên nghề đánh cắp thịt cá, cũng trở nên hoà nhã hiền lành.

- Mình là dân nước độc lập, Cách mạng lên rồi, "xớ" thịt cá của bà con chi nữa!

Chị Bốn đứng trước đống dưa Chiên Đàn ngọt nổi tiếng. Cầm lòng không đậu, chị mua chục quả về bỏ mắm. Chị mua cho thằng Cù Lao một chùm lòn bon ăn cho biết. Lòn bon rất quý, trước Cách mạng chỉ để dâng vua. Chợ có chỗ bán tranh tre, than củi. Các bà bán than mặt mày đen thui. Những chú bán tre chân tay bị gai cào xây xước. Dây dứa khoanh thành khoanh. Dầu rái đựng thành gàu. Chè tươi bó thành bó. Ngô khoai vừng đồ phơi đủ màu sắc. Thằng Cù Lao dừng trước hàng cá biển, nhìn chăm chăm, miệng há hốc. Không ngờ những loài vật nó thường vọc, thường bị kẹp, ở đây đều có đủ. Từ những con cua lớn tuy bị trói chặt nhưng vẫn ngo ngoe, những con tôm hùm lấm rêu lấm càng, cho đến các loại cá cơm, cá nhám, cá chim, cá sòng sắp đầy mẹt đầy rổ. Thằng Cù Lao tưởng thấy lại mùa cá ở

biển. Chúng tôi kéo sang hàng bán bánh đầy hấp dẫn. Bánh nậm bột mịn, nhân tôm sấp thành chông. Bánh ú, bánh gio gói lá dong buộc thành chùm. Bánh bèo đổ trên bát, bát nào cũng nhảy mỡ, rắc đầy nhân thịt với tôm. Bà bán bánh xèo đổ bột vào chảo chốc chốc nghe "xèo". Bà bán bánh đa phe phẩy chiếc quạt tre, trở cán quạt ép bánh vào nôi lửa, bánh phồng giòn tan. Các cô hàng xén đến chợ chỉ gánh một gánh trên vai. Gánh đặt xuống biển thành cả một quầy hàng, hai đầu gánh lấp không biết bao nhiêu là mủng, cái nhỏ lấp trong cái lớn, đựng đủ các thứ trên đời, từ cây kim sợi chỉ, bánh xà phòng, mớ bồ kết, cho đến tiêu, hành, tỏi, ớt, hương, đèn, giấy mã, không sót thứ gì. Dù ai đã đi khắp thiên hạ, đọc hết sách vở, nhưng nếu chưa đến thăm chợ Quảng Huế thì trình độ vốn hiểu biết vẫn còn thấp.

Chị Bốn mua mắm muối, dầu lạc, dầu dừa, thứ nào cũng chỉ đùm trong lá chuối hơ lửa, không biết bao nhiêu là đùm to nhỏ, chẳng cần phải chai lọ linh kính phiền phức.

Tôi và thằng Cù Lao dạo chơi quanh chợ. Ở góc chợ là hiệu thuốc bắc. Tôi chỉ cho thằng Cù Lao thấy bức tranh vẽ một người trần truồng bị hàng trăm cây kim đâm vào đầu, vào tim, vào bụng. Thằng Cù Lao không hiểu người đó bị tội gì mà phải chịu một nhục hình ghê sợ vậy. Tôi giảng cho nó biết, đó là hình vẽ những huyết trong thân thể người ta. Ai cũng có trăm thứ bệnh, chỉ cần lấy kim chích vào những huyết đó thì bách bệnh sẽ tiêu tan. Trên một cái tủ đầy những hộc, tôi chỉ cho thằng Cù Lao thấy ba ông phúc, lộc, thọ làm bằng sứ. Ông nào trông cũng phương phi, cũng có vẻ thần nhiên phớt lờ. Đối với họ, chợ Quảng Huế đông hay không đông, thằng Cù Lao có đội mũ nôi hay không đội mũ nôi là điều không cần biết đến. Tôi dẫn thằng Cù Lao lượn qua chỗ bán chiếu, chỗ bán nôi đất, các quán bán mì quảng, nhìn ngang nhìn ngửa cốt để khoe với thằng Cù Lao cái hay cái lạ bày trong chợ.

o o o

Lúc quay về nhà, trời đã xế. Đến tối, lợn đã mổ xong. Bà con đến giúp việc nấu nướng đều có mặt. Tất cả nôi niêu bát đĩa nhà tôi và nhà bác Úc đều

được đem ra, gánh về nhà anh Bốn. Tiếng giã giò lộp bộp. Tiếng băm thịt lốc cốc suốt đêm. Lửa bếp sáng tận ngoài bờ tre. Chị Ba, chị Bốn hết hỏi món này đã giã hành chưa, món nọ đã rắc tiêu chưa, lại gọi tôi và thằng Cù Lao sai múc nước, lấy củi, kê đèn, đánh chó. Các chị thò đũa vào nồi để khuấy. Hết khuấy lại ngửi, lại nếm. Lúc trời sáng, anh Bốn giao tôi đi mời khách trong làng. Anh Bốn mượn sẵn cho tôi cái áo dài đen. Cách đi đứng của tôi hoá khác. Bọn chó thấy tôi ăn mặc lạ lạ nổi sủa rất dữ. Tôi dắt thằng Cù Lao đi theo. Hễ gặp khách phải mời, tôi khoanh tay trước ngực lặp lại lời anh Bốn dặn:

- Hôm nay nhà anh Bốn Linh tôi có giỗ, nhân cũng để mừng chú Hai tôi về làng, mời bác đứng giờ ngọ lại nhậu rượu!

Đi hết xóm trên, tôi ra ngoài vạ để mời ông Hoạ. Ông Hoạ đang ngồi trong thuyền. Tôi không thể đứng khoanh tay, phải chui vào thuyền, phải ngồi xếp lại nên gặp nhiều lúng túng. Ông Hoạ đang nói chuyện với ông Mười Ý. Ông Mười Ý hỏi to:

- Mà mời ông Hoạ, thế có mời tao không?

Tôi không biết nên giải quyết thế nào. Nhớ rõ anh Bốn không dặn mời ông Mười Ý, tôi nói dứt khoát:

- Không mời.

Cả thuyền cười ồ.

Chui ra khỏi thuyền ông Hoạ, tôi đến xóm giữa để mời ông Bảy Hoá.

Tôi sực nhớ ông Bảy vừa mua đầu về một con chó mun rất dữ. Phen này thấy tôi xúng xính trong chiếc áo dài, chắc nó không tha. Tôi sợ chó cắn, cái sợ tăng dần. Tôi quay lại gạ thằng Cù Lao:

- Mà biết ông Bảy Hoá không?

Nó trả lời liền thoảng:

- Ngày bữa gì, ông Bảy Hoá có một vết sẹo trong mông.

Nghe nói chuyện lạ vậy, tôi bực mình nói xãng:

- Cái vết sẹo đó có trời biết! Tao biết ông Bảy Hoá có râu thôi.

Nhưng nghĩ đến con chó dữ của ông Bảy Hoá, tôi dịu giọng:

- Thôi được. Áo dài đây, cho may mời ông Bảy một cái cho sướng!

Tôi vừa nói vừa cởi áo dài đưa cho thằng Cù Lao. Nó sướng ra mặt vì nó cũng thích được đi mời như tôi.

Thằng Cù Lao vào nhà ông Bảy. Tôi ngồi đợi ngoài ngõ. Đợi mãi chẳng thấy nó quay ra, tôi buộc phải gọi to. Con chó mun của ông Bảy chạy vụt ra, thấy tôi thập thò, nó xông vào đuổi cắn.

Tôi phải vừa bước thụt lùi vừa chống đỡ. Một lúc sau thằng Cù Lao mới chịu hiện ra. Nó còn khoe với tôi là nó được ông Bảy đãi mít. Sau khi ăn mít, nó còn được xem tranh vẽ Thập Điện Diêm Vương trên bàn thờ thần trong nhà ông Bảy.

o o o

Khi tôi và thằng Cù Lao quay về đến nhà, cỗ bàn đã dọn sẵn. Khách khứa đến đông đủ.

Anh Bốn Linh, khăn áo chỉnh tề, thắp hương đèn bắt đầu làm lễ. Tôi đang chờ anh Bốn bái hai bái rồi thụp xuống lạy như mọi khi. Nhưng anh Bốn đứng yên, hai tay buông thõng, cúi đầu nhắm mắt. Chợt anh ngẩng lên nói oang oang:

- Thưa bà con cô bác, thôn Hoà Phước chúng ta thiệt đáng tự hào! Xưa kia có ông Bùi Kiệt theo đảng Cần Vương bỏ nhà ra đi mưu đồ việc lớn. Ai cũng tưởng ông bị Tây giết. Vừa rồi mới biết ông thoát lên núi. Con cháu của ông còn sống ở Dùi Chiêng. Sau hôm cướp chính quyền, cháu nội của ông là ông Hội Hiệt về đây tìm lại họ hàng tông tích. Như vậy cách mạng đã trả lại làng xóm tổ tiên... Chú Hai Quân chúng tôi trước đây không chịu áp bức, bỏ làng ra đi, bụng dạ luôn luôn hướng về cách mạng. Nay nước nhà độc lập. Đất lành chim bay về đậu. Về đây chú thấy bà con ai cũng tham gia cách mạng, vui đó không chi sánh kịp. Hôm nay nhà có giỗ, lại có chú Hai chúng tôi về, mời bà con đến cầm chén rượu nhạt...

Chợt anh Bốn Linh vung cao nắm đấm hô to:

- Cách mạng muôn năm!

Tiếng hô bất ngờ, chỉ thầy Lê Hào hô theo.

Trên bàn thờ, hai ngọn nến run run. Như vậy, theo mẹ tôi, là vong linh ông bà đã về hưởng. Tôi đợi anh Bốn tắt đèn, cho hạ cổ bàn. Anh Bốn vẫn nghiêm trang:

- Xin mời chú Hai phát biểu ý kiến.

Chú Hai bị gọi bất ngờ, giật thót. Chú đứng lên dặng háng đã mấy lần nhưng chỉ lí nhí được mấy tiếng:

- Chúc bà con hai chữ khương ninh.

Anh Bốn Linh sai dọn cỗ, mời khách ngồi vào mâm, bắt đầu rót rượu. Tiếng so đĩa, tiếng mời nhau rộn lên. Ông Tư Trai ngồi ở mâm trên hỏi to:

- Anh Hai và cháu nhỏ đâu rồi? Mời ngồi lên mâm trên này.

Chú Hai xin từ chối, liền bị mọi người phản đối. Thăng Cù Lao cũng bị đẩy ngồi lên mâm trên. Nó đưa tay vẫy tôi lên, nhưng đợi mãi chẳng có ai mời tôi lên cả.

Ông Bảy Hoá thò đĩa gắp một cục chả giò to tướng, chấm nước mắm, bỏ gọn vào mồm. Cả bộ râu dài của ông Bảy nháy nhót theo nhịp quai hàm đang làm việc khẩn cấp. Chưa nuốt xong, ông lại đưa đĩa kẹp luôn cả hai khoanh chả giò nữa, đưa ra trước mắt nhìn như xem thử nó có quá to không. Chợt ông thả gọn cục chả vào bát thăng Cù Lao. Ông Tư Trai càng tỏ ra cương quyết. Ông bưng cả bát chân giò lấy đĩa bới tìm miếng to nhất, chấm nước mắm cẩn thận, bỏ vào bát của thăng Cù Lao. Đến lượt thầy Lê Hào cũng gắp bỏ cho nó nửa cái bánh giò. Dượng Hương Thư dành cho nó cả một đĩa xôi ngọt. Thăng Cù Lao vừa nhai vừa nuốt, cặp mắt sáng rực. Thanh toán xong món chả và chân giò, nó còn ăn thêm cả nửa bát mọc. Nó ra tay bóc bánh và ăn xôi ngọt. Quả là thăng ngọc, không biết tính toán gì cả. Cứ để bụng ăn cho hết các món xào nấu trong mâm cái đã. Còn bánh giò

và xôi ngọt cứ giữ lại rồi làm một tiệc nữa có sướng không? Tôi nháy mắt bảo nó khoan đã, nhưng nó cứ nuốt. Thịnh thoảng anh Bốn gọi:

- Thêm đây một đĩa bánh, nghe!

- Thêm một đĩa thịt đây, nghe!

Ở nhà dưới, chị Bốn cũng dạ to không kém. Phải dạ to để được rôm rả.

Khách khứa cười nói vui vẻ. Câu chuyện xoay quanh những việc hôm cướp chính quyền. Làm sao ta cầm được cây cờ đỏ sao vàng trên ngọn cây sung chót vót? Vì sao ai nấy cũng đều rậm rắp? Ai cũng muốn biết việc cướp chính quyền ở ngoài biển ra sao.

- Ngoài nó cũng dữ như trong ni chớ?

- Cũng kinh thiên động địa vậy!

Câu chuyện chuyển sang việc ông Hội Hiệt, cháu của ông Bùi Kiệt ở Dùi Chiêng về tìm tổ tiên ở Hoà Phước. Trước đây khi bọn Pháp đưa ông Bùi Kiệt đi giết, ông xin một vuông vải đỏ. Ông cầm vuông vải niệm câu thần chú. Vuông vải bỗng biến thành con rồng. Rồng bay mang ông về núi.

Ông Kiểm Lài vừa nhai vừa nói:

- Con trai ông Kiệt là ông Bá Hoành. Con trai của Bá Hoành là Hội Hiệt săn cọp tài lắm!

Ông Kiểm rút khăn lau mồ hôi trán, dừng lại thở, nói tiếp:

- Ông Hội Hiệt hôm về làng có biểu bà con mấy chai rượu hổ cốt, trị bệnh đau xương như thần. Ông nói dưới ni ít gỗ. Ta làm trường học thì cứ lên Dùi Chiêng lấy gỗ. Có phải vậy không anh Hương Thư? Anh ở trên nó chắc rõ.

Dượng Hương Thư ngừng gắp:

- Dạ, thiệt vậy! Chú Hội Hiệt có bè gỗ tốt.

Rượu với tiêu ớt đã làm mặt mày thầy Lê Hảo đỏ như gấc. Thầy phải nghỉ gắp để kịp đưa ý kiến của mình:

- Nghe nói đến làm trường là tôi lo ngay ngay! Tôi phải đi Đà Nẵng một chuyến. Ra ngoài nó mượn anh Sáu quyển sách của ông Lê- nin. Tôi phải xem cho rõ đoạn ông bày về cách dạy dỗ trẻ con thế nào. Nếu anh Sáu không có sách của Lê- nin thì phải mượn cuốn của ông Mác. Các vị cũng là bậc thánh cả.

- Nên mượn lâu lâu - Ông Bảy Hoá vừa nói vừa đặt đĩa để vuốt râu - Độ này cặp mắt tôi nó lem hem quá, thấy một bông đèn hoá hai bông đèn. Tôi cũng đọc để biết tại sao ông Lê- nin nói gì là tứ xứ làm theo hết thảy.

Ông Tư Trai tiếp theo:

- Thầy Lê Hảo cho tôi mượn đọc vài hôm. Tôi muốn xem chỗ ông Lê- nin giảng giải vì sao tôi với ông Thiệp cứ kiện nhau. Sau Cách mạng, tôi như tỉnh lại. Nhà có con heo, phải xẻ thịt, mời bà con nhậu, tôi bỏ cái trò kiện tụng.

Cả nhà cười ồ. Mọi người đều nói ồn lên, không còn nghe rõ được gì nữa.

Chương 4

Chú Hai Quân đi thăm bà con trong làng. Từ hôm về quê chỉ mình thằng Cù Lao đến chơi quanh xóm. Nó để ý xem xét từng nhà. Nhà cửa trong ni rất khác ngoài nớ. Nhà nào cũng có lăm cột, phía trước có ba cửa chống. Cửa chống lên làm thành một hàng hiên che nắng. Trẻ con khiêng chõng ra hiên nằm mát, người lớn ngồi trảy ngô hay quay thao kéo sợi. Nhà anh Bốn Linh có cái giường thùng, nó chiếm non nửa gian nhà. Đó vừa là cái giường vừa là cái thùng... vĩ đại. Tất cả đồ đạc của anh Bốn Linh đều ném vào giường thùng. Anh leo lên đó nằm ngủ. Bọn trộm chỉ còn cách dùng búa bửa giường may ra mới cướp được của. Sau ngày cướp chính quyền, anh Bốn chẳng cần nằm trên giường thùng nữa. Anh nói:

- Trôm cướp hết rồi! Ra nằm ngoài này cho mát!

Anh xách chiếu ra nằm trên chõng tre đặt ngoài hiên, ngủ thả cửa. Ban đêm không cần vắc côn chạy đi đuổi trôm.

Nhà nào cũng có vườn, cũng có hàng cây keo quanh nhà kín mít. Từ nhà này muốn sang chơi nhà khác phải đi ra ngõ, ngõ có cổng đóng. Ở ngoài biển không vậy. Thằng Cù Lao có thể chạy thông thống từ nhà này đến nhà khác, không phải qua ngõ qua ngách nào cả. Ở ngoài đó, nhà ông Dậu ở liền phía sau bếp. Nhà anh Hường ở sát phía trước, có rào giậu gì đâu! Ông Dậu ăn gì nó đều biết hết, nói gì nó đều nghe hết. Ở đây, nhà nào cũng lăm thứ chuồng: chuồng trâu, chuồng lợn, chuồng gà. Nhà anh Bốn Linh có một cây rác cao bằng cái cột buồm, chắt toàn củi mía và rác mía. Chị Bốn rút củi đun là cây rác có một lỗ tò vò, con trâu rúc lọt. Riêng nhà bác Úc có một bụi bông trang, có bướm đủ màu lẳng xăng đến đậu. Khắp vườn tràn đầy tiếng động. Không chỉ tiếng chó sủa, heo kêu, gà gáy, chim hót, tiếng trẻ nô đùa, mà còn nhiều tiếng lạ khác : tiếng lách cách thoi đưa dệt cửi ở nhà ông Cửu Sang, tiếng mõ lốc cốc của bọn trẻ đuổi vệt ở ngoài đồng. Chiều xuống, khắp vườn ve ran, cỏ cây hoa lá sột soạt nở xoè. Thằng Cù Lao thấy

rất buồn cười là ở Hoà Phước, người ta không gọi lợn bằng ba tiếng ẹc, ẹc, ẹc mà lại gọi ịt, ịt. Người ta không gọi gà: cục cù, cục cù, mà lại gọi là cục, cù cù. Hễ nghe gọi cục, cù cù là bọn gà què chạy văng te lãnh phần ngô thóc. Nó cho chính ở Hoà Phước bà con nói trọ trọ rất khó nghe, còn dân ngoài cù lao Chàm nói gì nghe cũng rõ ràng rành mạch.

o o o

Chú Hai Quân dắt tôi và thằng Cù Lao đi qua làng. Người gặp thằng Cù Lao cứ nhìn nhìn. Họ không biết chú Hai là ai cả. Chú Hai thấy cây sung đầu làng vẫn như cũ. Cây dầu lại mọc bên cạnh thấy cao hơn. Cái thớt đá đặt trên đầu dốc giữa con đường ra sông vẫn nằm nguyên chỗ cũ. Trước kia, khi đi ra đồng, chú Hai thường mài lưỡi mác ở đây. Con đường đất chạy qua làng mọc đầy cỏ chỉ với cỏ may, rải rác đó đây có dăm bụi duối, vài cây bồm bộp. Chú Hai từng qua lại có vạ lần trên con đường đó. Xưa kia, chú gánh gánh dâu đi trước, thím Hai tay kẹp chiếc nón chạy theo sau. Cũng vẫn ngôi đình cũ nặng nề và meo mốc. Cũng vẫn cái miếu Bà Tằm lặng lẽ. Cũng vẫn cây đa đứng cạnh miếu như chiếc lọng che. Cũng vẫn cái bình phong có đắp con hổ vẫn vẹn, cặp mắt thao láo. Chú Hai cảm thấy rất rõ khi con người đi qua thì mái đình, cây đa vẫn còn lại. Con người chết đi, nhưng bãi dâu, con sông, đồng ruộng không bao giờ mất. Lớp người này mất đi, lớp người khác thay thế, những núi Chúa, hòn Cà Tang vẫn y nguyên. Chú Hai mờ mờ nhận thấy ý nghĩa chữ đất nước và sông núi. Tại sao chỉ một làn mưa thưa mờ mịt trên ngàn dâu, một làn khói lam phủ trên mái rạ, một bóng đa mát, một hòn đá mài, khi đi xa chú Hai cứ nhớ day dứt. Có lúc chú thức giấc bàng hoàng như vừa nghe tiếng tre kũ kịt hoặc một giọng hát ru con sau cơn mưa chiều tạnh. Chú Hai nghe đứt gan đứt ruột. Chiều xuống vẫn huy hoàng như mười lăm năm về trước. Một làn sương phủ nhẹ trên mặt sông. Núi Cà Tang và núi Chúa mờ mờ xa. Một mảnh trăng rời rợi móc vào cành tre đung đưa theo gió nồm từ phía biển thổi tới.

Chú Hai tạt vào thăm ông Bảy Hoá. Ông Bảy vừa thấy chú bước vào đã kêu lên:

- Ái chà chà! Chà chà!

Như vậy có nghĩa là "Ôi sung sướng quá! Sung sướng quá!"

Ông vội vã nhắc bổng chiếc giường tre trong nhà đem đặt ra ngoài sân để ngồi chơi cho mát.

Chú Hai nói là về được mấy hôm, nhưng hôm nay mới đến thăm ông Bảy được. Ông Bảy vừa cười vừa nói:

- Mới về cứ nghỉ cái đã. Vội vội vàng vàng làm chi cho mệt! Phải dưỡng sức cho khỏe, ông với tôi sẽ đi quyền và chơi đẩy cây như lúc nhỏ. Ông đi vắng, làm tôi thiếu người vật lộn.

Tôi và thằng Cù Lao cứ thích nhìn. Nhà ông Bảy có đến ba cái bàn thờ. Ông Bảy thờ Phật. Ngày rằm, ngày mồng một ông không ăn mặn vì sợ sát sinh. Trên bàn thờ giữa, có tranh đức Phật tổ ngồi trên toà sen mắt nhìn xuống rốn. Trước mặt Phật tổ đặt một cái chuông và một cái mõ miệng rộng như miệng cóc, bên trên treo những con long, con lân bằng gốc tre. Ông tìm đâu ra những gốc tre vụn vẹo đầy lông lá, chắp thêm những tóc, những râu thành những con vật kì quái. Bàn bên tả thờ Thập Điện Diêm Vương. Quanh bàn treo những bức tranh vẽ những cảnh rừng rợn ở âm ti. Trong những tranh này, tuy người chết đã chôn xong nhưng họ sống lại, bước ra khỏi mồ, đến mười cửa điện Diêm Vương để chịu những cực hình ghê sợ. Tranh thứ nhất vẽ một bếp lửa hừng hực. Trên bếp lửa, một vạc dầu đang sôi. Hai con quỷ mặt trắng nanh dài dìm một người bị tội vào chảo dầu sôi. Trước đây, ông Bảy cho tôi biết kẻ bị tội đó đã từng nói láo trong lúc còn sống trên dương gian. Nói láo chỉ một lần cũng bị đem đun như vậy. Thật quá khủng khiếp! Có lần tôi đã nói láo với chị Ba là tôi đưa con trâu Bỉnh đi gặm cỏ, kì thật tôi đã rủ lũ chăn trâu đi chơi giật lá. Nếu vậy, Diêm Vương sẽ tặng cho tôi một vạc dầu sôi. Còn như ông Tư Đàm ở làng tôi nói láo có sách thì phải dìm mấy lần vào dầu sôi như vậy!

Tranh thứ hai vẽ cảnh một con quỷ đầy lông lá đè cổ một người đang giã giũa. Một con quỷ khác dùng một cái cửa cửa người bị tội ra làm hai. Ông

Bảy cho tôi biết, người bị lừa như vậy vì lúc sống trên trần thế đã vào vườn hái trộm hoa quả của người khác.

Vườn nhà ông Bảy có một cây ổi quả chín nhỏ bằng ngón chân nhưng hương thơm ngào ngạt. Ruột ổi trắng phau, đã ăn một quả thì dầu tiên phật cũng muốn ăn thêm quả nữa. Chính tôi là người đã vào vườn ông Bảy hái ổi, lại còn đem cho các bạn. Đã bị nấu dầu, nay tôi lại bị lừa làm đôi một lần nữa.

Đến bức tranh thứ ba. Người phạm tội ngồi trên một miếng sắt nung đỏ, móng dít để hở, lửa bốc làm tóc trên đầu quần quai muốn cháy. Ông Bảy bảo tội đó là tội sát sinh trong những ngày rằm, ngày mùng một. Kẻ giết rận rệp cũng bị khép vào tội này. Nhất định mẹ tôi và chị Ba sẽ phải bị nung trên sắt. Vì bất kể ngày nào, bắt được con cá là họ nỡ lửa kho nường.

Tranh thứ tư vẽ bọn quỷ sứ tay cầm kìm xông vào móc lưỡi một người đang bị trói. Lưỡi kẻ phạm tội bị bọn quỷ sứ kéo ra khỏi mồm đến một tấc. Ông Bảy bảo đó là người đã từng chửi Trời chửi Phật. Nếu vậy thì mọi người trong xóm sẽ bị rút lưỡi vì họ đều có chửi Trời, nhất là lúc nắng lâu hay mưa lâu quá:

- Mẹ cha thằng Trời không mưa xuống! Phải vác sào đâm nó lủng bụng!

Anh Bốn Linh càng không tin có Trời có Phật mà chỉ có sức mình. Thế thì rút mấy lưỡi của anh cho đủ. Những nhục hình khác như moi mắt, moi gan, vớt người cho cọp nhai, voi xé rùng rợn, không kể xiết. Thằng Cù Lao xem tranh Thập Điện, thú nhận là nó có tội tà trời. Lúc còn ở ngoài biển, ngày nào nó cũng bắt cá. Nó còn nói láo với cha nó để được đi chơi. Việc chửi Trời, ít nhất nó phạm đến năm mươi lượt.

Những hôm đầu xem tranh Thập Điện, tôi hơi khiếp. Sau tôi hoá dày dạn, hoá chai, không sợ nữa. Có lúc đến chơi nhà ông Bảy, tôi đem cho ông vài hạt đỗ đũa hoặc vài hạt mướp làm giống. Ông Bảy cho những đứa trẻ tốt bụng như tôi thì Trời Phật sẽ xét lại, những tội lỗi sẽ được miễn giảm. Và nếu tôi khen ông Bảy một việc gì đó thì tôi có thể trèo lên cây ổi của ông, hái một bị đầy cũng được!

Ông Bảy vừa sức nhớ có tôi và thằng Cù Lao cùng đến với chú Hai Quân. Ông đưa chúng tôi ra sau bếp. Ông rút năm củ mía, nhờ sắc một nồi nước chè. Chú Hai ngăn lại:

- Đừng có mệt. Không uống đâu!

Ông Bảy ngồi xuống:

- Tôi một mình đơn chiếc ở cái am này. Con vợ tôi bị bệnh phù, sau đó nó nghèo. Còn thằng con, nó vô làm ở hãng Ba Son, Ba Siếc chi đó, rồi cũng biệt tích, không biết chết đàng chết sá chỗ mô!

Ông Bảy kéo thằng Cù Lao đứng sát bên cạnh. Ông xì mũi, hỏi chú Hai Quân:

- Làm ăn ngoài nớ ra rãng? Nghe nói ngoài nớ có món yến sào ngon lắm. Sao không mang vài chục cân về đãi bà con?

- Ở ngoài nớ cứ nhớ nhà đêm không ngủ được! Làm ăn bữa đói bữa no, chẳng hơn chi xứ mình cả.

- Vậy hè! Tôi cũng bắt chước bỏ làng đi tận Phan Rang, Phan Thiết, mò tới tận Đồng Nai. Đất nước ông bà thật là mệnh mông chi địa, nhưng chỗ nào cũng chen chân không lọt. Kiếm được cái chi để bỏ bụng thiệt khổ!

- Nghe đâu làng ta có năm đói lắm?

- Năm đói mẹ con bà Hai Quân cũng bỏ đi biệt tích!

Chú Hai ngồi lặng một hồi lâu, chợt như tỉnh lại. Tiếng ông Bảy nghe loáng thoáng:

- Khi con cá con tôm, cái rau cái rác đã kiệt, tôi cũng bỏ làng đi kiếm ăn xứ khác.

- Làm nghề chi?

- Một trăm thứ nghề. Bá nghệ là bá láp. Gặp chi làm nấy. Bán thuốc cao, giữ chó, giặt áo quần, làm thuốc nam, cúng phù thủy. Khi đói đầu gối hay

bò, cái chân hay chạy, cái giò hay đi... là vậy!

- Thế ai bày ông cúng phù thủy?

- Cái đó nó bày. Chủ nhà tôi ở bị đau thắt chỗ bụng. Lão tin là bị động mã động mồ, cần có thầy cúng. Tôi tìm việc không ra, liền tự nhận là thầy cúng vào loại cao tay ấ. Tôi bắt chủ nhà sắm bút mực, giấy đỏ, giấy vàng. Tôi vẽ nguệch ngoạc những đầu trâu mặt ngựa. Vẽ người ta mới khó, vẽ ma quỷ có khó chi đâu! Khi lễ vật đã bày lên bàn, tôi bắt chủ nhà nằm phục xuống đất. Tôi nổi hét "Ấy phà! Ấy phà! Úm ba la!" Xong đó, tôi nổi lên ê a: "Này ta đến cửa Nam Phương có chàng Ba Long Vương. Này ta đến cửa Bắc Phương, có chàng Tư Long Vương..." . Hết ê a, tôi nổi lên gọi toàn những tiếng rất bí hiểm "Úm! Ôi! Đà ha, ma ha, tác, tác!". Cũng may! Sau đó, chủ nhà đỡ đau. Nhiều người khác mời cúng. Nghề dạy nghề, tôi học thêm những bài tấu, bài nương. Tôi học vẽ bùa, làm đồ mã. Sau đó tôi để râu. Một bộ râu dài rất cần cho ông thầy cúng. Bộ râu dài làm cho tôi có cốt tiên cốt Phật, trị được bọn quỷ dữ.

Ông Bảy có một bộ râu dài đến rốn, nó mọc quanh mép dưới cằm, thong dong như râu các vị quan văn trong tuồng hát bội. Khi nào đến chơi nhà ông Bảy, tôi cũng bắt gặp ông đang tỉa tóc vuốt ve, ra dáng hãnh diện về bộ râu đó lắm.

- Móng tay tôi cũng để dài ra!

- Úy! - Chú Hai nói nhanh - Cách mạng lên rồi! Phải cắt bớt thứ đó đi! Cách mạng có phải chuyện chơi đâu!

- Tôi cũng nghĩ như ông. Trước đây vì túng thiếu... Nay nghe thằng Bốn Linh nói, mình thấy thẹn.

- Những thứ vẽ Thập Điện Diêm Vương phải đem đốt hết!

- Phải! Vì còn có ai cung kính chi đâu! Bọn thanh niên không tin quỷ thần nữa. Chúng bảo nhau phải quét hết ma quỷ, ma quỷ làm cho người ta cứ nơm nớp lo sợ.

Tôi và thằng Cù Lao nấu niêu nước chè đã sôi. Ông Bảy múc hai bát nước lạnh, lấy kẹp tre cặp niêu nước chè rót vào hai bát. Nước chè nổi bọt trông thật ngon lành. Chú Hai uống một mạch. Hai người im lặng. Quanh làng đã yên tĩnh. Chỉ vài tiếng chó sủa lơ mơ. Mơ hồ phía ngoài sông có tiếng rao ò: "Ai đi ò!". Chú Hai nói như vừa tỉnh giấc:

- Mới mà mau thật! Tôi cứ nhớ ông bày cho tôi cái kế để được ăn cá nhám! Tôi nhai cỏ trộn với cơm nhả vào trã cá nhám. Chủ nhà tưởng mèo nôn muốn đổ. Thế là, hà hà, tôi xức hết. Với kế lạ như vậy, tôi tưởng ông đã thành Trương Lương, Hàn Tín mang ấn công hầu. Không ngờ mang về nghề thầy cúng.

- Ấy chết! Ông không biết công hầu là phong kiến gốc đó hả? Cách mạng đánh đổ đế quốc phong kiến. Tôi mang cái thứ đó về hại bà con hả? Trước đây tôi tìm không ra cách mạng. Bây giờ cách mạng đã có rồi...

- Tôi nghĩ phải gặp anh Sáu hoặc hỏi thằng Bốn Linh nhận một công tác. Bữa nay, mình đứng ngoài, thấy khó khó...

Chú Hai hỏi những chuyện xảy ra trong làng trong lúc chú đi vắng. Ông Bảy thuật lại nạn mất mùa, nạn đói, chuyện Tây đến dựng nhà máy ươm trong tổng, chuyện quan trên bắt dựng vọng lâu và vào làng bắt cộng sản, chuyện đốt nhà, trộm trâu. Chuyện đói kém là chuyện ông Bảy nhớ nhiều nhất.

- Con người ta sinh ra ở đời ai cũng có cái vui, cái buồn, cái lo, cái ghét. Nhưng nghĩ cho kĩ, thì cái sợ là nhiều nhất. Trong các cái sợ, có cái sợ đói là ghê gớm nhất. Từ lúc cha sinh mẹ đẻ cho đến lúc chết, người ta chỉ lo một việc. Đó là lo đói. Lo ngày lo đêm, dồn hết sức mình tài mình vào cái đói, thế mà vẫn đói. Tróc nã cho được miếng ăn thật là khốn khổ. Làng ta bỏ đi tha phương cầu thực cũng nhiều. Ban đầu có người đánh thư về nhà, nhưng sau không còn thấy tăm hơi đâu nữa.

Chú Hai hỏi:

- Vậy sau sợ đói là sợ cái chi?

- Là sợ ma. Ma đủ loại. Ma rà dìm người xuống nước. Ma le công người nhét giữa bụi tre. Ma trời chập choạng. Ma đuốc lập loè. Ma đậu, ma xó, ma hời, ma trâu, ma lợn... Khấp bờ khấp bụi dày đặc những ma. Riêng quanh vườn đã có mười loại cô hồn như ta thường vái. Còn quý thì chỗ nào không có. Hoà Phước có hai bãi tha ma đầy ma quý. Ông có nhớ năm ma đậu hoành hành, người chết như rạ. Kẻ nào làm cho hết ma, tôi cho là thánh sư bồ tát.

Một ngọn gió từ phía sông ập vào vườn, rung những tàu lá chuối nghe lộp độp như mưa. Có tiếng gọi òa, tiếng vang xa như từ một nơi xa xôi nào dội lại. Bên kia sông, một ngọn lửa bật sáng. Ông Bảy chột nói:

- Tôi nghĩ đi nghĩ lại, ông trời thế mà có mắt! Ông về được đây, còn mang theo thằng nhỏ để làm vốn liếng!

Ông Bảy kéo thằng Cù Lao ngồi sát bên cạnh.

o o o

Tôi và thằng Cù Lao đến chơi nhà bà Hiến. Bà đang ngồi kéo vải, cái xa kéo cứ quay rè rè. Một sợi chỉ như từ đầu trong con cúi cứ tòi ra mãi. Ban cứu tế sẽ dựng cho bà một ngôi nhà mới. Không biết ngôi nhà mới sẽ thế nào. Quả thật tôi thích cái nhà cũ của bà hơn, vì nó vừa thấp vừa tối. Mỗi khi đến nhà bà, tôi được cái thú khom người chui dưới mái tranh như chui vào một cái hang lạ. Dọc phen, bà Hiến treo những chổi cùn bằng tre, bằng rơm, dài ngắn đủ cỡ. Bà rất giàu về các loại chai vỡ, hũ vỡ, nôi vỡ, đặt thành một hàng dài trông rất lạ mắt. Nhà bà giống như một cái hang chứa chất đồ cổ. Thằng Cù Lao khen những nhãn pháo, nhãn chè dán trên cột, vẽ hình hổ báo văn vận, những tượng râu ria cầm chùy, cầm xà mâu đứng múa. Trước đây, lúc rảnh tôi hay đến chơi đặng bà. Bà cho biết ngay trong xóm có một con rùa vàng. Có lúc rùa vàng bò lên mặt đất đi ăn. Hễ gặp rùa vàng, ta phải lấy cái khăn có trát máu chó chụp ngay lên mình nó. Máu chó làm rùa không thể biến mất. Bắt được rùa vàng, bà sẽ giàu sang sung sướng. Bà sẽ làm một cái nhà toàn bằng gỗ lim. Bà sẽ sắm kiềng vàng, vòng vàng. Bà mặc toàn gấm vóc. Chỗ nào có đói, bà sẽ đem gạo, đem tiền đến phát. Bà sẽ

được mọi người chiều chuộng. Bà Hiến kể cho tôi nghe chuyện nàng Phấn Điệp:

- Nàng Phấn Điệp xưa kia đẹp như Hằng Nga. Việc bán trái thù thừa không ai bì kịp. Nàng còn biết đánh đàn. Tiếng đàn của nàng nghe réo rắt như gió thoảng mây bay, lúc reo vui, lúc xót thương, tủi hổ.

Tôi bắt bẻ:

- Bữa trước, bà nói nàng đẹp như Tây Thi, bữa nay bà lại nói đẹp như Hằng Nga. Cũng nàng đó hay nàng nào?

- Cũng nàng đó.

Bà kể tiếp:

- Cách ăn ở của nàng làm ai nấy đều mến phục. Một hôm có một người sang trọng đến xin gặp nàng. Trong lúc trò chuyện, người đó giả bộ vô ý đưa tay chắm vào trán nàng. Chỗ chắm đó trở thành một cái vết. Vết đen đó loang ra khắp mặt, loang khắp mình mẩy chân tay. Vừa lúc đó cha mẹ anh em của nàng đều chết hết. Nàng bơ vơ không nơi nương tựa. Những người trước kia muốn gần nàng bao nhiêu thì nay lại tránh nàng bấy nhiêu. Cuối cùng nàng chết ở xó chợ giữa đêm mưa gió.

Kể đến đây bà Hiến khóc thút thít. Đó là chuyện nàng Phấn Điệp bà Hiến kể tôi nghe trước Tống khởi nghĩa. Khi tôi và thằng Cù Lao đến chơi, bà kể thêm:

- Về cái chết của nàng Phấn Điệp, bà đã kể sai. Nàng vẫn còn sống. Chính trong cái đêm mưa gió nàng sắp chết liền có một người hiện ra. Người đó lấy ngón tay chắm vào trán nàng. Cái chắm đỏ trắng dần, lan ra dần. Lan ra đến đâu, da dẻ của nàng trở lại trắng trẻo hồng hào đến đó. Phấn Điệp trở lại xinh đẹp như xưa. Tiếng đàn của nàng trở lại réo rắt. Nàng lại được mọi người tôn trọng, quý mến.

Tôi thúc vào hông thằng Cù Lao:

- May phước, không thì bỏ mẹ!

Theo bà Hiến thì chuyện Phấn Điệp không phải là chuyện bịa vì nàng Phấn Điệp có thực. Nàng đã từng ăn xin trước đây ở chợ, chính bà Hiến có trông thấy. Sau khi trở lại trắng da dài tóc, nàng không già mà cứ trẻ mãi, cho đến một lúc nàng hoá thành một con bướm trắng rồi nhẹ nhàng bay đi đâu mất.

o o o

Tôi và thằng Cù Lao thấy rất rõ bà Hiến cần chúng tôi đến chơi để bà kể chuyện Phấn Điệp. Vì vậy chúng tôi thường đến chơi nhà bà. Tôi đứng sau nhà bà gọi to:

- Bà Hiến ơi!

- Đứa nào đó?

- Tôi đây. Chúng tôi đến đã bà kể chuyện Phấn Điệp đây. Phải mở cửa mau mau ra đón.

Gặp thằng Cù Lao bà nói:

- Tao nhớ đến thằng con của tao. Nó cũng tương đối như mày.

Bà thò tay lên cái gáo trên giàn. Bốn quả bồ quân theo tay bà xuống nằm trên cái bát. Bà bốc hai quả đưa cho tôi. Tôi lắc đầu không ăn. Chị Ba đã dặn không được ăn bồ quân của bà. Chị Ba giảng giải:

- Bà Hiến không chết là nhờ cây bồ quân. Bà hái bồ quân đi đổi gạo. Mày ăn bồ quân của bà thì bà chết đói.

- Ăn một vài quả thì ra răng?

- Một quả cũng không được ăn. Bà nghèo lắm!

Bà Hiến bốc hai quả đưa cho thằng Cù Lao.

Tôi nháy mắt ra hiệu cho nó đừng ăn. Nhưng nó đã bỏ một quả vào mồm. Tôi trợn mắt ra hiệu rõ hơn. Thằng Cù Lao bỏ nốt quả thứ hai vào mồm nhai rau rầu, nuốt nghe ừng ực, ăn nhanh như cọp đói. Bà Hiến lấy thêm cho nó năm quả. Lần này, tôi phải ra hiệu bằng cách lắc đầu, dậm chân.

Nhưng chỉ trong nháy mắt, tất cả bồ quân đã biến mất. Lúc về, tôi thấy cần phải cho thằng Cù Lao một bài học:

- Nè Cù Lao! Màỵ làm bà Hiến chết đói rồi!

Nó mở tròn mắt:

- Răng?

- Bà chết đói chớ răng nữa? Màỵ ăn hết bồ quân của bà. Bà chẳng còn gì để đổi gạo. Bà chết đói là tại màỵ!

- Thế tui đã lỡ thì răng?

- Màỵ phải mua bồ quân đem trả lại bà. Từ rày không được ăn cái gì của bà, nghe không? Ở đây người ta bảo "ăn phải coi nôi" là vậy đó. Tuy bụng mình đói meo, nhưng phải nói: "Tôi no quá, ăn không được nữa". Có muốn ăn cũng phải thông thả. Bụng có cồn cào cũng phải đợi người ta mời năm lần bảy lượt mới cầm đũa. Khi cầm đũa phải gắp ít ít, không được luôn luôn thò vào món ngon. Đó là lễ nghĩa, chị Ba dạy vậy, nghe chưa?

Thằng Cù Lao vãnh tai nghe. Nó đồng ý là về làng, nó phải giữ lễ nghĩa. Lúc còn ở ngoài cù lao, cha nó đã từng dặn: Tuy về quê cũ, nhưng cũng như lội sông, chớ có lấu tấu, người ta chê cười cho đó!

o o o

Ban cứu tế cũng đã dựng xong cho bà Hiến một cái nhà một gian hai mái. Cái nhà mới của bà trông bề thế nhưng chẳng có gì hấp dẫn đối với tôi. Nó giống như mọi nhà khác trong làng. Tôi ngồi chéo chân chỉ lên nóc nhà:

- Nhà mới này chẳng thích đâu. Bảo làng làm lại cái nhà như nhà cũ. Cái nhà cũ thích hơn.

Tôi chỉ lên gian giữa:

- Sao không đem nhãn chè, nhãn chai dán lên như cũ?...

- Chỗ đó tao sẽ dán ảnh một người...

- Người nào?

- Người đã cứu nàng Phấn Điệp.

Thằng Cù Lao rất thích đến chơi nhà bà Hiến. Đến đây nó được ăn nói tự do. Nó nói thẳng với bà là từ này trở đi nó không ăn gì của bà nữa, dù chỉ một trái bồ quân. Ăn như vậy, bà sẽ lăn đùng ra chết đói, nó phải vạ lây. Tốt nhất là đừng ăn. Bà Hiến bảo nó cứ ăn, bà không chết đâu mà sợ. Xưa kia nhiều lần bà muốn chết, nhưng bây giờ bà muốn sống. Thằng Cù Lao hỏi lúc bà muốn chết có phải là lúc bà bị cái chấm đen lan dần hay không? Nó còn biết xưa kia bà Hiến rất đẹp. Bà cũng giỏi nghề canh cửi vá may. Có lúc nhà giàu đã thuê bà khóc mướn. Nó hỏi nhỏ bà:

- Có phải người ta thuê bà đi khóc mướn không?

Bà cười héo hắt:

- Mà ở cù lao Chàm làm răng biết được? Ở đây nhà giàu khi chết đưa ma to lắm. Họ thuê bọn con gái diện bánh theo sau linh cữu để khóc lóc. Tao đã khóc như khóc cha mẹ mình chết vậy!...

- Thế còn ông Hiến đánh bà thế nào?

- Ông cột tao vào chân giường, đánh nổi lăn khắp mình mẩy. Trước kia ông rất hiền lành, ăn ở phải đạo. Sau đó ông bỏ làng đi. Ông nói sẽ mang tiền về làm toà ngang dầy dọc. Nhưng ông về với một hình ma tướng cóc. Tao phải nuôi cho đến khi ông chết.

- Thế khi ông chết, bà có khóc không?

- Tao khóc mãi. Ông bỏ tao! Tao nhớ, tao thương ông lắm!

Nói đến đây, bà Hiến lại khóc thút thít.

Chương 5

Bọn chần trâu độn thặng Cù Lao là thặng ngục. Tôi cho là đúng. Chú Hai sai nó quét nhà. Nó không làm như tôi chỉ xách chổi quét qua quýt là xong. Đàng này nó dẹp tất cả ghế bàn về một phía, múc nước phun khắp nhà. Nó bò như cóc chui xuống các gầm giường quét sạch tàn thuốc lá, quét không sót một sợi lông tơ. Tất cả rác rưởi nó độn lại một đống ở góc sân, nhóm lửa lên đốt. Thặng Cù Lao phí công vô ích. Chỉ nội ngày mai đâu lại vào đấy, nhà sẽ dơ lại như cũ. Nhưng anh Bốn lại khen nó quét sạch, không như tôi hay làm dối. Chị Bốn còn bảo quét nhà như vậy sẽ trở thành một tay nuôi tằm giỏi. Chị Bốn đưa cho nó cái chổi nhờ nó quét buồng tằm. Nó giở mảnh lách vào buồng, quét không sót một chỗ. Nó moi được một con cóc xách ném ra sân, tìm ra được một con ruồi lấy chổi đập chết. Nó bảo cóc thích ăn tằm, ruồi sẽ làm tằm đổ bệnh. Ở ngoài cù lao Chàm, không ai nuôi tằm, nhưng không hiểu sao, nó tỏ ra rất thông thạo. Chị Bốn còn nhờ nó xem tằm. Ai nuôi tằm cũng phải nhờ các thầy tằm xem tằm tốt xấu. Họ bốc một nhúm tằm bỏ trên chiếc mo cau đưa ra ngoài sáng, trịnh trọng xem xét từng con, lật tằm chia ra từng nhóm. Sau khi xem kỹ, thầy tằm phán con nào bị bệnh quăn, bị bệnh đỏ đầu. Phải nhiều kinh nghiệm mới làm được việc đó. Chị Bốn bốc một nắm tằm gọi thặng Cù Lao:

- Cù Lao ơi! Lại đây xem tằm giúp chị.

Nó bắt chước người lớn, cũng rút tằm, cũng phân ra từng loại. Nó bảo con này lớn, con kia nhỏ, con này dài mỏ, rồi kết luận:

- Tằm chị tốt lắm!

Chị Bốn rất thích, khen nó xem tằm khá lắm.

Tôi phì cười:

- Mà ở biển, biết được cá song, cá trích, chớ làm chi biết được tằm tốt tằm xấu?

Nhưng chị Bốn cứ bênh nó, cho nó có cặp mắt tinh. Hễ có cặp mắt tinh thì xem tầm không sai. Với lại nó sáng dạ. Đứa sáng dạ cái gì cũng biết. Chị mỉm cười:

- Thế mà anh Bốn mà cứ bắt tao phải đem đồ. Tao tiếc quá, cứ giữ lại.

Thằng Cù Lao nói như một ông thầy tầm lão luyện:

- Tầm vậy mà đồ đi, rất uổng!

- Anh Bốn bảo công tác của anh lu bù, bão lụt đã đến... Tốt nhất đem đồ quách!

- Ấy! Ai lại làm như rứa! Phải gột dậu rưới cho tầm một nước. Tầm qua ăn mốt, lên ăn hai... ngủ lớn lên. Tầm sẽ tin, sẽ chộ, sẽ lớn, phải làm bữa cho tầm rúc, tầm vầy chớ!

Tôi ôm bụng cười lẩn lóc, không hiểu nó học được những tiếng lóng đó ở đâu, nói nghe như vệt.

o o o

Cặp mắt thằng Cù Lao thật tinh. Buổi chiều thả trâu ăn ngoài bãi, nó chỉ cho tôi thấy những đốm sáng thật xa:

- Kìa, có ai nổi lửa bên kia sông kia kìa!

Tôi nhìn mãi mới thấy. Chúng tôi nằm ngửa nhìn lên trời. Nhiều chòm sao thưa hiện ra, nó chỉ cho tôi thấy trước. Nó chỉ hết chòm sao này đến chòm khác, đến một lúc tôi thấy trời đã đầy sao. Con trâu Bình bước gập ghềnh trong sao đưa chúng tôi về nhà. Chốc chốc nó gọi to:

- Tránh một bên! Có trâu đuổi!

Cặp mắt thằng Cù Lao nhìn xuyên qua bóng tối. Nhưng cặp mắt của nó đã làm tôi ngại ngại. Rõ ràng đôi mắt của nó thuộc về loại "lưỡng nhãn bất đồng", con to con nhỏ. Ông Bảy Hoá là thầy xem tướng, đã bảo: kẻ bị cặp mắt "lưỡng nhãn bất đồng" là kẻ ăn gian nói dối, lừa thầy phản bạn. Chơi với nó, nhờ nó đặt điều nói xấu tôi ăn vụng... Tôi lại hay đi tắm ngoài sông, nhờ cái "phản bạn" của nó nổi lên, nó dìm tôi xuống nước thì sao? Tôi nghĩ

vậy nhưng tôi vẫn... thích chơi với nó. Văng nó, tôi cứ thấy thiếu. Nó cũng hay hay, tôi bảo gì nó đều văng theo răm rắp. Công việc của tôi là chăn con Bỉnh. Chăn nó có mệt hơn trước nhiều. Sau ngày cướp chính quyền, cha tôi đi vắng, không ai đưa con Bỉnh đi cày. Nó có béo ra nhưng hoá đồ đốn. Tính tự do quá trốn nổi lên. Hễ ra khỏi nhà là nó đâm đầu chạy. Ra đến sông, nó nghênh cổ thách những trâu khác húc lộn. Tôi bắt thằng Cù Lao bẻ roi dâu xông vào đánh thẳng cánh, Trâu húc phải buông nhau ra.

Hễ thằng Cù Lao giữ con Bỉnh không chạy bậy, thì lúc về tôi cho nó lên ngồi trên lưng trâu. Tôi thúc con Bỉnh chạy. Thằng Cù Lao ngồi sau lưng tôi nổi kêu é é, hai tay ôm chặt bụng tôi. Hễ hai đứa không bị ngã, tôi cho tôi có tài đánh trâu chạy như ngựa. Nếu hai đứa bị ngã, tôi kêu ầm là nó đã làm tôi gãy xương sống. Đi chăn trâu về, mỗi đứa thường mang theo cục u. Những cục u đó càng ngày càng nhiều. Chị Ba bảo tôi lêu lổng ngoài sông, chơi những trò chơi của phong kiến. Nếu tôi không chừa, chị sẽ viết thư mách cha tôi. Cha tôi sẽ thưởng cho tôi vài chục roi để tôi hết lêu lổng và thằng Cù Lao hết bị những cục u trên trán.

o o o

Số lượng những cục u trên trán của tôi và thằng Cù Lao cứ tăng dần đến mức báo động! Anh Bốn Linh nhận thấy chúng tôi phải cấp tốc đi học. Tôi đã đi học một lần, nay phải học lại. Bác Úc cho rằng nước nhà độc lập, không thể làm anh dân ngu khu đen, mà phải... khai thông dân trí, mở mào mở mặt với khắp thiên hạ. Chị Ba bảo tôi và thằng Cù Lao thế nào cũng phải làm cán bộ. Cán bộ mà dốt đặc thì làm gì! Trong lúc chờ đợi trường mới, tôi và thằng Cù Lao đến học ở thầy Lê Hảo. Thầy ở xóm dưới, cũng gần. Tiền học trả bao nhiêu cũng xong.

Anh Bốn Linh bàn với chị Bốn:

- Thằng Cù Lao đi học thì phải đặt cho nó một tên khác. Có được cái tên cho thật hay thì làm ăn mới nên nổi.

Chị Bốn cũng nhận ra cái tên Cù Lao nghe là lạ, vì cù lao là cái cục nhô lên ở đáy chai. Phải đặt cho nó một cái tên có chữ lót hẳn hoi. Anh Bốn bảo cái

tên của nó phải nghe cho oai cái đã. Tên nó sẽ là Nguyễn Tuấn Kiệt hay Nguyễn Cao Hùng hoặc Nguyễn Đông Hải chẳng hạn. Chú Hai cho biết tên nó là Nguyễn Biển. Không hiểu sao khi về đây ai cũng gọi nó là thằng Cù Lao. Bác Úc cho biết cái tên Cù Lao nghe cũng hay. Cù Lao không phải là cái đáy chai, mà là một hòn đảo giữa biển. Nó gọi cho thằng Cù Lao nhớ lại nơi nó sinh ra. Và trong sách cũng có câu "chín chữ cù lao" để chỉ công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ. Mọi người trao qua đổi lại không ngã ngũ ra sao cả. Cuối cùng cái tên Cù Lao ở lại với nó.

o o o

Vào một buổi sáng đẹp nhất, tôi và thằng Cù Lao đến học ở nhà thầy Lê Hảo. Thằng Cù Lao vẫn giữ cái quần treo. Nó cũng không chịu từ giã cái mũ nồi quý hoá, bảo đó là chiếc mũ của khách quý trên một chiếc tàu đánh rơi ngoài biển, Nó nhặt được trong chuyến đi khơi. Hôm đầu nó đến lớp, bọn trẻ con cứ xì xào. Có đứa dòm vào mũ nó, xem thử bên trong có cái vôi hay không. Chúng còn đợi xem thằng Cù Lao đi uống nước để biết rõ nó uống nước cách thế nào.

Thầy Lê Hảo dạy cho thằng Cù Lao học chữ a rồi đến chữ b. Sau đó nó học chữ o, chữ ô. B ghép với a thành ba, b ghép với o thành bo, thêm dấu hỏi thành bô. B ghép với ê thành bê, thêm dấu hỏi thành bễ. Thầy bảo đọc: Ba ba bô bễ. Thầy Lê Hảo bảo tôi:

- Trước đây, mày học đến vần tr. Tr ghép với ê thành trê. Mày đã học vần ph. Ph ghép với a thành pha, thêm dấu sắc thành phá.

Thầy bảo đọc: Cá trê phá nhà.

Thằng Cù Lao đọc trọ trẹ, ba ba bô bễ nghe như ba ba bò bễ. Cả lớp cười ồ. Thầy Lê Hảo quát:

- Cười cái gì! Đọc to lên đi!

Tất cả chúng tôi nổi rống như ếch ương. Miệng đọc nhưng mắt vẫn liếc về phía thằng Cù Lao. Ra về, thằng Cù Lao bảo nó chưa hề thấy người nào bắt được con ba ba lại đem thả xuống bể. Hễ bắt được ba ba, là phải làm thịt để

chén. Ba ba nấu với lạc ăn rất ngon. Tôi hiểu câu "ba ba bỏ bể" có một nghĩa khác. Nghĩa là ba ba khi rơi xuống đất phải nát ra từng mảnh. Bể có nghĩa là nát, là vỡ ra. Thằng Cù Lao có vẻ chưa thông vì nó biết cái mai của ba ba rần lằm. Tôi tiếp luôn:

- Nếu thả rớt không bể, thì phải ném thật mạnh. Mai nó phải bể toang ra chớ!

Thằng Cù Lao còn quả quyết là nó biết tất cả những loài bơi lội dưới nước. Cá trê không bao giờ phá nhà cả. Tôi phân tích cho nó thấy giống cá trê thường thích chui rúc trong hang. Lúc lụt to, cá trê sẽ chui vào các lỗ cột. Cột nhà bị long, nhà phải ngã. Cách giải thích của tôi cũng chưa thoả đáng. Rốt cục chúng tôi phải tưởng tượng một con cá trê to bằng cái đình làng, có đôi ngạnh to bằng cây cột. Nó lách đến đâu thì nhà cửa sụp đổ đến đó. Có một con cá trê như vậy nom cũng rất lạ. Dần dần chúng tôi tin nhất định phải có một con cá trê to như vậy. Câu chuyện đến tai chị Ba. Chị Ba giảng giải:

- Ba ba là ba ba. Bỏ bể là bỏ bể. Đó là những chữ riêng rẽ không dính dáng chi nhau cả. Cũng như cá trê là cá trê, phá nhà là phá nhà. Những chữ đó không ghép thành câu mà chỉ để đánh vần. Chị đã học những chữ đó trong quyển quốc văn lớp đồng ấu.

Nghe chị Ba giải thích xong, chuyện ba ba, cá trê chẳng còn thú vị gì nữa. Cách giải thích của chị Ba đã quét sạch cái màn sương kỳ diệu bao phủ chung quanh cái kỳ lạ. Những chữ "ba ba bỏ bể", "cá trê phá nhà" bỗng chốc hoá trơ trụi, khô héo, không có ý nghĩa gì nữa.

o o o

Chợt một hôm, thầy Lê Hảo cải cách hoàn toàn nội dung giảng dạy. Thầy tuyên bố với cả lớp những chuyện "ba ba", "cá trê" là những chuyện của sách thời đế quốc phong kiến. Từ nay trở đi, tất cả học trò sẽ học những bài hoàn toàn mới. Thầy bảo cả lớp nộp vở xếp vào thành một chồng để thầy chép bài thơ hay. Những đứa chưa biết đánh vần cũng phải học thuộc bài

thơ cái đã. Thuộc thơ trước, đánh vần sau. Một số bài thơ yêu nước của các nhà chí sĩ được thầy Lê Hảo dạy, chúng tôi đọc to khắp làng xóm:

Ngồi ngắm chuyện năm châu trên trái đất

Sóng văn minh dồn dập cả phong trào

Kìa như ai, sức thì mạnh, của thì nhiều

Trời há lẽ riêng yêu chi một cõi

Sao ta cứ đã man quen thói...

.....

Á tể á năm châu là bậc nhất

Người nhiều hơn mà đất cũng rộng hơn

Cuộc đời mở hội doanh hoàn

Anh hùng bốn bể giang san một nhà...

Đại để bài nào cũng có những năm châu, bốn bể, có sóng, có bão táp, phong ba. Cái đó thằng Cù Lao rất thích, vì nó từng thấy ở cù lao Chàm. Nó đọc thật to, khắp xóm đều nghe rõ. Tôi và thằng Cù Lao thấy mình như đang lướt quanh bốn bể, giữa mưa Âu gió Á. Ai cũng khen thầy Lê Hảo cho ra những bài học nghe réo rắt, quả là hay! Chị Bốn, chị Ba nghe qua là thuộc như cháo, bảo tôi xin thầy chép thêm nhiều bài nữa.

Mẹ tôi cũng khen:

- Ủ, nghe thiệt là hay!

Thằng Cù Lao thích thú thả hết giọng, rống võ nhà võ cửa.

Mẹ tôi còn dặn chị Ba, chị Bốn:

- Chúng nó đã là học trò. Từ rày chớ sai chúng nó nấu cơm rửa bát. Đó là chuyện của con gái đàn bà. Đừng để cái "tâm" của chúng bị mờ vì khói và bồ hóng ở nhà bếp. Phải giữ cho học trò sáng dạ để học trò học cho hay chữ, cái đó không chi bằng.

Ở lớp học chúng tôi thi nhau rống như ễnh ương:

Sao ta cứ đã man quen thói

Khom thân nô mà luôn cúi dưới cường quyền?

Thầy Lê Hào bày tiếp:

Hú hồn các chú thiếu niên...

Chợt thầy vùng dậy kêu thất thanh:

- Úy thôi rồi! Các trò ơi! Con heo của tôi nhảy chuồng!

Nghe tiếng gọi hoảng hốt, chúng tôi bật lò xo, vứt sách vở phốc ra sân. Thăng Cù Lao phóng ra trước. Tiếng kêu la ầm ĩ tưởng có hùm vừa xông cũi. Đứa nào cũng sẵn sàng hi sinh tính mạng bắt cho kì được con lợn của thầy.

Con lợn đang ung dung bước đến chỗ hàng rào. Thầy chửi:

- Mẹ cha mày! Phen ni phải mời cho được lão bán thịt. Khôn vong thì quay về, không tao xuyết chó cắn chết!

Con lợn quay lại nheo mắt nhìn như muốn xem học trò có bao nhiêu đứa, và có đứa nào chạy giỏi không. Nhìn xong, nó ung dung ngoắt đuôi rúc rào chui sang vườn bên cạnh.

Chúng tôi gọi nhau chạy vòng ra phía trước. Con lợn như đoán được ý đồ của chúng tôi, liền chui một mạch ra bãi dâu. Chúng tôi vừa hét vừa rượt theo. Con lợn cứ chạy loanh quanh trên bãi cát. Có lúc nó đổi hướng bất ngờ làm nhiều đứa ngã ụch. Chạy được một lúc, đứa nào nghe cũng đuối sức. Có đứa mệt quá đã nằm dài. Chân tay đuối thẳng, miệng thở hồng hộc. Thăng Cù Lao cứ phóng lên đón đầu. Chợt nó nhào về phía trước. Con lợn đã dính chặt trong tay nó, đang vùng vẫy la hét. Thăng Cù Lao hô to:

- Mau mau, nắm chân trước!

Chúng tôi cứ nhốn nháo chạy chung quanh vì con lợn vừa thét vừa lồng lộn khiếp quá!

Thầy Lê Hảo chạy đến đè lên đầu lợn rồi trói lợn lại. Trói xong, chúng tôi mới dám ra tay.

Việc bắt lợn đã đánh dấu một giai đoạn chuyển biến của bọn trẻ. Chúng xàm xì:

- Thăng Cù Lao chạy tài quá!

- Nó mạnh thiệt, bay nè!

- Thôi chớ có chọc nó. Nó mà chụp được thì không thoát được đâu!

Chúng tôi rất mong cho lợn của thầy Lê Hảo vài hôm lại nhảy chuồng một lần để có dịp được chạy nhảy bắt lợn. Nhưng rất tiếc từ hôm gặp phải tay thăng Cù Lao, con lợn đã biết rút kinh nghiệm. Ăn xong nó cứ ngủ ngoan ngoan trong chuồng, không thích nhảy cao và chạy việt dã nữa.

Thăng Cù Lao chịu đổi chiếc mũ nồi để lấy một đôi chim sẻ. Nó đến lớp, để đầu trần. Mất chiếc mũ nồi bỗng nhiên bọn trẻ thấy nó chẳng có gì khác nhưng đứa nhỏ trong làng. Ngửi áo quần cũng chẳng còn cái mùi khét khét của lính Nhật. Chúng bảo nhau:

- Thăng Cù Lao không phải mọi biển. Nhưng không hiểu sao nó ở ngoài biển mà lại biết được trong mông ông Bảy có một cái sẹ. Những bí mật đâu đâu nó cũng biết được. Nghề tầm tợ, nghề đường mía nó thuộc lòng.

Nó nói như một thợ nấu đường:

- Nước mía luộc xong phải lên lóng. Sau đó rút nỏ để xuống lóng. Uống một bát nước "chè hai" là khoẻ ra ngay.

Nó giảng thêm:

- Chè hai không phải là nước chè dâu. Nó là nước mía đã luộc mức đổ vào thùng lóng để xuống lóng đó.

Nó chỉ lên cây sung, nói với bọn chẵn trâu:

- Trên kia kia, có cái hốc to lắm!

Bọn trẻ hỏi lại chú Năm Mùi và anh Bốn Linh. Quả thật ở chỗ chạc ba trên cây sung có một cái hốc rất to.

Nó đi chợ Quảng Huế về, bọn chẵn trâu hỏi:

- Chợ Quảng Huế ra rảng? Có to không?

Nó làm như một cụ già từng sống lâu năm ở quê đang kể lại chuyện xưa trước mặt con cháu:

- Chợ Quảng Huế to và đẹp hơn trước nhiều. Ngày trước đó là chỗ phát chẵn. Trước đây lúc trời nhá nhem, ở thôn mình có tiếng phèng la, rồi có tiếng rao inh ỏi: "Ngày mai quan trên về phát chẵn tại chợ Quảng Huế. Ai đói lên chợ Quảng Huế lãnh chẵn!". Dân làng lôi quần áo rách ra trông vào. Người chưa chết đói cũng làm ra bộ chết đói. Nhiều hình ma tướng cóc trông tội nghiệp lắm! Họ chen chúc dưới roi vọt để lọt qua được cái cổng tre vào lãnh chẵn. Người xét được lãnh phải nhận một vết nhọ nôi trên trán. Có được vết nhọ nôi, sẽ lãnh được một bát gạo.

Tất cả bọn trẻ reo lên:

- Ối! Nó làm như nó từng lãnh chẵn hồi trước!

Ban đầu chúng tôi chưa tin. Sau hỏi lại người lớn, những điều nó nói đều có thật cả.

o o o

Lớp học thầy Lê Hảo càng ngày càng đông. Học trò phải trải chiếu ngồi tận ngoài hiên. Học hết những bài thơ yêu nước, thầy Lê Hảo chép những bài hát cách mạng cho học thuộc lòng. Đứa nào biết hát thì hát, đứa không biết hát cứ ê a vẫn được:

Đoàn quân thiếu niên tiên phong chúng ta

Quyết đem xương máu để rửa thù xưa

Mau ! Mau! Mau! Theo cờ đỏ sao vàng

Rút gươm, ta thề giết quân tham tàn...

Không khí trong lớp càng sôi nổi. Bọn chăn trâu nhiều đứa xin được vào học. Cả lớp tiến bộ trông thấy. Thầy Lê Hảo nghiêm nét mặt:

- Tôi dạy các trò theo phép thánh hiền. Trước học lễ sau mới học văn. Các trò phải học lễ nghĩa trước, tức là phải học cái tinh thần cách mạng trước. Hiểu cái tinh thần cách mạng trước, sau học đánh văn thì tốt hơn.

Nói xong, thầy vừa ngâm vừa hát:

Anh em ta mau bỗng súng tiến ra sa trường

Khúc hát hành quân đang vang lừng trong bốn phương.

Chúng tôi vừa nhảy vừa hát theo. Đứa tối dạ thuộc càng nhanh. Học xong có thể xin về trước. Đứa nào cũng có những việc ở nhà: gánh nước, mót củi, chăn trâu. Thường đến nửa buổi, tôi đứng dậy bước đến trước mặt thầy, vòng tay lên ngực:

- Thưa thầy, cho tôi về đưa trâu đi uống nước.

Thầy nhìn lên:

- Ủ, cho trò về.

Tôi ra hiệu cho thằng Cù Lao. Nó cũng đứng dậy đến trước mặt thầy chấp hai tay trên bụng:

- Thưa thầy, cho tôi về dắt trâu đi uống nước.

- Ủ, cho trò về.

Tôi đi trước, thằng Cù Lao theo sau. Nó hỏi:

- Cuộc ơi! Có đưa trâu ra bài không?

Tôi xăng giọng:

- Cuộc, Cuộc cái chi! Tên tao là Cục, không phải là Cuộc. Về đã hơn tháng nay mà cứ trọ trọ. Ra bãi phải nói ra bãi, chớ không phải ra bài.

Tôi bắt nó nói đúng theo giọng tôi. Về đến nhà, tôi bảo nó ra chuồng mở dây mũi cho trâu Bình. Trâu Bình độ này thích thảng Cù Lao lắm. Khi thảng Cù Lao đến gần, nó không khịt, lại còn thè lưỡi liếm vào cổ nó. Thảng Cù Lao vuốt vuốt lưng trâu khen:

- Cái lưng mà láng quá! Mà hoàn toàn quá!

Người ta bảo gốc như trâu mà nó lại khen trâu là "hoàn toàn". Chợt chị Ba ở trên nhà nói xuống:

- Thôi đừng cho trâu đi uống nước nữa! Tao cho nó uống ở giếng rồi. Mà chớ rủ thảng Cù Lao ra sông đánh đá với bọn chăn trâu xóm dưới...

o o o

Từ hôm tôi và thảng Cù Lao bị mấy cục u trên trán, chị Ba tỏ ra nghiêm khắc. Thảng Cù Lao nghe chị Ba mắng, đã lặng lẽ bỏ đi. Tôi lên nhà trên thấy chị đang đếm tiền. Bạc giấy nhiều lắm. Chị Ba như đoán được ý nghĩ của tôi:

- Tiền để cứu tế đồng bào bị đói. Không phải xin năm mươi xu được đâu! Cha đi vắng, mà để trâu Bình giơ xương!

Tôi trả lời rành mạch:

- Phải bán con Bình đi chớ! Để làm chi nữa!

Ý kiến của tôi hơi đột ngột, làm chị Ba quay lại:

- Mà không thích giữ trâu nữa hả?

- Có thích hay không thích cũng phải bán. Ngày mai ngày kia, máy cày máy gặt sẽ về. Không cày bừa bằng trâu đâu.

- Ai nói thế?

- Không phải bán trâu mà thôi! Còn phải dỡ nhà cho mau nữa!

Chị Ba mở tròn mắt:

- Lạ hè!

- Thế chị Ba không biết chi hết hả?

- Chẳng biết.

- Phải đỡ nhà cho mau để có chỗ xây dựng phố xá, kiến thiết lâu dài. Chị Ba tính, những ngôi nhà cao mười tầng, những lâu đài, những trường học đồ sộ! Nhà cao như vậy, làm sao leo lên leo xuống, chị Ba hở!

- Thế rồi chi nữa?

- Chị Ba bỏ cái nghề kéo thao lấy nước nhộng cho heo đi. Chị phải đi học để trở thành bác sĩ, kĩ sư, khỏi phải thức khuya dậy sớm, khỏi việc rau heo cám chó.

- Sướng quá hè!

- Cũng chỉ ngày mai ngày kia thôi, ruộng đất sẽ trở về tay nông dân, nhà máy, hầm mỏ về tay công nhân. Nhà ta khỏi phải ăn cơm gạo bắp. Chị Ba ăn cái gì chị Ba thích, cần xài bao nhiêu cũng được. Ăn tiêu tùy cần, làm việc tùy sức. Làm việc vài giờ một ngày cũng đủ sướng lắm! Chị khỏi ngủ gật.

- À tao hiểu rồi! Cái đó còn lâu kia, khi vào xã hội cộng sản kia. Từ đây đến đó còn phải gian khổ, còn phải nhiều năm, không phải ngày mai ngày kia mà được. Nhưng chị hỏi mày học lỏm đâu đó?

- Thèm học lỏm! Tôi ngồi chỗ cây cột nghe đảng hoàng anh cán bộ tỉnh về nói. Có anh Bốn Linh dự nữa. Anh cán bộ oai lắm, có đeo súng lục. Tôi nghe rõ anh nói: Ngày mai đâu, chúng ta sẽ như thế này, chúng ta sẽ như thế kia, chỉ nay mai thôi!

Chị Ba quay sang phía mẹ tôi:

- Làm chi chỉ nay mai, mẹ nhỉ! Làm chi có anh cán bộ cỡ đeo súng lục lại nói như rứa? Cán bộ như rứa phải nói đúng từng li từng tí. Con đi dự lớp huấn luyện, anh cán bộ thuộc sách lầu lầu còn phải giở sách ra xem, coi đi coi lại từng chữ chớ mẹ!

- Anh cán bộ nói là ngày mai thôi....

- Ai nói vậy? Có mà phía ra thì có!

- Có chị phía thì có!

- Độ rày cha đi vắng, mà đi đánh lộn ngoài sông, hết xưng là Triệu Tử Long, là Hạng Võ, bây giờ lại học thêm sách của ông Tư Đàm chuyên nói láo.

Ông Tư Đàm làng tôi nổi danh về tài nói láo. Tên của ông đã vượt ranh giới của xã, lên đến tổng và huyện. Chị Ba vừa cười vừa kể chuyện với mẹ:

- Bữa trước con lại nhà ông Tư Đàm. Con chó của ông nổi sủa. Ông nói: "Con chó của chú trước đây nó sủa, tiếng sủa nghe như tiếng chuông. Nhưng nó có cái tật hay sủa bậy. Chú giận quá lấy gậy đập vào đầu nó. Đầu nó toác ra làm đôi. Chú phải lấy dây lạt cột lại. Bây giờ nó sủa nghe cạch cạch, chẳng khác cái mõ bễ".

Mẹ tôi vui miệng kể luôn:

- Trước đây ông nói với mẹ như ri: "Một hôm tôi cứ nghe buồn buồn trong bụng, không biết nhớ cái chi? Té ra tôi đang thềm thịch cọp. Tôi liền đi Dùi Chiêng để gặp Bá Hoành. Ông Bá Hoành ở Dùi Chiêng săn cọp nổi tiếng. Tôi rủ ông Bá cùng đi. Tôi bầu cho ông ta mua thứ hương mê để xông hổ. Thứ hương mê hễ ai hít phải là lăn ra ngủ như chết. Chúng tôi đứng trên đầu gió xông hương mê cho cọp hít. Cọp lăn ra ngủ, tôi xách giữa giữa hết răng nhọn. Vuốt nhọn tôi cũng giữa hết. Một con cọp mà răng với vuốt đã mòn thì chỉ còn là một con ghé con. Tôi trói cọp lại mang về. Bá Hoành phải phục tôi sát đất".

Chị Ba cười lăn. Mỗi tiếng cười của chị là một nhát kim đâm vào tim tôi. Tôi muốn xòe năm ngón tay như vuốt cọp để bầu cho chị Ba một cái. Tôi gầm lên:

- Chị Ba giống như ông Tư Đàm.

Để trả miếng, tôi cố moi móc những chuyện của chị Ba cho tôi nghe:

- Mẹ nè, chị Ba bẻ mít ngoài vườn đem đãi các bạn. Chị nói láo là mẹ bảo: "Cách mạng lên rồi, không nên tham ăn nữa. Phải bẻ vài trái mít đem đãi bạn. Mẹ cho bẻ hết mít đãi các chị". Chị Ba đưa các bạn vào ăn trong miếu Bà Tằm. Ăn xong, chị nhảy tót lên bàn thờ làm bà đồng cốt nổi ngáp ợ la lên: "Ta đặng vận giá võ về đến đây. Ta là Bà Tằm, là Tây Lăng Vương Nữ đây. Ta nói cho các người biết để liệu hồn! Đứa nào không mang xôi chuối đến cúng bà, bà sẽ vận cổ. Tằm của nó sẽ bị bệnh đỏ đầu, sẽ hoá con quăn, con hơi tuốt hết. Tao là thần, nhưng không phải không biết thù vật. Đứa nào nói gì tao ghim lại hết!"

Chị còn chỉ vào mặt chị Bảy Có rống to: "Mày là con Bảy Có đó hử? Mày là con hay nói sau lưng dữ lắm! Có phải mày đã nhọn mồm nhọn miệng nói tao phen ni sợ Cách mạng. Mụ Tằm đã bỏ đi mất. Mụ về chốn Bồng Lai tiên cảnh để kiếm chút chồng. Gái già ở vậy buồn lắm! Chồng con chi hử con kia? Đứa nào nói chuyện chồng con là tao vận cổ chết ngay! Tao cấm không được nói đến chồng con. Phải lo cứu nước cái đã!"

Mẹ tôi nghe vậy hoảng quá van xin:

- Trăm lạy bà! Bà tha cho nó. Nó trẻ người non dạ!

Chị Ba thách tôi:

- Mách nữa đi!

Tôi chẳng chịu thua:

- Chị còn nói thế này nữa: Thằng con trai nào đến hỏi chị, chị sẽ bẻ cẳng. Chị phải lo cứu nước cái đã. Mười năm nữa mới lấy chồng. Chồng của chị sau này không phải là đám xoàng xoàng ở Hòa Phước này đâu, phải là một cán bộ quân sự đánh giặc giỏi, có súng lục hẵn hoi.

Tôi đã động đến những điều riêng tư của chị Ba. Những điều đó, chị chỉ nói với các bạn thân trong lúc vui miệng. Chị Ba quay lại phía mẹ:

- Mẹ để nó nói như vậy hử? Mẹ không phết cho nó ít roi.

Tôi đứng dậy nhại lại, vừa nhại lại vừa đi ra chuồng trâu. Tôi mở dây mũi đưa con Bình ra sông uống nước.

Chương 6

Tôi ngồi trên lưng con Bính, lòng đầy ảm ức. Con Bính nặng nề bước từng bước chậm chạp. Tiết trời đã chuyển. Những trận gió nam từ lâu ngớt thổi. Khắp trời mù mịt. Ngàn dâu không xanh như mấy tháng trước. Khắp bãi dâu ngả màu trắng đục. Dâu trên cành chỉ còn những chùm lá li ti như tùm lông chim. Tôi nhớ lại rất rõ buổi nói chuyện của anh cán bộ với ban chỉ huy tự vệ. Anh nói đi nói lại mấy lần: Ngày mai ta sẽ kiến thiết như thế này, ngày mai ta sẽ xây dựng như thế kia. Thế mà chị Ba dám bảo tôi đã học sách nói láo của ông Tư Đàm. Cái oan của tôi còn nặng hơn cái oan của Thị Kính. Mẹ thường bênh tôi, nhưng nay cũng về một phe với chị Ba, cho tôi nói láo. Con trâu Bính vừa đến bờ sông, tôi vụt cho nó một roi. Con Bính bị vỗ bất ngờ nhảy chồm ra sông, nằm mẹp xuống nước. Tôi thần thờ nhìn quanh. Một chiếc đò nằm chờ yên lặng. Những cây đa bên kia sông nom xa giống như những cụ già cúi kính. Tôi nhặt hòn sạn vứt xuống sông. Chợt có tiếng chân bước. Tôi quay lại. Thăng Cù Lao ở đâu đã tới. Nó cho biết là cha nó sẽ đi Đà Nẵng thăm anh Sáu. Nó muốn đi theo. Tôi buông cọc lốc:

- Đi Đà Nẵng hay đi đâu kệ mày!

Tôi nói là tôi đang tức lộn ruột. Tôi kể cho Thăng Cù Lao nghe những việc vừa xảy ra.

Thăng Cù Lao như sừng sốt:

- Tại sao lại không như rứa? Phải có những nhà mười tầng chớ. Tui cũng nghe anh Thanh nói rứa. Anh nói trong ngày mai hay trong tương lai chi đó, rất gấp thôi. Ngày mai, chúng ta sẽ ấm no hạnh phúc, ta sẽ xây dựng những ngôi nhà đồ sộ, những vườn tược thanh thang, những bể bơi, những bãi tập, sẽ đóng những tàu thủy đi khắp địa cầu...

Nó thêm:

- Có khó chi! Ta làm nhanh như chớp. Liên Xô sẽ giúp ta vôi gạch, sẽ đưa tàu bay đến chuyên chở. Máy móc nhà cửa họ đã làm sẵn. Ta chỉ còn có đào đất dựng lên. Năm bảy hôm là xong tất. Nhà không phải chỉ có mười tầng mà là hai ba mươi tầng. Lúc đó chị Ba sẽ thấy, sẽ tin bọn mình. Tức giận làm chi cho mệt?

Khi thằng Cù Lao nói xong, tôi ôm choàng lấy nó. Không ngờ ở đời này còn có người hiểu tôi như vậy. Thằng Cù Lao đúng là bạn tri âm của tôi. Nó thông minh quá, biết được việc tàu bay Liên Xô giúp ta kiến thiết nhanh chóng. Tôi nói nhà có mười tầng, nó thêm đến ba mươi tầng. Không chỉ kiến thiết nhà cửa, mà còn đóng tàu thủy, đào bể bơi, xây công viên đồ sộ.

Tôi nhìn lại mặt mày của nó. Cái trán nó trước đây tôi thấy dô ra, nay thấy cao rộng và thông minh. Cặp mắt của nó chẳng có gì là "bất đồng", là lừa thầy phản bạn, mà chỉ bị lác một tí thôi. Lỗ mũi nó hếch, chứng tỏ nó rất tốt bụng. Tôi hỏi:

- Làm sao Cù Lao biết được?

- Ngoài biển cũng có Cách mạng, cũng có Việt Minh, có lớp huấn luyện. Anh Thanh về mở lớp giảng nhiều cái hay lắm. Anh cũng là Việt Minh, giỏi không kém anh Sáu.

Tôi nhích gần lại thằng Cù Lao, quàng tay vào vai nó:

- Thế Cù Lao không hỏi anh Thanh bọn trẻ con mình sẽ làm chi ?

- Bọn trẻ con sẽ mặc đồng phục, đi giày da.

Tôi chưa hề mặc đồng phục và đã thấy đôi giày da. Đó là đôi giày da của ông phán Ninh đi qua làng. Nó láng bóng.

- Thế anh Thanh có nói ta thành bác sĩ, kĩ sư cả không?

Thằng Cù Lao lắc đầu nói thẳng:

- Cái chi chớ bác sĩ, kĩ sư, tôi chẳng thích.

Tôi cũng chẳng hiểu bác sĩ, kĩ sư sẽ làm gì. Chỉ biết đó là những người học giỏi, biết chữa bệnh bằng cách tiêm kim và biết vỗ trâu béo.

Thằng Cù Lao không úp mở:

- Tui chỉ muốn làm nghề bánh kẹo. Hai thứ đó ăn không bao giờ chán? Ai không thích bánh kẹo? Tui làm thứ bánh kẹo thật ngon, người ăn càng thích.

Tôi tán thành Cù Lao làm nghề bánh kẹo. Tôi không rõ người ta làm các thứ bánh kẹo ở đâu. Có lần cha tôi xuôi phố Hội An, mua về mấy phong bánh in hiệu Phú Hoà. Bánh ngon tuyệt. Cha tôi bảo ở Hội An có nhiều nhà làm bánh ngọt. Như vậy thằng Cù Lao muốn làm bánh ngọt thì phải đến tận Hội An. Làm kẹo thì dễ hơn. Tôi mách đường chỉ lối:

- Hay Cù Lao học nấu đường. Vì kẹo cũng là đường đánh thành kẹo. Làng ta có ba lò đường. Sang nhà ông Tư Trai học nghề nấu đường. Thợ nấu đường ông nào mặt mũi cũng đen thui, nước da đen của Cù Lao rất hợp. Hơi đường thơm nứt mũi. Uống bát nước chè hai khoẻ ra như uống thuốc bổ.

Thằng Cù Lao chột hỏi:

- Thế nấu đường có được đi đây đi đó không hở?

- Ấy! Đã nấu đường thì phải canh bên chảo! Phải bỏ vôi, phải múc nước mía, phải vớt bọt, phải khuấy đường. Lúc đường sắp quánh, lỡ một chút là đường khét ngay!

Thằng Cù Lao tỏ ra rất phân vân. Nghề gì bị cột chân một chỗ là nó xin vái không làm.

Tôi nhắc đến các nghề khác. Nghề làm tấm cũng bận rộn xung quanh cái nong cái né. Nghề kéo thao cũng phải ngồi bên nồi kén. Nghề chằm nón làm cho mọi người không bị cảm mạo, nghề bồi quạt làm cho mọi người có gió mát, nghề thợ nhuộm làm cho áo quần cũ trở nên mới, tất cả các nghề đó rất khó đi xa. Cả những nghề nhỏ nhất như nghề đan phen, nghề đập ông tảo cũng không hợp với nguyện vọng đi đây đi đó của thằng Cù Lao. Tôi nhớ đến những người bán hàng chạy, đi từ làng này sang làng khác. Thỉnh thoảng ông bán nồi đất gánh một gánh nồi rao to: "Ai mua nồi không?".

Một lát sau vang lên tiếng rao bán chiếu, bán nong, bán vải, bán dầu rái. Tiếng rao của bác dầu rái giữa trưa vang lên cao vút. Trời càng nóng bác chạy càng nhanh. Trời nóng làm dầu rái lỏng ra, đông được lợi. Bác bán dầu rái không chỉ được đi, còn được chạy...

Cuối cùng, thằng Cù Lao thích bán dầu rái. Nhưng rất bí là không biết lấy dầu rái ở đâu. Tôi chợt nhớ ra ông thợ hàn nôi bịt bát. Ông thợ hàn nôi bịt bát đã từng làm tôi mê tít. Nghề bịt bát hàn nôi mới thật là nghề lí tưởng. Ông quảy một cái gánh. Ở một đầu gánh là một chiếc bầu, đầu bên kia là một ống bể. Ông đi khắp xóm làng, rao to:

- Trong nhà có ai bịt bát hàn nôi không?

- Vào đây, bịt cái bát.

Ông thợ bước vào, đặt gánh xuống, nhóm lò than. Ông mở bầu, bầu đựng cả một thế giới kì lạ: cái kéo nhỏ xíu, cái búa to bằng ngón chân, cái vỏ sò to bằng lòng bàn tay, cục hàn the, những miếng đồng, những mẫu thép sệt sọt. Ông kéo bể nghe phì phò. Ông nấu chảy cục chì óng ánh. Chắp, dán, mài, giũa, cái bát vỡ bỗng chốc lại lành. Ông bịt thêm trên miệng một vòng dây đồng sáng chói. Cái bát lại được đặt lên vị trí cũ. Ông nhận tiền công, lại tiếp tục quảy gánh đi nơi khác. Tiếng rao hàn nôi bịt bát chỉ còn nghe mơ hồ sau bờ tre. Thằng Cù Lao nhất định phải làm nghề này, sẽ luôn được đi đây đi đó.

o o o

Chị Ba nhiều lúc tỏ ra rất đáng yêu. Đó là những lúc chị làm món bắp ló, hay khuấy món bánh đúc. Chị để phần tôi cả một bát đầy. Có trái ổi chị cũng mang về cho tôi. Trước ngày cướp chính quyền, đi xem tuồng Phạm Công - Cúc Hoa đến đoạn Cúc Hoa hiện hồn về thăm con, chị ôm cột khóc rưng rức, buồn suốt một ngày. Từ khi vào tự vệ, chị nói dứt khoát:

- Từ nay trở đi, không thể khóc! Nước mắt không làm cho người ta đỡ khổ. Phải như Bà Triệu, Bà Trưng mài gươm giết giặc mới hết cái khổ...

Chị vứt cho mẹ tôi cái áo dài, không thềm dùng áo đó nữa. Ý chị còn muốn sắm một thắt lưng da có đeo con dao găm lưng lẳng. Chị gọi tôi về bí mật:

- Anh Bốn Linh biết mày thích vào tự vệ. Mày lại gặp anh Bốn. Anh Bốn cho mày với thằng Cù Lao cái gì đó.

- Cái chi?

- Chẳng biết nữa.

Chị Ba tủm tỉm cười như chị đã biết món quà của anh Bốn sẽ rất khá, nhưng chị chưa muốn nói tôi biết.

- Thế chị Ba đã hỏi anh Bốn nay mai làm nhà mười tầng chưa?

- Hỏi rồi. Sẽ xây nhà mười tầng. Thôi đi đi! Anh Bốn đợi.

Con bìm bịp gióng lên một hồi dài như giục chiều xuống. Cây sung như kẻ bằng mực tàu đang ngập trong ráng chiều đỏ. Tôi vừa đi vừa nghĩ bụng: "Anh Bốn cho mình cái gì hè? Chắc là con dao găm. Anh vừa được lên làm chỉ huy tự vệ ở xã, anh phải sắm súng lục. Con dao găm, chắc về phần mình. Được con dao găm, mình sẽ vào tự vệ. Thích quá! Thích quá!"

Nhà anh Bốn chưa đổ đèn. Anh Bốn và thằng Cù Lao đang hì hục đào lỗ chôn gốc tre. Tôi trầm trồ:

- Gốc tre to quá hè! Để làm chi vậy anh Bốn?

Thằng Cù Lao vung tay:

- Để luyện gông đó!

Nghe nói gông là tôi đã nể. Người biết gông, gươm chặt không đứt. Trước đây, anh Bốn thường dậy rất sớm, ra sân luyện gông. Anh nện hai cánh tay vào cái cọc tre nghe độp độp. Luyện tay xong, anh luyện chân, luyện lưng, gọi là sơ bộ luyện gông. Luyện xong anh xoa nước muối. Sau đó anh luyện vác cối đá. Anh Bốn có một cái cối giã gạo bằng đá xanh, nặng hai người khiêng. Anh ôm cái cối đá đi quanh sân năm vòng. Cái cối đó còn dùng để dọa chị Bốn. Một lần, chị Bốn cãi với anh Bốn. Anh Bốn nổi giận, vác cái cối đá đặt lên trên phản. Cái cối đá nằm trên phản đã gây bao nhiêu rắc rối

cho chị Bốn. Chị bó tay, không còn đâm giã gì được! Cuối cùng, chị phải bảo nhỏ để anh Bốn hạ cái cối đá xuống đất.

Anh Bốn chưa nói là sẽ cho tôi cái gì. Tôi nóng lòng không đợi được, liền hỏi:

- Chị Ba bảo lại gặp anh để anh cho cái chi?

- Ừ, tao sẽ thưởng! Bây giờ cùng đi tắm cái đã. Nước mương trong đồng gần cồn Quai Mỏ mát lắm!

Nghe đến cồn Quai Mỏ, tôi đã ngại. Cồn Quai Mỏ nằm gần chòm đa Lí, chỗ ấy nhiều ma lắm. Tôi gọi khéo anh Bốn:

- Anh không đi tắm sông cho sướng, lại tắm trong đồng?

Anh Bốn bảo luôn tiện anh đi chấm thi. Tôi hỏi thi gì, anh không nói. Tôi hỏi nhỏ thằng Cù Lao, nó chẳng biết. Anh Bốn châm điếu thuốc xong, bước ra trước. Tôi và thằng Cù Lao theo sau. Ra khỏi nhà, trời đã tối mịt, bóng đen từ các bụi rậm bò ra phủ kín cánh đồng. Một tiếng hú từ phía chòm đa Lí kéo dài nghe rờn rợn. Một ánh đuốc đến chỗ cồn Quai Mỏ lóe lên rồi tắt biến. Tôi bị vấp mấy lần, suýt ngã. Chợt anh Bốn dừng lại:

- Cồn Quai Mỏ đây rồi! Xuống mương tắm cái chơi cho mát!

Cực chẳng đã, tôi phải làm theo. Anh Bốn nằm dài kì cọ trong mương, tiếng nước nghe bì bõm. Thỉnh thoảng anh xuýt xoa:

- Ồ, mát quá! Mát quá!

Anh Bốn vụt nhảy lên bờ, gọi chúng tôi mặc quần áo. Tôi mới mặc được áo thì anh Bốn thét lên hoảng hốt:

- Ối, nó hiện lên kia kìa! Nó hiện lên không đầu! Ối! Chúng bay ơi!

Anh rú lên rùng rợn, vụt bỏ chạy. Hồn vía của tôi đã lên mây. Ba chân bốn cẳng, tôi chạy cuống cuồng theo anh Bốn. Tôi chạy như có nghìn âm hồn đang đuổi sau lưng. Tôi ngã ụch nhiều lần, hai chân cứ dính lại. Khi thúc vào lưng anh Bốn tôi mới rõ là anh đã dừng lại. Tim tôi đánh trống trện. Tôi hồn hển:

- Cái chi vậy anh Bốn?

Tôi nhìn lại, té ra tôi chưa kịp mặc quần. Anh Bốn cười hì hì:

- Tao đã chấm thi xong. Thăng Cù Lao không phải thi lại.

o o o

Anh Bốn tiếp tục tiến về phía chòm đa Lí. Tôi sợ quá cứ bước sát bên anh. Thăng Cù Lao ung dung bước theo sau. Những hàng cây và bờ bụi vẽ ra muôn hình thù kỳ quái. Ở chòm đa Lí, ma còn nhiều hơn ở cồn Quai Mỏ. Anh Bốn từng nói ở đó bọn quỷ Bạch Thổ, Năm Nanh ngày càng nhiều. Mọi người phải tránh cho xa để khỏi bị vạ cổ. Anh Bốn tiến đến chòm đa Lí, dừng lại thét to:

- Hỡi quý Bạch Thổ, quý Năm Nanh! Ta đây! Ta muốn cùng chúng bay thử sức!

Trên cành cao, một tia chớp lập loè. Khắp vườn đa rung lên. Cành cây gãy nghe rảng rặc. Một tiếng hú dài như vang lên từ âm phủ:

- Ta là Bạch Thổ đây. Mà đến nộp mạng cho ta đó hử? Mà đã trời trăng với vợ mà chưa?

Tiếng quỷ Bạch Thổ cứ ồ ồ như có trăm ngàn bộ hạ đang lặp lại...

- Tao đã nói với mẹ Bốn Linh là tao phải bắt bọn mà về làm mắt đây!

Trên cây, một bóng đen bỗng ngộ nguậy rồi to dần, to dần. Tay chân nó mọc dài ra. Nó nhảy phóc xuống đất.

Anh Bốn đã đứng trụ lại, vung nắm đấm ra phía trước. Quỷ Bạch Thổ nhảy chồm lên. Anh Bốn nhanh như chớp đã ngồi thụp xuống, né sang một bên. Quỷ Bạch Thổ mất đà trượt ngã. Anh Bốn xông vào. Hai bên húc nhau, ghì nhau, ngã xuống đất ạch ạch! Người và quỷ vít nhau, quật qua, quật lại. Không biết anh Bốn đê được quỷ hay quỷ đê được anh Bốn. Hình như anh Bốn bị quỷ bóp cổ, tiếng thở khò khè. Tôi thét lên kêu cứu inh ỏi.

Thăng Cù Lao xông vào cứu anh Bốn. Nó hết xông tới lại thụt lui. Cuối cùng nó ập vào thành một cục ba người vù vù la thét. Có tiếng chân

chạy rầm rập. Một người reo to:

- Được rồi, cho đứng dậy!

Anh Bốn và quý Bạch Thổ vụt đứng dậy. Quý Bạch Thổ thở hổn hển:

- Mình bắt trượt, giận quá! Trăng lên hãy hay.

Quý Bạch Thổ quay sang phía thẳng Cù Lao:

- Còn mày nữa! Mày đánh hơi giúp anh Bốn mày hả?

o o o

Người và quý, tất cả kéo nhau vào ngôi miếu giữa vườn đa. Tôi bước sát theo anh Bốn như đang chui vào một cái hang tối mịt. Một ngọn đèn lồng được thắp lên. Tôi lờ mờ thấy có anh Long, anh Lực, chú Năm Mùi, thầy Lê Hảo và ba người nữa vừa ngồi xuống trước ngạch cửa. Ánh sáng và tiếng người quen thuộc đã làm tôi đỡ khủng khiếp. Họ móc túi lấy thuốc lá ra hút, vừa hút thuốc vừa cười nói ồn ào. Qua câu chuyện, tôi biết tối nay họ hội họp ở đây để bàn việc kiện toàn các đội tự vệ, tập môn võ dân tộc, bàn việc làm trường. Trước Tổng khởi nghĩa cũng chính nơi đây họ hội họp nhiều lần. Họ may cờ đỏ, rèn những cọc sắt đóng vào cây sung làm thành những nấc thang leo lên cắm cờ đỏ sao vàng. Chính ngọn lửa lò rèn đã làm cho chị Ba khiếp vía. Họ cười ngật nghễo vì đã phao tin ma quỷ nổi loạn ở chòm đa Lí. Làm vậy để giữ kín những hoạt động bí mật. Việc xây dựng trường học được bàn trước. Trường sẽ dựng ở chòm đa Lí. Ở đây có bãi đất rộng lại có bóng mát, tha hồ làm chỗ cho các em chơi. Phải xúc tiến gấp. Trẻ con đang lê lững cần phải đi học gấp. Thầy Lê Hảo được tạm thời nghỉ dạy để lo việc xây trường.

Chợt anh Long nhắc mọi người phải bắt đầu luyện võ. Trăng đã vén mây, đã sáng ngoài cây đa.

Anh Bốn mời tất cả ra chỗ trăng sáng. Mọi người đứng dậy. Tôi và thẳng Cù Lao đứng dậy theo.

Anh Long bước ra trước. Người anh vừa cao vừa gầy, điệu bộ linh lợi. Anh là một tay võ giỏi, có quả đấm thô sơ và ngón đá hậu ít ai sánh kịp. Trước đây, anh đã đấu với anh Bốn. Anh Bốn vừa chấp tay bái tổ, đã bị anh Long cho một đấm vào ngay giữa trán,. Anh Bốn lảo quay. Anh Bốn đứng lên mời anh Long cứ tiếp tục. Anh Bốn lại lãnh thêm một quả đấm nữa. Nhưng anh Bốn và anh Long lại rất thân nhau. Anh Long xắn tay áo:

- Xin phép anh Bốn. Thế võ này gọi là thế trói. Tôi bắt đầu.

Nói vừa xong, anh Long đánh một phốc ôm sát thầy Lê Hào. Tôi chỉ kịp nghe thầy kêu lên:

- Gãy tay rồi!

Thầy nằm quay lơ dưới đất. Anh Long tuyên bố:

- Tôi cho phép các đồng chí cứ đánh trả khi tôi xông vào. Cho phép dùng những miếng hiểm hóc nhưt!

Chú Năm Mùi hỏi:

- Lỡ xuống âm phủ có về báo oán anh em không?

- Chết vì việc nước thì Long đây rất cam tâm. Việc chi báo oán!

Chú Năm vừa khép năm đấm đứng khom khom, hai tay chấp lên đầu gối thì anh Long xông tới, quật nhào xuống đất.

Anh Long đứng dậy, vừa giảng giải vừa làm các điệu bộ:

- Trước tiên, các đồng chí phải chui sát bên vai địch. Phải làm như chớp vậy! Sau đó, các đồng chí móc một cánh tay của các đồng chí vào cánh tay của địch. Cách làm như thế này này, như ta móc cánh tay bạn cùng đi chơi... Như vậy ta đã dùng một cánh tay của ta. Còn một cánh tay nữa của ta, ta chưa dùng. Ví dụ: Ta móc tay trái của ta vào cánh tay phải của địch, thì ta còn rảnh cánh tay phải của ta. Ta dùng tay phải của ta bắt vào cổ tay phải của địch, dùng thế đòn gánh bẻ ngược cánh tay đó của địch. Địch cũng còn rảnh một cánh tay. Nó sẽ nện vào ta. Như vậy ta phải bẻ ngược thật đau.

Đồng thời ta dùng cánh tay bị bẻ đó để đỡ đòn. Một chân của ta lót phía sau lưng địch, quật địch ngã xuống.

Anh Long mời anh Lực đứng ra để anh chỉ rõ những động tác cụ thể cho mọi người xem. Sau đó anh Bốn Linh bước ra để anh Long bắt. Anh Bốn không vội chống cự. Anh cố rùn xuống để khỏi hẫng chân, và không vội dấm đá trả lại. Anh dùng tay trái bắt vào cổ tay mặt của mình, dùng hết lực co hai tay lại rồi húc mạnh vào ngực anh Long. Hai người cùng nhào xuống đất. Họ ghì nhau. Một phút trôi qua. Tiếng reo vang dậy:

- Cừ lắm! Cừ lắm!

Anh Bốn không giải được thế võ. Anh Long đứng dậy thở hồn hển:

- Anh Bốn khá lắm! Biết thế gỡ trói!

Cứ hai người ghép thành một cặp, luyện miếng võ trói địch. Tôi và thằng Cù Lao cũng được tham gia. Anh Long hướng dẫn chúng tôi tập đi tập lại, thật cụ thể. Lúc tôi quật thằng Cù Lao ngã xuống. Lúc thằng Cù Lao quật tôi ngã xuống. Học miếng trói xong, đến học miếng gỡ trói. Sau đó chúng tôi còn học miếng gói địch. Học những môn này, ai cũng kêu la: "Gãy hết xương rồi! Đau quá! Đau quá!".

Đến khi ra về, trăng buồn ngủ đã ngả về phía núi.

Chương 7

Khi ở ngoài cù lao Chàm, một hôm chú Hai Quân nổi hát khe khe: "Làm tằm, làm tằm, để lứa đầu năm, để tằm tươi tốt, tằm từ ăn mốt, cho chí thức lên. Vận khá làm nên, tràn nong tràn đuổi. Con tằm chắc nụi. Cái kén vàng hươm, cái bán cái ươm, tơ tơ, lụa lụa..."

Thằng Cù Lao hỏi:

- Làm tằm là làm chi ?

Chú Hai nói:

- Ở quê mình trồng dâu nuôi tằm nhiều lắm.

Lúc ra cù lao Chàm, chú chưa kể cho thằng Cù Lao nghe chuyện nuôi tằm. Chú Hai nhớ lại rất rõ cứ mỗi năm vào tháng chạp ở quê nhà, những trận lụt lớn chấm dứt. Màn mây được vén, trời hoá trong và cao. Con sông Thu Bồn trở lại hiền hoà. Trên cây sung, bọn ác là kêu to: "Tạnh rồi! Tạnh rồi!".

Khắp nơi chuẩn bị xuống đồng. Thợ đào dâu đến lò rèn tôi lại lưỡi mai thật bén và lắp một cán mai thật dài. Cán mai đào dâu dọc sông Thu Bồn phải làm bằng gỗ kiên kiên dài non hai sải. Lỗ dâu có nơi phải đào lút cán. Đào một lỗ sâu đến hơn sải tay, rộng chỉ bằng hai bàn tay xoè, việc đó không phải ai cũng làm được! Thợ đào dâu đứng đợi bên kia sông trong sương sớm mù đặc.

Có tiếng bên này sông gọi to, tiếng kéo dài trên mặt nước:

- Cần hai mươi lưỡi mai. Mời qua đây!

Tiếng trả lời bên kia sông:

- Cần người gút dâu không?

- Thêm hai người gút.

- Hai mươi hai người, phải không?

- Phải!

Không thấy dò dàu. Chỉ nghe trong sương tiếng mái chèo đập nước. Một chốc sau dò dần dần hiện ra, ghé vào bến. Người lái dò gác chèo, rút cây sào tre ghìm dò lại. Thợ đào dàu lần lượt nhảy xuống đất đi thành một hàng dài. Người đi giữa vác một chiếc nồi ba làm thành cái chấm đen giữa hàng dọc. Họ tiến vào đám dàu và bắt đầu đào. Phải đào đến lớp bùn phía dưới. Thợ đào dàu sắp thành một hàng ngang xén lưỡi mai nghe xoèn xoẹt. Họ nhổ nước bọt vào hai tay, nắm chặt cán mai rút đất từ sâu lên, động tác thật chính xác. Những lỗ dàu sâu thăm thăm cứ nhiều dần, kéo thành những hàng thẳng tắp. Dàu trồng phải chọn những cây dài nhất. Người gút dàu cứ để nguyên cây dàu đặt sát đáy lỗ, ngọn dàu ghim vào lỗ dàu ở ngay phía trước rồi lấp đất. Chỉ sau vài mươi hôm những chồi non phun lên một màu xanh non óng ánh. Ra giêng, khắp ngàn dàu bừng sáng. Màu xanh non thăm dần, rồi bạt ngàn một màu xanh ngắt.

Thằng Cù Lao về quê đúng vào lúc anh chị Bốn Linh nuôi lứa tầm cuối mùa. Trong làng nhà có tầm cũng đã bắt kén. Sang tháng chín âm lịch, ngoài đồng chỉ còn dàu lông chim, lơ thơ từng chùm lá nhỏ. Nếu trời không đãi, có lụt sớm, sẽ gặp gay go. Ông Trùm Khéo, người bán trứng giống, đã thề độc với anh Bốn Linh đó là loại giống vô cùng quý giá mua từ Tiên Phước, nhất định tầm trứng một trăm phần trăm. Anh Bốn xắn tay áo:

- Cứ nuôi. Sợ chi!

Tầm ở trong trứng thì dùng một cái, Cách mạng nổ ra. Việc làng việc nước của anh Bốn cứ ùn lên lút đầu lút cổ. Anh làm việc bất kể ngày đêm, chỉ có thể ghé nhà một chốc rồi phải đi ngay. Nhớ đến tầm, anh Bốn cương quyết:

- Lúc này mà còn tầm tơ cái chi! Có biết mấy chuyện quốc gia đại sự. Phải xẻ lỗ mũi mà thở. Đem tầm đồ quách!

Chị Bốn bỏ nhỏ:

- Việc nhà tôi lo xong hết. Anh muốn đi đâu thì đi. Nhà còn có thằng Cù Lao, việc chi hấn cũng giỏi.

Anh Bốn dọa:

- Năm nay, thế nào cũng lụt sớm! Rồi sẽ học máu cho mà coi! Hễ chết, tôi không thềm chôn đâu!

Chị Bốn thấy chồng nói có lí. Làm tằm phải có người đứng buồng, làm mọi việc nặng nhọc, phải đặng đặng một tháng mới xong. Nay anh Bốn đi vắng thì ai lo? Nhưng coi đi coi lại, thấy tằm tốt quá. Ấc một nỗi, những thầy tằm đến xem, ai cũng bảo từ cha sinh mẹ đẻ, họ chưa thấy tằm nào tốt vậy! Thằng Cù Lao xem tằm cũng quả quyết là tằm tốt. Tằm tốt như vậy thì ai nỡ đổ đi cho được! Chị Bốn cứ lặn vào lo cho tằm. Anh Bốn vẫn can ngăn, nhưng nói yếu yếu:

- Tôi nói cho mà biết, qua sông bắt cọp, chết không kịp hối đó!

Chị Bốn biết anh Bốn đã núng, liền lí sự:

- Ở trên đê ra phải đánh giặc và tăng gia. Anh Bốn giết giặc, tôi lo tăng gia. Làm đúng chủ trương, còn chi nữa!

Anh Bốn phải chịu, tự nghĩ: "Con vợ mình chính trị thế mà cao! Đàn bà họ sáng dạ lắm!".

Chị Bốn mang giỏ đi hái dâu dưới rộc. Chị là tay hái dâu loại giỏi. Giữa những cành dâu, hai tay chị như đôi bướm lượn, không ai nhìn kịp. Dâu cuối mùa ít lá, chị phải nhờ các chị trong xóm đi hái giúp. Họ gánh đôi giỏ bông, bụng giỏ tròn như chiếc chum to, đi hái dâu tận ngoài bãi. Thằng Cù Lao, chú Hai Quân giúp vào việc cho tằm ăn, việc gạt phân, lượm tằm, việc nấu cơm, đem nước. Các chị kéo ra bãi dâu lúc gà gáy, hết hát hò lại bàn tán trăm thứ chuyện, chuyện ông Bảy Hoá đẹp bàn thờ Thập Điện, tất cả những tranh vẽ quý sứ cửa người, đốt người, ông Bảy đều đốt hết. Nhiều chị muốn phụ nữ phải thành lập một hội "tương tế", mục đích để bênh vực cho nhau. Hễ người nào bị chồng đánh thì hội viên có nhiệm vụ xông vào bênh vực. Phụ nữ cũng phải có người bác sĩ, kĩ sư. Trước mắt phụ nữ phải kiếm ít chữ bỏ bụng, để viết thư cho chồng làm ăn ở xa mới được!

Chị Bảy Có trong lúc vui miệng, nói toạc ra là mình vừa được tin của anh Bảy "trong nớ" gửi về. Anh báo cho biết là anh còn sống, hiện này ở xứ Dầu Dây. Chị Bảy đã đến nhà thầy Lê Hảo nhờ thầy viết thư gửi lại. Thư viết bằng văn vần:

"Tạm đôi hàng chữ mực

Gửi đến chốn Dầu Dây

Ngày những trông tin nhận trong mây

Đêm thức giấc, tiếng tiêu thánh thót.

Hỏi ai đã quên lời thề ước

Tít mù khơi muôn dặm tếch buồm loan!"

Thư của thầy Lê Hảo viết bao giờ cũng bắt đầu bằng "Tạm đôi dòng chữ mực..." và chấm dứt bằng câu "Thơ bất tận ngôn". Chị Bảy đưa thư nhờ tôi đọc, tôi đọc đi đọc lại cho chị nghe, chị thuộc lòng. Thấy bên lề còn chỗ giấy trống chị nhờ tôi thêm mấy chữ: "Anh đã nói về thì nhất định phải về. Cách mạng lên rồi, ở làm chi trong nớ? Ở quê mình, ông Hai Quân, anh Bảy Hoàn cũng về rồi. Chớ có ham phú phụ bần, mau mau trở lại! Nay thơ. Vợ: Bảy Có."

Chị Bảy bảo tôi đọc thơ cho chị Bốn, chị Ba nghe. Ai nấy cũng chịu là thầy Lê Hảo văn hay từng chữ, chữ nào nghe cũng réo rắt. Thằng Cù Lao cũng khen là giỏi vì thầy Lê Hảo có nói đến buồm, đến mù khơi, đến muôn dặm. Các thứ đó ở dưới biển nhiều lắm...

o o o

Đã đầu tháng chín âm lịch, nhưng nắng vẫn như đốt. Buổi sớm mù tan, nắng đã loá nóng. Càng về trưa, nắng càng cô lại. Chim chích mệt mỏi núp trong ngàn lá lặng thinh. Bọn chó Vện chó Vàng thè lưỡi liếm nước nuốt ực ực. Trâu Bỉnh quay qua quay lại trong chuồng giục đi uống nước. Chị Ba đi làm về lấy nón xuống quạt, mặt đỏ gay.

Chợt một hôm da trời lại xám. Mây chẳng mù mịt. Thỉnh thoảng lất phất vài hạt mưa thưa. Mưa nặng hạt dần. Mưa ào ào đổ. Sông Thu Bồn nước xanh leo leo trở đục ngầu, đôi bờ rộng dần ra. Rác rêu kết thành bè trôi nhanh hơn ngựa tể. Nước lụt chảy vào hói, trườn lên các bãi dâu. Dượng Hương Thư đưa xuồng vào giúp chị Bốn. Hái dâu phải đi bằng xuồng. Chú Hai giao cho thằng Cù Lao việc lèo lái. Nó phóng sào xuống nước, chống sào, xuồng băng băng lướt về phía trước, điệu bộ của nó thật hiên ngang.

Chị Bảy cười:

- Nó giống như ông Mười Ý ở ngoài vạn lúc xô buồm ra khơi!

Xuồng lướt dọc bờ rộc. Thằng Cù Lao vừa chống vừa quay sào thọc những anh chuột leo ngồi trong bụi tre. Thằng Cù Lao lái thuyền chui vào những thửa dâu còn lá nhô trên mặt nước. Chị Năm Nhựt biết đến mấy trăm câu hò. Nhưng đi hái dâu bằng xuồng chị đành chịu không hò được câu nào cả. Xuồng cứ tròn trành, lỡ một tí là có thể rơi tòm xuống nước.

Chỉ mới một hôm mà cả đất trời đã đổi khác. Những hàng bã đậu đã lút đầu mất. Ghe thuyền ngoài vạn vào nằm ngay trên đường cái, cột buồm nhấp nhô ngay cạnh miếu Bà Tấm.

Nước bạc trải mênh mông. Làng mạc nom xa tít. Chị Năm Nhựt hỏi thằng Cù Lao:

- Ngoài biển nước có nhiều như ri không?

- Nhiều lắm. Ngoài khơi chỉ thấy trời với nước.

Chị Năm đọc khe khẽ:

Ngó lên biển bốn trời ba

Buồm giương hai cạnh, cửa nhà hai hơi.

Tiếng chèo đập nước cứ bì bõm. Thuyền vớt củi từ ngoài sông đã chèo vào, trong khoang chất đầy củi mục, có chú Năm Mùi ngồi sau lái.

Chú Năm vừa nhìn thấy thằng Cù Lao nổi kêu to:

- Nhỏ vậy mà lèo lái giỏi hung! Làm ông thủy sư đô đốc được đó!

Chú Năm cười. Chú nhắc chị Năm Nhựt:

- Tối nay nhớ họp đó!

- Lụt lội mà họp cái chi!

- Lụt ngập đầu cũng phải họp. Nhiều việc gấp lắm.

Dân chài lưới kéo nhau đi xúc cá. Có đến vài chục chiếc xuồng. Mỗi xuồng có hai người ngồi. Người ngồi sau lái bơi xuồng, người ngồi trước mũi cầm một chiếc xúc giống như chiếc vợt chìm xuống nước. Hai mươi chiếc xuồng rông rảnh lướt qua lướt lại, đan vào nhau, né nhau, như đang biểu diễn điệu múa. Thằng Cù Lao chổng thuyền lướt qua nhanh giữa đám múa. Các chị nhìn nó đầy vẻ thán phục.

Thằng Cù Lao giúp chị Bốn phơi dâu, cột gác, dọn nong dọn nia, vì có cầu vồng mọc ở phía núi Cu Đê. Sẽ có bão! Nhưng không hiểu sao mưa lại tạnh dần. Đến chiều trời hửng. Lúc mặt trời lặn, đột ngột cỏ cây hoa lá nhuộm một màu vàng rực. Tất cả bật thành tiếng. Đàn chim sẻ kêu chiêm chiếp, rộn lên. Bọn bồ chao kêu hót om sòm. Gà xôn xao nổi gáy. Vịt cạc cạc không biết mỗi miệng. Chỉ có nước là lặng im. Nước lặng im một lúc rồi lại róc rách để rút xuống.

o o o

Anh Bốn Linh đi họp ở huyện, về đến nhà trời đã tròn bóng. Anh giở mũ móc vào cột, cởi chiếc xắc nâu treo lên móc. Chị Bốn ở trong buồng tắm chui ra, hỏi ngay:

- Họp chi lâu dữ ?

Anh Bốn hỏi lại:

- Ở nhà tắm tư ra rãng?

Chị Bốn không trả lời vào câu hỏi:

- Ăn chi chưa?

Không đợi anh Bốn trả lời, chị bước thẳng vào bếp, quơ nắm bao bắp nhét vào giữa ba ông táo, xúc gạo đi vo. Anh Bốn ở trên nhà nói xuống:

- Không ăn đâu, đi ngay đây.

Nhìn quanh nhà, anh Bốn biết mọi việc đã yên ổn. Anh soi vào chiếc gương nhỏ treo ở góc cột, lẩm bẫm:

- Râu ria mọc dài quá hè! Đi qua chợ định hớt tóc lại quên mất!

Anh xoè năm ngón tay chải ngược mớ tóc, khịt thật mạnh, muốn trút hết cái nóng ra khỏi người. Anh bước ra chỗ vại nước, múc gáo nước đầy, gập người xuống, gội nước lên đầu, vừa gội vừa nói:

- Hết mưa lại nắng. Nắng mới này độc lắm! Phải coi chừng. Người ta xem giò ếch, biết năm nay lụt sớm, tôi nói đúng chưa?

Chị Bốn thấy anh Bốn chưa đi, nài thêm:

- Tôi nấu miếnng cơm ăn chớ?

- Không ăn đâu. Định đi luôn, nhớ đến nhà ghé qua một chút. Tầm ra sao?

- Bữa nay được tám nong đông đặc, tốt như Bồng Lai tiên nữ.

Anh Bốn Linh chụp chiếc mũ lên đầu, quàng cái xắc vào vai, bước ra cửa. Từ hôm cướp chính quyền, anh cứ vội vội vàng vàng. Anh Bốn Linh từng tham gia Việt Minh lúc còn bí mật. Sau khi cướp chính quyền, nhiều việc được chuyển ra ngoài công khai, công tác trở nên bề bộn. Ai gặp anh cũng hỏi việc này việc nọ. Anh gặp ai cũng có việc để bàn bạc giải quyết. Anh Bốn thấy cần có mặt ở nhiều nơi, cần nói những điều cần thiết.

Anh bước ra đến cửa, chợt dừng lại:

- Chú Hai và thằng nhỏ đâu?

Có tiếng chú Hai quát thằng Cù Lao:

- Có thả tao ra không? Chơi cái gì lạ vậy?

Chú Hai vừa thấy anh Bốn liền kêu lên:

- Ủa, anh Bốn ! Chớ lại đi đâu? Mới về, nghỉ một chút đã. Nằm khoè cho khoẻ cái đã.

- Cháu đi ngay. Có việc hoả tốc!

- Quan cần, dân trẻ. Chi lại nôn vậy?

- Quân Pháp quay lại Nam Bộ, chú à!

- Anh Bốn nói cái chi?

- Quân đội Anh đã chiếm đóng phủ Nam Bộ. Bọn Pháp và bọn Anh bắn vào dân ta đang biểu tình. Ta chết một số. Quân đội Anh chiếm phủ Nam Bộ, chiếm thêm một bót cảnh sát. Bọn Pháp chiếm lại cơ quan ở Sài Gòn. Chúng từ trong nhà thờ bắn ra, lại vu chúng ta phá nhà thờ để nhờ bọn Anh can thiệp!

- Chà!

- Tôi phải đi cái đã.

Anh Bốn vừa nói vừa bước ra ngõ.

Việc gì thằng Cù Lao biết, tôi cũng biết. Nó chui rào đến bên cạnh tôi, vẻ bí mật:

- Cục này! Bọn Pháp quay lại Nam Bộ!

Tôi nghĩ bọn Pháp quay lại ở Nam Bộ có nghĩa là chúng đã đi rồi, nhưng vì còn quên cái gì nên quay lại để lấy. Có vài ông khách đến nhà tôi, vì đăng trí bỏ quên vật gì, cũng quay lại lấy như vậy. Tôi đang đánh dây mũ cho trâu, nói lơ mơ:

- Chúng bỏ chi lại, thì ta cứ trả lại cho chúng!

- Nó quay lại để đánh ta!

Thằng Cù Lao thuật lại tỉ mỉ những tin anh Bốn vừa nói. Tôi hiểu dần ra những việc thằng Cù Lao nói là quan trọng:

- Sao không lôi cổ chúng ra, để núp bóng quân Anh chi rứa?

- Núp bóng quân Anh không phải như ta núp bóng khi chơi giật lá đâu! Bọn Pháp lẩn vào quân đội Anh. Quân đội Anh có súng nhiều lắm!

- Thế ta dùng súng đánh lại. Chị Ba nói: Chúng ta là số đông. Bọn áp bức bóc lột chỉ một nhóm nhỏ thôi mà.

Thằng Cù Lao cãi lại:

- Khi chơi giật lá, bọn xóm dưới đã giết sạch bọn mình, bọn mình đông gấp đôi...

Thằng Cù Lao nói nghe có lí. Tôi không hiểu làm thế nào để thắng giặc, đành phải nhìn nhìn lên mái nhà...

Thằng Cù Lao cũng thấy bí. Chợt nó vung tay:

- Nếu giặc đánh rộng ra đây...

Câu nói của thằng Cù Lao làm tôi thấy tình thế đột ngột trở nên căng thẳng.

Tôi nhớ đến những việc kiến thiết đồ sộ nay mai:

- Thế thì những lâu đài ba mươi tầng và nghề hàn nôi bịt bát ra răng?

Thằng Cù Lao gãi đầu:

- Bọn giặc là bọn cướp của giết người. Ta dựng lên, chúng phá hết. - Nó như nhớ ra điều gì, vỗ vào đùi. - Bọn Pháp còn lâu mới ra đến đây. Ta còn thì giờ để luyện tập đánh trả.

- Nhưng anh Bốn có cho tụi mình tập tự vệ đâu!

- Không phải tập tự vệ. Ta tập đánh giặc bằng cách giật lá kia.

- Chị Ba cho là đồ bá láp!

- Cũng tại mình. Mình xưng những tên nghe lạ: Tào Tháo, Triệu Tử Long, Cốt Đột... Nay ta cứ xưng là ta đánh giặc với bọn Pháp, ta thắng Pháp. Thế là chị Ba ưa ngay!

Tôi gạt đầu chuẩn y kế hoạch của thằng Cù Lao, sẽ tập hợp bọn chăn trâu luyện tập đánh Pháp.

Về môn địa dư, thằng Cù Lao còn lơ mờ. Nó nhờ tôi chỉ Nam Bộ ở về hướng nào. Tôi đưa nó ra sân, chỉ cho nó biết bốn hướng đông tây nam bắc. Nam Bộ ở về phương nam tức là ở phía bên kia sông Thu Bồn. Như vậy, rõ ràng bọn Pháp muốn đến Hoà Phước còn phải vượt qua sông. Nếu vậy thì chiến sự sẽ xảy ra không chỉ trên cạn mà còn xảy ra dưới sông nữa. Đã đánh nhau dưới sông thì nhất định phải biết bơi và biết lặn. Thằng Cù Lao bàn phải tập bơi tập lặn cho giỏi thì mới thằng được giặc!

o o o

Thằng Cù Lao bơi lội rất cừ. Tôi cũng biết bơi, nhưng khi bơi tôi móc hai tay lia lịa như chó bơi. Môn bơi chó của tôi thật không ra gì so với những môn bơi ếch, bơi sải của nó. Nó chụm hai tay đưa ra đằng trước, ung dung khoát tay rạch nước, nhẹ nhàng trườn lên như ếch lội. Nó xoay mình nằm thẳng nhìn trời, rút tay bơi vun vút qua bên kia sông, rồi lại bơi quay lại. Nó cho cách bơi của nó là những cách bơi rất bình thường và dễ tập. Cách bơi chó mới thật khó tập. Tôi kinh ngạc khi biết ở biển có người bơi hàng buổi dưới nước. Thằng Cù Lao bơi được hàng giờ. Tôi chỉ bơi năm ba phút đã đứt hơi mệt đến chết.

Thằng Cù Lao bảo tôi cùng bơi. Chúng tôi cùng vung tay để luyện cho quen. Sau đó cùng vung chân, cùng ngụp, cùng thở. Tôi tiến dần trong môn bơi ếch, tập sang môn bơi sải, tập nằm ngửa. Tôi và thằng Cù Lao vượt qua sông, sang ngồi hú hí trên bãi cát.

Một hôm khi bơi về gần bờ tôi thấy một bác già ngồi tắm. Vừa thấy chúng tôi, bác cười thân mật. Bác rút khăn vắt trên vai kì cọ chân tay coi bộ rất thú vị. Bác ngược mắt cười hì hì:

- Bọn bay bơi giỏi hung! Tao khen đó!

Tôi thấy hơi lạ lạ:

- Bác ở đâu đến tắm ở đây, hở bác?

Bác cười to hơn:

- Tao ở xứ này thôi!

Giọng nói của bác nghe quen quen.

Bác nheo mắt nhìn thẳng Cù Lao:

- Bọn bay bơi giỏi, sau này sung vào đội thuỷ quân... Làm ông đô đốc cái chơi cho sướng!

Tôi sực nhớ giọng nói đó giống giọng ông Bảy Hoá.

Nhưng rõ ràng bác này không phải ông Bảy Hoá, vì bác này trẻ hơn, lại không có râu.

Tôi hỏi:

- Thưa bác, bác có bà con chi với ông Bảy không?

- Ông Bảy nào, chẳng biết!

- Ông Bảy Hoá đó, ông Bảy Hoá biết làm thầy tướng đó.

- Chẳng biết.

Bác nói xong lại cười. Cách cười đó làm tôi sinh nghi:

- Hay bác là ông Bảy Hoá?

Nhưng tôi ngờ ngờ:

- Có phải ông không ông Bảy?

Tôi và thằng Cù Lao cứ dòm dòm ngó ngó. Đời nào lại có một ông Bảy Hoá không râu. Từ nhỏ tôi chỉ thấy ông Bảy Hoá với một bộ râu dài thong dong đến rốn.

Bác đó đang kì cọ chọt đứng lên:

- Bọn bay về chưa? Tao về đây.

Bác vừa đứng dậy, thằng Cù Lao đã chạy đến dòm vào chỗ móng của bác. Nó nổi reo to:

- Đúng là ông Bảy! Ông Bảy có vết sẹo chỗ móng!

Tôi cũng dòm. Quả thật ông Bảy có một vết sẹo to bằng ngón tay chỗ xương cụt.

Chúng tôi reo hò:

- Ông Bảy, ông Bảy! Tại sao lại cạo râu đi ông Bảy?

Ông Bảy bị bắt quả tang, thú nhận:

- Tao là ông Bảy đây. Bọn bay có thấy tao trẻ lại không?

- Trẻ lại! Nhưng ngó nó chi chi!

- Tao trẻ ra như trai mười tám! Sao lại chi chi!

- Ai cắt mất râu ông, ông Bảy? Cắt làm chi ông Bảy?

- Cắt để trẻ lại, để được gia nhập tự vệ.

Ông Bảy cười, để lộ một hàm răng đều và nhỏ như hạt bắp. Cằm của ông Bảy nhọn chứ không phải vuông. Không ngờ ông Bảy có một cái miệng rộng như vậy!

Tôi và thằng Cù Lao cấp tốc mặc quần áo, chạy một mạch về báo cho mọi người biết là ông Bảy đã cạo râu, trông lạ lắm. Tôi còn kể việc ông Bảy có một vết sẹo. Mọi người đều cười vì không ai biết được việc đó.

Cả xóm vui rộn lên về việc ông Bảy mất râu. Sau khi cạo râu, tính của ông Bảy cũng hoá khác. Gặp tôi, ông không nói gì về chuyện Thập Điện Diêm Vương sẽ nướng những đứa trộm ổi. Ông nói ông sẽ cương quyết mài gươm lên đường giết giặc.

Thằng Cù Lao hỏi:

- Thế bao giờ ông lên đường?

- Khi cần tao đi. Nhưng cần chi đi đâu. Pháp ở Sài Gòn quay lại, thì Pháp ở Đà Nẵng không chịu ngồi yên đâu. Nhất định chúng sẽ quay lại, vì cũng là thực dân đế quốc cả. Tao sẽ đánh giặc ở đây cho chúng bay coi.

Thằng Cù Lao nghịch nỡ trời chứ không phải "cẩn hạt cơm không bễ" như chị Ba tưởng. Khi nó ở một mình với cha nó, cái tự do quá trớn của nó còn hơn nhiều đứa khác.

Nó bắt chước thằng Thân đầu trọc chơi giật lá, lấy đầu húc vào bụng cha nó:

- Cho một chùy, ngã lăn quay nè!

Cha nó kêu lên:

- Ối cái con khi này!

Nó liền thu người lại, mắt lác lác, tay quặt ra sau lưng gãi gãi, điệu bộ giống như một con khi. Vừa gãi nó vừa nói:

- Con khi đây này! Con khi đây này!

Làm trò con khi xong, nó làm trò cá bơi, rùa bò, đi chống ngược, nom rất lạ. Làm trò xong, nó chạy tới ôm chặt vào lưng cha nó cười hì hì, bắt kể chuyện:

- Ở ngoài nớ... Chuyện đã nghe rồi mà cha cũng cứ kể đi kể lại. Về đây sao không kể đi?

Cha nó khấn khoản:

- Có thả ra không? Ngoài nớ tao nhớ trong ni, tao mới kể hết mọi chuyện trong ni! Còn về trong ni, cái chi ngoài nớ mày biết cả, kể sao được?

Tôi đứng nép ngoài cửa, đã hiểu vì sao thằng Cù Lao biết hết chuyện trong ni, chuyện nuôi tằm, làm mía, chuyện bà Hiến, chuyện ông Bảy... nó biết hết, là vì cha nó "nhớ trong ni" đã kể cho nó nghe hết. Có việc cha nó kể đã mười lần, sau đó cha nó vẫn cứ kể lại.

Thằng Cù Lao mách với cha nó là nó thấy cái sẹo...

- Cái sẹo chi?

- Cái sẹo của ông Bảy. Ông Bảy rơi xuống chòi bấp, xóc vào con dao, thành sẹo chỗ mông! Cha kể vậy đó.

- Úa! Chớ mà dòm chi lạ vậy?

- Có dòm cái sẹo mới biết là ông Bảy Hoá. Vì ông cạo mất râu.

Chú Hai quát:

- Về đây đã bảo đừng làm những trò bậy bạ!

Thằng Cù Lao đồng ý là không nên làm những chuyện bậy bạ và sau này nó đi làm nghề. Nghề đó là nghề hàn nôi. Trước khi làm nghề hàn nôi, nó phải tập bơi. Tập bơi để đánh giặc. Vì giặc từ trong Nam ra hoặc từ Đà Nẵng vào đều phải vượt sông. Phải tập bơi thật giỏi mới thắng được giặc.

Chương 8

Từ hôm anh Bốn Linh ở huyện về cho biết Pháp đánh ta ở Nam Bộ, ai gặp anh cũng hỏi, cũng muốn biết tin tức một cách rõ ràng. Ông Bảy Hoá còn muốn vào Nam Bộ đánh bọn xâm lăng. Tôi và thằng Cù Lao không chỉ tập bơi mà còn luyện các môn võ của anh Long dạy ở chòm đa Lí. Anh Bốn dặn chớ đem những chuyện học võ ở chòm đa Lí nói cho người khác biết, vì đó là những việc bí mật. Khi đã biết đó là bí mật thì ở trong tôi những việc đó cứ muốn tràn lên. Có lúc tôi phải cố đè xuống. Mỗi buổi sớm, tôi và thằng Cù Lao ra trước sân luyện miếng võ trói, võ gói. Đối với bọn trẻ trong làng, nhất là mấy đứa cao giò, tôi ngứa ngáy muốn thử cho chúng một miếng trói để cho chúng biết mặt...

Chị Ba đi dự lớp huấn luyện ở huyện về, công việc của chị càng bận rộn. Có đêm chị phải thức khuya chép những bài học, chép lại những câu hay chị đã nghe được. Chị đọc cho tôi nghe một vài đoạn: "Ta đã giành được tự do độc lập. Đời đã đổi mới. Trước đây ta nai lưng làm việc cho đế quốc. Nay ta làm việc cho Tổ quốc ta. Ta làm việc tốt thì Tổ quốc sẽ giàu mạnh. Ta phải làm việc cho ra hồn".

Chị Ba đọc xong, nhìn tôi:

- Cục nghe chưa ? Phải làm việc ra hồn, không phải đi vật lộn với bọn chần trầu, bị cục u trên trán đâu!

Chị đọc tiếp: "Những người bị áp bức như chúng ta, trong nước có đến hàng triệu, trên toàn thế giới có hàng mấy trăm triệu. Họ rất tích cực ủng hộ chúng ta. Còn bọn đi áp bức bóc lột chỉ là một nhóm rất ít. Một nhóm rất ít không thể chống lại hàng trăm triệu người. Nhất định chúng ta sẽ thắng!".

Tôi giảng thêm:

- Tôi nghe chị nói chỗ này rồi. Dù chúng ta có ít, nhưng nếu chúng ta biết được miếng trói của anh Long nhất định chúng ta sẽ thắng bọn áp bức bóc

lột.

Thằng Cù Lao phụ hoạ:

- Miếng trói tài quá!

Chị Ba mở to cặp mắt:

- Miếng trói chi rứa?

Tôi cố chứng minh:

- Miếng trói tài quá! Anh Bốn võ giỏi cũng bị trói không cựa quậy nổi. Chị Ba biết được miếng trói đó thì đàn bà xứ này phải nể mặt. Anh Long dạy miếng đó. Chị hỏi anh Bốn thì rõ!

- Đúng vậy, chị Ba ợ! - Thằng Cù Lao nói đầy tin tưởng.

Chị Ba gạ:

- Thế hai em tập cho chị với!

Tôi lắc đầu:

- Không được!

- Vì sao?

- Anh Bốn bảo về nhà đừng nói ai biết. Lỡ chị truyền cho người khác biết, người đó trói lại chúng ta thì chết cha.

Chị Ba bỏ nhỏ:

- Thì chị có truyền ai đâu!

Tuy trong bụng tôi thích truyền miếng võ cho chị Ba nhưng tôi làm cao:

- Khó lắm! Vậy phải thề mới được!

- Chị thề, nếu đem truyền miếng võ cho ai thì bị đâm đui con mắt.

Tôi bắt chị Ba đứng lên, bảo chị cứ lo chống đỡ để giữ tính mạng. Đột ngột tôi xông vào, móc cánh vai trái của tôi vào cánh tay phải của chị, lấy thế đòn gánh bẻ ngược cùi chỏ. Chị Ba kêu một tiếng thất thanh:

- Ối ới! Gãy tay rồi!

Như vậy là môn trói của tôi đã có kết quả. Sau đó tôi giả làm kẻ địch để chị Ba trói. Tôi bày chị cách gỡ trói, cách gạt chân và nhét giẻ vào mồm. Chị Ba khen, miếng võ của tôi tài lắm. Sau đó vài hôm, nhiều chị cũng biết trói. Tôi nghi thằng Cù Lao đã truyền miếng trói cho các chị ban đêm khi đi gác. Các chị bảo nhau:

- Cái miếng trói hay quá chừng, làm mình đi đêm đỡ sợ. Cánh tay của mình bị đau nhưng mình sẽ đem truyền cho các bà bị chồng đánh. Các ông chồng đánh vợ sẽ bị gãy tay, không dám đánh vợ nữa!

o o o

Cha tôi là lính ở tiểu đoàn 17 đóng ở Đà Nẵng viết thư về thăm chú Hai và thằng Cù Lao. Trong thư, cha tôi tỏ ý sung sướng nghe tin chú Hai đã về làng. Cha tôi khen thằng Cù Lao nhỏ vậy mà dám vượt biển tìm về quê nội:

"Cháu là đứa con của cách mạng. Chú tin sau này cháu sẽ thành một cán bộ quân sự giỏi, lo bảo vệ quê hương đất nước".

Về xưng hô thì chú Hai phải gọi cha tôi bằng anh. Nhưng trong thực tế cha tôi nhỏ hơn chú Hai đến mười mấy tuổi. Cha tôi viết: "Chú hãy tin là từ nay đã chấm dứt mọi áp bức bất công. Một thời đại mới mở ra trước mắt. Anh khuyên chú nếu còn sức khỏe, nên gia nhập tự vệ để động viên con cháu phục vụ tổ quốc, nhân dân".

Đoạn viết cho tôi, những lời lẽ trong thư lại khác hẳn. Mỗi lời trong thư như mỗi nhát roi quất: "Tao nói cho thằng Cục biết, khi được thư này phải chấm dứt ngay những việc xưng hùng xưng bá, nào Tào Tháo, nào Triệu Tử Long, việc đánh đá ngoài sông, việc làm cho thằng Cù Lao phải bị cục u trên trán... Hể tao còn nghe những chuyện bậy bạ như trên thì tao về đánh đốn cho mà biết! Đời đã đổi mới, ai cũng phải học hành thật giỏi, để làm việc cứu nước, cứu dân".

Chị Ba vừa đọc vừa nhẩn từng tiếng.

Cha tôi viết tiếp: "Khi được thư này, thằng Cục phải đóng vở đi học ngay! Nếu lớp thầy Lê Hảo có tạm nghỉ để lo xây dựng trường mới thì cũng phải học. Cứ buổi tối đem vở ra ngoài nhà anh Bốn, nhờ anh bày cho vài chữ".

Đến đoạn nói về con trâu Bỉnh, cha tôi viết dài không kém: "Từ đời ông cho chí đời cha, nhà ta cứ phải cày thuê cuốc mướn. nay cách mạng lên rồi, phải để cho thằng Cục đi học. Không thể có cái mả nào chỉ phát toàn chăn trâu. Mẹ nó và con Ba phải đến nhà ông Phó Xáng, giao con trâu Bỉnh cho ông ta, nói lí do là tôi bận công tác xa, còn thằng nhỏ hiện nay phải đi học, không thể nuôi rẽ nữa".

Con trâu Bỉnh là trâu của ông Phó Xáng, cha tôi nuôi rẽ. Khi trâu Bỉnh đẻ con, ghé đầu thuộc về ông Phó Xáng, ghé thứ hai thuộc về cha tôi. Và cứ thế, số ghé sẽ chia làm đôi. Đến mùa cày cấy, cha tôi phải cày không công một số đất ruộng của ông Phó.

Cha tôi đoán trước ở nhà vẫn còn tiếc rẽ con trâu Bỉnh nên tái bút: "Mọi việc phải tính gọn lại. Không nuôi trâu Bỉnh làm gì. Phải để cho thằng Cục đi học".

Mọi người đều phân vân. Con trâu Bỉnh đã nuôi sống gia đình tôi. Tôi lớn lên nhờ vú mẹ và nhờ công lao khó nhọc của nó. Ngày trước, khi cha tôi đi cày có đánh nó. Cái đó cũng vì bắt buộc. Cha tôi hiểu rõ nếu nó kéo cày đi chậm thì bát cơm của chúng tôi sẽ bị lúng đi. Con trâu Bỉnh về ở với chúng tôi đã hơn bảy năm. Nếu cộng những vết roi rớm máu quất vào sườn, vào chân nó thì con số có đến hàng chục vạn. Những lời chửi mắng, cho nó là con khi, con tinh, cần để đói cho xanh xương, có đến hàng triệu lời. Cũng may những lời chửi mắng tan ra rồi bay mất. Nếu nó đọng lại thì cả nước sông Thu Bồn cũng không rửa hết. Con Bỉnh bị mắng chửi nhiều nhất vào cuối mùa đông và đầu mùa xuân, là mùa đường mía. Thường đến tháng Chạp thì mía già. Nhà làm đường bắt đầu dựng chòi ép mía. Họ phải ép cho được vài thùng nước mía trước khi trời sáng. Đó là mùa trâu Bỉnh bị chửi mắng và đánh đập nhiều nhất.

Tôi đưa trâu Bình đi ép mía thuê khắp các chòi đường trong làng. Con trâu Bình rất khoẻ, nhưng vừa thấy ách che nó đã hoảng sợ. Nó biết ách che còn nặng gấp mấy ách cày. Nó lùi lại. Tôi phải kéo dây mũi thật căng. Thợ ép mía phải cho một roi thẳng cánh vào đít nó, nó mới chịu bước. Thợ ép mía nâng ách đặt lên cổ nó, cột dây rồi hô to: "Bước!". Trâu Bình choãi chân rướn cổ cố bước. Bước được một chốc thì tiếng thở đã ho he, nước dãi trào ra trắng xoá. Nó cố rướn lên nhưng hai chân không bước được nữa. Thợ ép mía xông đến quất tới tấp vào mông, vào chân nó. Trâu Bình quay quắt. Tôi xông vào giật roi nổi thét:

- Trời ơi! Đánh chết trâu tôi rồi!

Mấy chú thợ ép mía mĩa mai:

- Mày cứng trâu như cứng vợ mày! Đừng dắt nó đến đây nữa!

Trâu Bình đi giữa roi vọt chửi mắng. Khi mở ách, nó đứng đờ ra một lúc rồi bước chệnh choạng. Hôm sau, tôi lại đưa nó đi ép mía. Nó phải cố bước để lấy được năm xu đem về đưa mẹ tôi mua gạo.

Trâu Bình có những đóng góp to lớn trong gia đình.

Chị Ba đọc hai lần đoạn thư của cha tôi nói về trâu Bình. Chữ nghĩa rành rành, nhưng chẳng ai muốn hiểu gì cả. Chị Ba không ngờ cha tôi lại có ý định như vậy. Từ lâu, chúng tôi xem trâu Bình như một thành phần trong gia đình, không thể tách ra được. Lúc nó mới về, chị Ba đã chăm sóc nó. Nó với chị Ba cùng soi mình ở bến nước, cùng bước trên cát mịn, cùng hứng ngọn gió nồm, tình nghĩa sâu nặng lắm. Sau đó, chị Ba giao nó cho tôi. Tôi với nó cùng ngụp lặn trong nước sông. Nó bước trong trăng sao, tôi ngồi trên lưng hát véo von lúc chiều xuống. Mẹ tôi yêu nó nhất nhà. Chẳng ai muốn nó xa gia đình cả.

Về việc trả con trâu Bình cho ông Phó Xáng, ý kiến anh Bốn Linh rất dứt khoát:

- Chưa cần trả cho ông Phó Xáng. Thăng Cù Lao vừa đi học vừa chăn trâu. Nếu nó bận học thì gửi trâu cho chú Năm Mùi. Chú ừng nuôi thêm con trâu

để có phân bón ruộng. Chẳng phải cày bừa gì cho ông Phó Xáng nữa.

Chương 9

Anh Bốn Linh bận công tác, đã nhờ chú Năm Mùi đến giúp khi tằm lớn. Chú Năm thức dậy lúc trời chưa sáng, đốt ngọn đèn dầu. Chú định rưới cho tằm một nước dâu. Nhưng nhìn lại, chú rất ngạc nhiên! Tằm con nào cũng vàng óng cả. Không lẽ tằm đã chín hết, vì sáng nay mới là ngày tằm chộ, chín lác đác một vài con. Ngày mai mới đúng là ngày tằm chín hết. Chú Năm giụi mắt nhìn kĩ. Đúng là tằm đã chín rộ...

Chú Năm nói nửa bực dọc nửa vui đùa:

- Chết cha! Bay đẻ sớm như thế này, tao tìm bà mẹ đâu kịp?

Chú Năm gọi thẳng Cù Lao dậy, hốt dâu rải một lớp mỏng cho tằm bò khi nhật khỏi dính chân.

Bên ngoài trời vừa hửng sáng. Chú Năm vén màn bước ra:

- Bọn bay đẻ sớm, tao thêm mệt! Chà, ông Bốn Linh lại đi đâu mất... Nhưng thôi. Tao cũng có cách.

Chú Năm bước ra sân. Chú đứng thẳng, dọn giọng lấy hết gân cổ nổi la làng:

- Bớ làng! Bớ làng! Bớ xóm ơi!

Tiếng la làng khủng khiếp bay đi khắp xóm, đập mọi người vùng dậy.

Trong nhà, chú Hai giật thót chạy ra:

- Chớ chuyện chi vậy, hả chú Năm?

Chú Năm không trả lời, càn la inh ỏi:

- Bớ làng! Bớ làng đến cứu...

- Bộ anh này điên sao! Người ta tưởng có án mạng đó!

Tôi chui rào chạy sang nhà anh Bốn. Chú Năm đang la làng một cách... vui vẻ.

Chú Năm la làng tiếp một châu nữa mới chịu bước vào. Ngoài ngõ đã thấy ông Kiểm Lài hớt hơ hớt hải chạy đến hoảng hốt:

- Cái chi thế hả? Cái chi thế hả?

Ông Bảy Hoá chạy đến, tay cầm cây côn:

- Mới bùng mắt, chi mà la làng ghê quá?

Thầy Lê Hảo nói không ra hơi:

- Cách mạng lên rồi. Việc chi cũng phải lờ thuận lẽ êm chớ!

Nhà anh Bốn Linh bỗng hoá rộn rịp. Ông Trưởng Đình vai quàng chiếc mõ tre nói hỗn hển:

- Có đánh người hoặc trộm trâu, phải nổi mõ cho làng biết.

Ông Tư Đàm băng rào chạy xuống. Ông Bốn Rị tay cầm con dao chạy lên. Ai cũng hỏi nhau:

- Chi dữ quá!

Chú Năm Mùi bước ra, vòng hai tay trước ngực, rất lễ phép.

- Bà con nay đến đông đủ, tôi mới dám nói. Đáng lí ra, anh Bốn Linh được ở nhà lo cho tắm. Nhưng anh bỏ việc nhà đi lo việc nước. Anh Bốn nhờ tôi đến giúp. Đúng ra, sáng mai tắm mới lớn, mới kịp tin bà con. Không ngờ nó thấy mình bận, nó chín hết cả. Làm ruộng ăn cơm năm, làm tắm ăn cơm đứng. Việc phải làm liền, tôi phải mời bà con đến, xin mỗi người một tay...

Mọi người thở phào:

- Ôi! Tưởng cái chi!

- Ông làm tôi sợ mất máu! Tôi nghĩ cách mạng lên rồi, sao còn có việc trộm cướp? Phải bắt vạ ông này mới được!

Chú Năm Mùi vén áo giả vờ nằm xuống:

- Tôi xin nằm xuống. Bà con muốn đánh trăm roi cũng được.

Ông Bảy Hoá cười xoa:

- Trước cách mạng, người ta la làng để cứu mạng. Nay cách mạng thành công chú Năm la làng để chia vui tằm lớn. Vậy tằm đâu? Khiêng mau ra đây. Bà con mỗi người một tay, việc trời cũng xong hết!

Ông Bảy cầm cái thúng đặt úp trước sân, hô mọi người khiêng tằm ra. Tôi và thằng Cù Lao ba chân bốn cẳng chạy đi tìm mùng, tìm mo cau để đựng tằm. Tất cả xúm lại ngồi quanh nong tằm. Ông Bảy chỉ vào đám trẻ con vừa chạy đến:

- Nhỏ vậy chớ lượm tằm giỏi lắm đó!

Bọn trẻ con thường bị xua đuổi, nay được ông Bảy đề cao, chen vào nhặt tằm lia lịa.

Chú Năm Mùi cho khiêng thêm một nong nữa ra sân.

Chú dặn:

- Đừng có lượm tằm xanh đó nghe! Sẽ học kĩ sư nuôi tằm đó!

Tiếng dạ rầm rập. Không ngờ đội ngũ thiếu nhi khi được động viên trở nên tích cực như vậy!

Tiếng chú Năm Mùi vang to :

- Xin nhường việc lượm tằm cho giới phụ nữ và giới thiếu nhi. Còn giới đàn ông, xin mời qua đây. Ai đời, tằm lớn rồi mà lại chưa có cái bủa nào cả.

Ai cũng thấy việc làm bủa là khẩn cấp. Phải làm thật gấp, ít nhất tám chiếc bủa để kịp cho tằm làm kén. Ông Kiểm Lài xách rựa đi hạ tre chẻ lạt. Người đặt nẹp, người trải hom dâu, người sắp cây ran, đặt hòn hào, hô nhau xỏ lạt, cột lạt, dựng bủa, làm việc tới tấp. Bủa dựng lên. Tôi và thằng Cù Lao chạy rút bã mía bó thành đuốc để thui bủa cháy hết lông tơ còn dính lại của lứa tằm trước. Chú Năm Mùi gọi tôi và thằng Cù Lao khiêng bủa quay về hướng mặt trời. Ông Bảy Hoá nhanh nhẹn không kém. Ông rải tằm, khiêng bủa, vác nong, đổ phân tằm thoăn thoắt. Từ hôm đoạn tuyệt với bộ râu dài vướng víu, chân tay ông Bảy hoá gọn ghẽ. Ông đã xin gia nhập đội tự vệ, dám thách vật với anh Bốn Linh nữa. Ông cười, nói:

- Tôi là một con dao bị vùi sâu dưới đất. Nay cách mạng đã đào lên, tôi mài cho sáng...

- Ông mài ra răng? Tôi cũng muốn mài đây. - Ông Tư Đàm hỏi.

- Không phải như mài dao, mài cuốc đâu! Không phải cắt râu là xong đâu. Tôi còn làm những gì thằng Bốn Linh làm được. Tôi tập tữ vệ. Tôi sẽ cho bọn xâm lược biết chớ có mon men đến xứ này. Thằng thực dân có chặt mất đầu, tôi sẽ mọc đầu đánh trả như Khương Linh Tá.

Nhà anh Bốn Linh như có hát bội. Thằng Cù Lao cứ thoãn thoắt: khiêng nong, nhật tằm, đồn tằm, rải tằm lia lịa. Nó biết chỉ cho bọn con nít chớ nhật tằm xanh, tằm bệnh. Tất cả đều công nhận nó là thầy tằm. Chú Năm còn bảo nó là một trai đứng buồng loại giỏi vì nó quét buồng tằm rất sạch, biết cho tằm ăn nước khuya để tằm chóng lớn. Ông Bảy Hoá cười khếch khếch rao to mọi người biết nó là tay bơi lội có tài, cách mạng đã thành công, lớn lên nó sẽ làm vị thủy sư đô đốc, phá tan những thuyền giặc dưới nước. Và nghĩ cho cùng, theo ông, tất cả những cái đó đều do cách mạng, cách mạng có giải phóng, nó mới "vùng lên" như vậy.

o o o

Tiếng cười nói ồn ào. Chợt con Vện của chị Bốn vụt chạy té ra ngõ, ngoắt đuôi lia lịa. Chị Bốn đã về.

Chú Năm đứng lên gọi:

- Mời bà mau vô đây! Lấy nếp lấy đường ra nấu mau một nồi cháo ngọt. Phải nấu nồi to. Cách mạng lên rồi, không cần cóp nhật từng xu chi cho mệt!

Chị Bốn đặt giỏ dâu xuống:

- Xin có ngay!

Chú Năm cúi người trên chiếc búa, vừa xiết dây lạt vừa gọi to hơn:

- Bà Bốn Linh ơi!

- Dạ!

- Ngày mai bà có nhớ chi không?

- Nhớ rồi. Sau bắt kén, phải cúng bồng!

- Tôi đã nhắm con gà trống của ông Bốn! Nó vừa gáy te te ở đây khi này. Ông Bốn ăn ở có đạo chỉ la làng vài tiếng mà bà con đã chạy đến đông đủ. Bà phải đền đáp công ơn của họ!

- Xin đền đáp!

- Đền đáp không phải nói suông là xong đâu. Người lớn ít nữa cũng phải có xôi với thịt gà. Trẻ con cũng phải chè xôi đó.

- Xin nhớ! Bắt kén xong còn phải gánh trả đòn hào, hom dâu. Cũng phải nhờ chú Năm giúp cho một ngày nữa.

- Tôi không làm nữa đâu! Tôi bị ông Bốn đâm vào vai. Vai tôi bị sưng vù lên đây này. Từ hôm ở chòm đa Lí về, tôi không làm được việc chi nữa!...

- Đã là đấu chơi thì các ông phải đánh nhau nhẹ nhẹ. Đẳng này cứ thẳng tay đâm đá. Ông Bốn đã nhiều lần bị u đầu và hộc máu. Tôi sợ mất vía!

- Có gì mà sợ! Ông Bốn có chết đi thì bà cứ đem muối mắm, khỏi phải đi chợ. Nhưng ông Bốn bị ma quỷ chê rồi, chưa chết được đâu. Bà còn phải hầu hạ ông đó!

o o o

Chú Năm Mùi gọi tôi và thằng Cù Lao giúp chú quay búa về hướng khác để tầm đỡ nắng, vì tầm đã rúc ỗ.

Tầm trong nong đã nhạt xong, các chị hái dâu đội nong ra rộc kì cọ giặt giũ. Tiếng đập nong nghe phành phạch như tiếng trống lũng. Tôi và thằng Cù Lao khiêng hết giường phản ở nhà trên đem dòn xuống bếp. Bàn ghế phải cấp tốc đưa hết ra sân lấy chỗ vầy tầm. Thằng Cù Lao đổ than vào nồi, quạt lửa. Chú Năm Mùi hướng dẫn đặt búa chụm đầu vào nhau, cứ hai búa chụm lại thành một, giống như hai mái nhà. Dưới búa phải đặt nồi lửa để sưởi cho tầm được ấm. Chị Bốn đã rang sẵn mấy nồi bắp để phục vụ đội ngũ vầy tầm. Tôi và thằng Cù Lao nhai bắp rang, ngồi lắng nghe chú Năm kể

chuyện. Toàn những chuyện đùa ông bán trứng tằm, người đào dâu, chuyện chế giễu những kẻ ngu xuẩn, bọn quan lại hống hách. Nhiều chuyện có những chi tiết rất tục, làm chúng tôi cười lăn lóc, suýt ngã vào nôi than. Chú Năm nheo mắt cười hì hì:

- Nay cách mạng thành công tao mới dám kể cho bọn mày nghe. Trước đây tao phải kín miệng, vì nó động thời thế!

Chú Năm kể những tích tuồng hát bội. Chú thú thật đã mê hát bội đến quên ăn quên ngủ, con mắt của chú trũng xuống, sâu bằng cái chén tống, râu ria chú mọc ra, tóc dài phải búi thành một đùm sau gáy.

Tôi chứng minh thêm:

- Hèn gì thím Năm nói với mẹ cháu là thím xấu số, gặp phải thằng chồng mê hát bội! Thím Năm thề thím sẽ đốt rạp hát bội đó.

Chú Năm cười xoa:

- Cái tai mày bị lủng rồi hả? Mày nghe sai bét. Thím mày nói với tao là thím mày tốt số mới gặp được tao. Tao kể cho thím mày nghe những tuồng Tam nữ đồ vương, tuồng Đào Phi Phụng, thím mày mê tí thò lò! Nhưng thôi, bọn bay đi bươi lửa cho búa ấm cái đã.

Chúng tôi chui vào dưới búa, bươi lửa cho búa ấm, lại chui ra, quây quần bên chú Năm. Chú Năm vẽ nghiêm trang:

- Bọn bay nay được thăng làm học trò. Một dạo tao cũng được thăng làm học trò! Tao học chữ Hán chứ không học quốc ngữ như bọn bay. Thầy dạy tao câu "Đệ tử phục kì lao". Thầy cắt nghĩa từng chữ : đệ tử nghĩa là học trò, phục nghĩa là phục, kì nghĩa là sửa, lao là lao. "Đệ tử phục kì lao" nghĩa là học trò phục sửa lao. Tao cũng chẳng hiểu thánh hiền muốn dạy điều chi. Sau tao nghĩ ra chữ "kì" đây có nghĩa là kì cọ, kì cọ khi ta ra tắm ngoài ao đó. Tao bèn đọc "Đệ tử phục kì lao" nghĩa là học trò phục ngoài ao. Thầy đánh tao hai roi. Nhưng ít ra tao cũng tìm được nghĩa lí của câu thánh dạy.

Chú Năm chỉ vào thằng Cù Lao:

- Cái tên của mày cũng là "Cù Lao" hay là " Kì Lao" chi đó. Tao nghĩ phục Cù Lao là đúng hơn. "Đệ tử phục Cù Lao" có nghĩa là học trò phục thầy Cù Lao. Chúng phục mày vì mày bơi giỏi.

Tôi hỏi:

- Còn tôi, chúng cũng phục tôi chứ?

- Chúng đặt vè về mày đó!

Nghe có người đặt vè về tôi, tôi đã lo. Thường người được đặt vè là người bị thiên hạ chê cười. Chú Năm liền tiếp:

- Nó đặt vè về mày thế này này: "Có thằng nhỏ dại, không biết nghĩ suy, cha mẹ hàn vi, cho đi ăn học. Lo mua vở sách, mua sắm áo quần. Trò bỏ ra sông, suốt ngày đánh đá. Xưng hùng xưng bá, nào Triệu Tử Long, nào là Địch Thanh, Quan Công, Hạng Vũ. Trâu không có cỏ, gầy tóp đôi hông. Lê la ngoài sông..."

Tôi nói chẵn ngang:

- Đừng đọc nữa! Suốt ngày đánh đá để tập đánh Pháp đuổi Nhật đó. Các chú không cho bọn tôi tập tự vệ thì phải tập giật lá chớ. Nè, cái khoản tập bơi để diệt đồn địch, tôi vượt sông rồi đó...

Hình như khoản tập bơi đã thuyết phục được chú Năm, chú nhìn tôi chăm chú:

- Nhưng việc mày bảo là thím mày vô phước mới gặp tao là sai bét. Mày xem từ hôm cách mạng đến nay, tao tiến bộ thế nào! Tao hô hào bà con đi cướp chính quyền. Tao trúng chân chỉ huy tự vệ, trúng ban chấp hành thanh niên. Tao lo việc nuôi quân. Tao thức suốt đêm để làm hầm. Ai cũng công nhận là tao đổi mới. Thím mày đã nói: "Cảm ơn cách mạng đã giác ngộ chồng em". Thế nào? Có phải vậy không Cục?

- Phải! Nhưng mới là chỉ huy tự vệ thôn, chưa sướng. Chỉ huy toàn tỉnh mới sướng, có được khẩu súng đeo bên hông.

- Ở cái thằng này! Phải thông thả học tập đã chớ. Phần tao như vậy cũng được. Còn phần mày, mày phải học con tằm. Nó rút hết ruột tơ của mình để làm ra cái kén. Kén ta đem ươm, lấy tơ dệt lụa. Đáng thương biết mấy!

o o o

Chú Năm bỗng đứng bật dậy:

- À, tao còn phải đi quanh một vòng để tìm vài thằng Việt gian ẩn núp đâu đây cái đã. Nhiệm vụ đi canh chùa giao cho ai được.

Chú Năm rút gậy đi một lúc rồi quay lại.

Tôi ngáp một cái, nói:

- Buồn ngủ quá chú Năm ơi!

- Mày muốn tao hô bài chòi, nói Lục Vân Tiên, hay nói về chớ chi! Tao biết trong con tim đen của mày rồi.

- Sao chú biết được con tim đen vậy chú?

- Thì chú cháu mình chớ ai vô đó! Khi tao còn nhỏ, tính tao cũng không nói thằng những cái mình muốn như mày!

Thường ngày Tết, chú Năm Mùi hô đánh bài chòi hay lắm. Chú đứng bên cạnh bàn đặt giữa đám đất. Trên bàn có đặt một cái ống, trong ống có cắm sẵn ba mươi con bài. Mười cái chòi dựng thành hai dãy hai bên. Trong mỗi chòi đã có người chủ bài. Chú Năm lắc ống bài, rút một con hô to:

Tiệc thay chút nghĩa cũ càng

Dầu lìa ngó ý còn vương tơ lòng

Duyên em dù nổi chỉ hồng

May ra khi đã tay bằng tay mang.

Là con... bát bồng.

Tiếng trống lớn, tiếng chiêng nổi lên u, ầm! Tiếng trống nhỏ tom, tom, cắc!
Tiếng đàn nhị ò e, ò e! Tiếng mõ lốc cốc! Cờ ngũ sắc bay lại bay qua.

Hết con bài bát bồng, đến con bài ông âm, rồi con nhứt nọc, con nhì nghèo, con bạch huê, con tam quăng, con tứ giống... Có lẽ đó là những con vật rất kì dị ở những thế giới thần tiên đâu đâu. Chúng hiện ra từng hàng đầy đủ lông lá, màu sắc huyền ảo.

Chú Năm, hoặc lấy từ trong Kiều, trong Lục Vân Tiên, trong Thạch Sanh và trong các loại vè trên đời, hoặc tự ứng khẩu sáng tác ngay tại chỗ, phục vụ kịp thời. Giọng của chú trầm bổng, ngân nga, reo vui, thanh thoát là tùy theo nội dung câu thơ chú hò. Không chỉ chúng tôi quên mệt, quên ăn quên ngủ, mà cả Hoà Phước đều mê cái giọng chú. Chú Năm phục vụ suốt mấy ngày Tết mà không lấy một đồng xu nào cả.

Tôi nói lơ lửng:

- Làm vài câu đi chú!

- Một chữ tao cũng không làm, chớ đừng nói vài câu! Mà nghĩ, cách mạng lên rồi, tao cũng là chỉ huy tự vệ, ai lại đi hô cái đánh bài chòi!

- Vậy chú ngâm Lục Vân Tiên đi. Chỗ Nguyệt Nga ôm bức tượng Lục Vân Tiên trầm mình dưới sông, chú cũng thích!

- Đó là lúc trước, nay mà có cạy răng tao cũng không làm thứ đó nữa đâu! Gà đã gáy kia kìa. Cho sắp bay đi ngủ. Tao vừa mới biết trẻ con phải ngủ đúng tám giờ một ngày mới chịu lớn. Để tao thức một mình vầy tằm cũng được.

o o o

Tôi bừng mắt, có tiếng cửa bị xô mạnh. Ánh sáng bên ngoài tràn vào. Trời đã sáng trắng. Khi hôm thức vầy tằm, mãi đến gà gáy mới ngủ. Chú Năm chuẩn bị việc bắt kén. Chú mở hết cửa, khiêng xếp các bủa kén lại một chỗ, trải hai chiếc nong giữa nhà, khiêng một bủa kén đặt lên. Mọi người bước đến mở gút lạt, gỡ nẹp, gỡ những cây dâu khô dính đầy kén như những hoa vàng. Giống kén bạc mà mốt, dày tơ, bán được tiền. Ai cũng mừng cho chị Bốn đánh ván cuối mùa lại được ăn to. Ông Bảy Hoá cầm một chuỗi kén dính liền nhau, giơ lên cho mọi người thấy. Kén dính liền nhau là

điền báo trước chị Bốn sẽ còn trúng tằm nữa. Sang năm, chị Bốn sẽ trúng bảy lứa tằm liên tiếp, vì có cả thầy bảy kén dính liền nhau.

Có tiếng cười nói ồn ào trước ngõ. Ông Trùm Khéo đã đến. Chính ông là người bán giống tằm cho anh Bốn Linh. Ông tiếp lời ông Bảy:

- Tại sao chỉ trúng bảy lứa? Phải trúng hai mươi lứa chớ!

Mọi người cười ồ:

- Mỗi năm làm được năm lứa tằm đã đứt hơi. Nay ông Trùm có cách làm đến hai mươi lứa!

- Thì có chi đâu! Anh chị Bốn chỉ thuê thêm bốn trai đứng buồng, làm đủ bốn buồng tằm. Mỗi buồng làm năm lứa, có phải vị chi là hai mươi lứa không nào?

Ông Trùm Khéo xắn tay áo, hét to:

- Nay non sông đã độc lập. Dân ta đã mở mày mở mặt với bốn biển năm châu, vậy ai còn chịu mặc thức vải thô dày như bao bố đó nữa? Phải mặc lụa với nhung. Nay mai nuôi mấy tằm cho đủ. Ông Bốn Linh trúng tằm, phải sắm một tủ sắt để đựng tiền. Tôi xin cam đoan như vậy!

Bọn trẻ con trong làng đứa nào cũng biết ông Trùm Khéo. Hằng năm, bắt đầu mùa xuân, ông lại xuất hiện. Ông đi qua làng, mặc chiếc áo thao màu gụ, móc trước ngực một chiếc quạt giấy thật to, công sau vai một chiếc bầu bằng tre. Chiếc bầu có xỏ một chiếc đòn xóc cong queo như một cái móc. Nhờ chiếc đòn xóc đó ông Trùm Khéo đã công được bầu. Ông nhớ hết tên họ mọi người. Khi đi ngang qua Hoà Phước, ông dừng lại, nói rất tự nhiên:

- Anh Bốn Linh, có trứng tằm của anh đây!

Nếu không mua, ông Trùm Khéo quả quyết:

- Không mua thì mất trứng!

Ông biết mặt hết bọn trẻ con. Gặp tôi ông gọi:

- Nè Cục. Ông coi bộ giò mảy cao, chắc là chạy giỏi. Chạy mau về hỏi cha mảy có mua trứng nòi của ông Trùm không? Nhớ nói trứng của ông Trùm lần này tốt dữ lắm!

Ngày bắt kén, ông đến sớm lo hạ bủa, lo dọn dẹp cùng mọi người, có ý kiến trong mọi vấn đề, luôn luôn đứng về phía chủ tầm, phân tích tất cả những cái tốt của lứa kén cho người mua thấy. Ông cầm một cái kén vừa về vừa nói với lái kén:

- Các vị hãy xem! Những cái kén trong này còn cứng hơn hòn sỏi. Các ngài bỏ nó vào cối đá, lấy chày đâm mạnh nó vẫn không móp cho mà xem. Kén tốt ắt có nhiều tơ. Kén nhiều tơ sẽ có lợi cho các vị thế nào, cái đó các vị biết rõ.

Vừa gặp thằng Cù Lao, ông Trùm Khéo đã nhớ ngay tên nó. Ông sai nó đun nước để ông thử kén xem kén có bị tan hay không. Thằng Cù Lao chạy như bay. Ông Trùm Khéo nhặt ở mỗi nong sáu bảy cái kén. Ông bỏ kén vào niêu nước sôi lấy đũa đập đập, gỡ vỏ kén, bắt những sợi tơ móc lên xa, quát to:

- Cù Lao! Quay xa mau lên!

Thằng Cù Lao quay xa, tiếng xa cót két, kén trong nôi nhảy nhót lao xao.

Được một lúc, kén mỏng dần, đến lúc chỉ còn những con tầm trắng rơi xuống đáy niêu. Ông Trùm xếp ra quay, mở cuộn tơ, móc lên cổ cho thằng Cù Lao. Chợt ông nhìn nó chăm chăm, chép miệng hỏi:

- Mày ăn chi mà hoá đen thui vậy?

Chú Năm Mùi cho biết nó ở ngoài cù lao Chàm mới về.

Ông Trùm Khéo trở lại vui vẻ:

- Về đây là hết sức phải. Về đây làm tầm. Vì đã là dân xứ này thì không thể không làm tầm. Nghề nông và nghề tầm là căn bản, "nông tang vi bản" như thánh đã dạy. Mọi người dân không biết làm tầm đó là người ngoại quốc đâu đâu, chớ không phải người Việt Nam ta!

Ông Trùm Khéo quay sang chú Năm Mùi:

- Xứ này có giàu sang cũng nhờ tôi cả. Tôi đã chọn những kén giống tốt ở khắp các ngõ nguồn đưa về đây làm giàu cho thiên hạ. Có trứng rồng mới nở ra rồng. Cách mạng lên rồi, nhất định Ủy ban sẽ cử tôi làm uỷ viên nuôi tằm. Tôi mà lãnh chức uỷ viên thì tất cả người dân xứ ni đều được nuôi tằm, đều được ăn sung mặc sướng, ăn toàn thịt cá, mặc toàn tơ lụa!

Chú Năm Mùi hỏi to như muốn mọi người đều nghe:

- Ông Trùm vừa nói xứ này có giàu sang là nhờ có ông Trùm. Đáng lí ra họ phải cảm ơn, nhưng ông Trùm lại bị đàn bà xứ này vác gậy đuổi chạy?

Ông Trùm Khéo cười xoa:

- Bà Hường làng này thua tằm, không phải vì giống của tôi xấu. Đó là vì tằm ăn dâu non. Bà thua tằm, bà nổi tam bành bà lên. Hể đàn bà nổi tam bành, mình là bậc trượng phu, bỏ chạy là thượng sách!

Chương 10

Đằng nhà chị Bốn Linh mãi suốt ngày hôm sau việc dọn dẹp vẫn chưa xong. Giường ghế phải đưa vào, nồi lửa phải chõng lên, đòn nẹp phải bó lại, nong nia phải giặt đập. Suốt buổi sáng, tiếng chõ tre cứ roạch roạch, tiếng cọ xát cứ lạch xạch. Thằng Cù Lao dọn dẹp luôn tay, giống như một trai nuôi tắm loại giỏi. Ăn cơm tối xong, chị Bốn còn phải hạ giỏ bắt số kén đuôi. Chung quanh xóm đã tắt đèn. Tôi và thằng Cù Lao nằm trên phản thiu thiu ngủ. Chợt có tiếng chân bước. Anh Bốn Linh về.

Vừa bước vào nhà, anh Bốn vội thanh minh:

- Chà, việc của tôi cứ búi xòm xòm!

Chị Bốn hỏi:

- Việc chi mà búi dữ rứa?

- Cũng là việc quốc gia chi sự.

Chị Bốn bước nhanh vào bếp:

- Ở nhà cúng buồng, đợi anh Bốn đó. Xôi để phần đây.

Tiếng anh Bốn vui lên:

- Chớ tắm tở ra sao? May quá! Tắm lớn không bị lụt. Mùa này ông trời ác lắm, tôi cứ lo lo.

Chị Bốn khoe:

- Này anh Bốn! Trừ các khoản chi phí, lúa tắm này mình hốt được...

Tiếng chị Bốn nhỏ lại. Tiếng anh Bốn to lên:

- Khá quá hè!

Tiếng chị Bốn thiết tha:

- Tôi mua một súc thao, định may mỗi đứa một cái áo. Anh thích bận quần thao, may luôn cái quần cho đủ bộ. Tôi còn mua con lợn để nuôi.

Tôi mở mắt nhìn. Anh Bốn ngồi nhai xôi như không nghe những gì chị Bốn nói. Đáng lí ra, anh phải vồ vập. Sau bao nhiêu thành tích đem lại cho gia đình, anh Bốn phải khen vợ vài câu. Đằng này anh cứ âm ứ cho qua chuyện.

Chị Bốn nghi anh Bốn vừa thua vật:

- Từ rày chớ có đi đánh đá nữa. Có ngày mất mạng đó!

Anh Bốn như vừa chột tỉnh:

- Cái gì?

- Vật thua chớ gì?

- Bậy nà!

Anh Bốn xén một cục xôi bỏ vào mồm, quay đầu đũa vạch vạch mấy cái xuống bàn như đang trừ tính một việc gì phức tạp.

Có tiếng anh Bốn hỏi chị Bốn:

- Mình về bên nhà, có thấy Phó Xáng ở trên đó không?

Tôi biết chị Bốn đi hái dâu có hôm tranh thủ ghé về thăm cha mẹ ở xã bên. Chị Bốn vốn người trên đó.

Tiếng chị Bốn rành mạch:

- Gặp luôn. Nhà họ ở sát bên nhà mình. Họ hiền lành lắm, tốt lắm!

- Cha mẹ hiền lành, nhưng đẻ con ra là đồ tinh, đồ yêu đó. Tôi nói việc bí mật cho mình biết. Thằng phán Ninh con Phó Xáng là thằng mật thám. Nè, phải kín mồm kín miệng đó!

- Úy! Nó giác ngộ lắm! Hôm cướp chính quyền nó diễn thuyết. Nó nói thời cơ đã đến, một ngày mới đã lên, không còn bị xâm lược chặt đầu lột da, không còn bọn vua quan xẻ thịt...

- Nó làm vậy để che mắt thiên hạ. Ở trên vừa cho biết nó là mật thám.

- Thế nó là lính ma tà hả?

- Trước đây nó ở Đà Nẵng làm việc chạy giấy chạy tờ cho toà thị chánh, nhưng lại bí mật làm chỉ điểm ma tà. Vừa rồi trình sát của ta tóm được nhiều hồ sơ của mật thám bỏ lại, trong đó có nhiều báo cáo về cơ sở cách mạng của ta. Kẻ báo cáo ký tên là YA. Vậy YA là ai? Thì ra đó là phán Ninh. Anh Sáu có cho tôi xem những giấy tờ đó. Nói cho mà biết, phải có ý tứ khi về trên nhà! Phải giữ thật bí mật, nghe!

Anh Bốn chậm lại:

- Hiện nay Pháp đang đánh ta ở Nam Bộ. Bọn tay sai muốn rục rịch. Tìm không thấy nó ở Đà Nẵng. Hôm cướp chính quyền nó ở đây. Sau không thấy đâu cả. Nay đường sá ta đang kiểm soát, phán Ninh chưa dám đi xa. Cấp trên bảo phải theo dõi những nơi có họ hàng thân thích với nó. Ông Hoạc ở ngoài vạn là cậu nó đó. Phải theo rất sát.

Anh Bốn thì thầm đang hỏi chị Bốn chuyện gì đó. Tiếng chị Bốn to lên:

- Hai đứa ngủ lâu rồi, có la làng chúng cũng không biết được.

Tôi nằm nghe hết câu chuyện của anh Bốn Linh kể. Giọng nói của anh Bốn có gì khác khác cứ làm tôi muốn nghe. Anh Bốn càng nói nhỏ, tôi càng vểnh tai cố nghe cho được. Khi chị Bốn nói đến ma tà tôi càng chú ý. Tôi vốn sợ ma. Tôi tưởng tượng bọn ma tà mặt mày dữ tợn, hay ngồi rình ở chuồng heo, xó bếp. Nghe được câu chuyện của anh Bốn, tôi như chộp được một cái gì đáng sợ. Cái đó trong tôi cứ nháy nhót. Tôi cố chịu đựng được hai ngày. Đến ngày thứ ba tôi chạy gọi thằng Cù Lao. Tôi hỏi nó:

- Mà biết chi chưa?

Thằng Cù Lao nói nó đã biết hết rồi. Nó sẽ được đi Trà Linh mua gỗ xây dựng trường mới. Đi bằng thuyền của dượng Hương Thư. Nó và dượng Hương Thư sẽ ghé Dùi Chiêng thăm con cháu ông Bá Hoành bắt hổ giỏi lắm. Nó sẽ được xem họ đánh nhau với hổ, được ăn thịt hổ nữa.

Tôi gạt phăng:

- Không phải chuyện đó.

Thằng Cù Lao ấp úng:

- Hay là chuyện... nhưng anh Bốn dặn chị Bốn phải kín miệng...

- Dặn khi mô?

- Hôm anh Bốn về. Anh nói chuyện với chị Bốn lâu lắm. Chuyện...

Tôi chịu không được nữa, hỏi thẳng:

- Chuyện phán Ninh làm mật thám phải không?

Thì ra thằng Cù Lao cũng thức, cũng vãnh tai nghe mọi việc anh Bốn kể. Nó thì thăm:

- Ông Hoạ người thế nào tui chưa biết.

- Ông Hoạ ở ngoài vạn, có búi tóc. Hôm ăn giỗ ở nhà anh Bốn, mà đã biết rồi. Theo anh Bốn, hiện nay phán Ninh đang lui tới ở nhà bà con thân thuộc. Phán Ninh vào ra chỗ nhà Phó Xáng hay chỗ ông Hoạ ở ngoài vạn.

Thằng Cù Lao gật gật.

Tôi khuyên nó:

- Như vậy phải tránh xa! Chớ có đi tắm gần chỗ vạn, có ma tà đó!

o o o

Vạn Hoà Phước có khoảng mười chiếc thuyền buồm. Thuyền nào ở đặng mũi cũng có hai sừng giống đôi sừng trâu. Đặng mũi còn có thêm hai con mắt. Mỗi thuyền buồm thường kèm một vài xuồng con. Xuồng con đậu quanh thuyền lớn giống như những bé nằm quanh bụng mẹ. Khi có gió, thuyền mẹ cọt két rên rĩ. Xuồng con húc húc vào mạn thuyền mẹ như đòi bú tí. Thuyền lớn khi nằm ở bến trông nặng nề uể oải, khi rời bến bỗng hoá nhẹ tênh, cánh buồm giương cao lướt trên sóng biếc bay đến chỗ chân trời trông sáng quắc như những thanh gươm nhọn. Thuyền ở vạn Hoà Phước cập bến và rời bến rất bất thường. Thuyền ông Mười Ý to nhất vạn, có ba buồm, ăn đường ở các bến sông rồi giương buồm ra đến Huế. Nó từng vượt sóng biển

khởi. Đối với bọn trẻ trong làng, nó có uy tín rất lớn. Khi thấy nó về, chúng reo to:

- Ghe bầu ông Mười đã về!

Chỉ một lúc sau, tin tức được loan báo khắp làng. Ai cũng muốn chạy xem ông Mười đã đưa loại mằm gì về, mằm cá nục hay cá cơm, đựng bằng thùng hay bằng tĩn. Nếu có gạo tốt thì người không mua cũng bốc vài hột về cho bà con trong xóm cùng xem. Thuyền của dượng Hương Thư tuy nhỏ nhưng rất chắc, nhiều lần vượt thác. Thuyền của dượng mỗi năm chỉ nằm ở vịnh Hoà Phước vài ba tháng. Trước đây, dượng về ngụ cư ở vịnh Hoà Phước. Thuyền bà Phương chuyên nghề đưa khách xuôi phố Hội An, thường nhổ sào vào lúc xẩm tối. Thuyền ông Hoạt dáng bè bè, trông dày dặn, có lúc lên bán mằm trên nguồn.

Vịnh Hoà Phước còn đón thuyền ở các nơi đến. Thuyền vùng biển ghé vịnh mua lá keo về trồng khoai. Đêm xuống, họ đốt lửa nấu khoai sáng rực cả bờ sông. Hấp dẫn nhất là thuyền bán đồ "Nha Trang". Thuyền thường đến trước Tết, chở đầy những mâm hoa quả, những nải chuối vàng hươm, những quả cam rực rỡ, nhưng toàn bằng đất sét. Trẻ con Hoà Phước không hiểu những thứ đó làm ở xứ nào. Chỉ biết người ta gọi đó là đồ Nha Trang. Ngoài hoa quả, còn có những con cò trắng bạch đứng bên lá sen, những con nhái ngồi xồm trên ống tre. Khi thuyền Nha Trang đến, bọn chúng tôi ù té chạy xem, không ngớt ca ngợi, vì những nải chuối thật, những con nhái thật cũng không đẹp hơn những đồ đó được.

Bỗng vịnh Hoà Phước mất hết vẻ hấp dẫn khi trước. Nó hiện ra đầy bí mật vì có một tên ma tà bị tróc nã lẫn quất đầu đây.

Tôi và thằng Cù Lao vẫn ra bến tập bơi. Tôi muốn tránh xa chỗ vịnh. Nhưng thằng Cù Lao từng được ông Bảy Hoá đề cao, bảo nó sẽ đẹp được giặc dưới nước. Nay giặc đang nằm ngay trong thuyền ông Hoạt, nó khó làm lơ. Nó phải bơi đến chỗ vịnh để điều tra. Nó sẽ bơi quanh, giả vờ như không biết phán Ninh là ai cả. Sau đó nó sẽ báo cáo mọi việc với anh Bốn. Thằng Cù Lao nói nghe có lí, nếu làm được việc đó, anh Bốn sẽ thưởng chớ chẳng

phải chơi. Thằng Cù Lao bơi vun vút phía trước. Tôi bơi theo sau, bơi đến những thuyền cắm tận ngoài xa. Chẳng thấy ông Hoạ đâu cả. Chúng tôi hết sợ, lên bờ mặc quần áo la cà đến bên những thợ mộc đang chữa thuyền. Một ông nổi quát đuổi đi vì có một đứa giống thằng Cù Lao đã cắn mất cái đực. Thật chán! Ta đi để làm một việc quan trọng như vậy, đến lúc quay về lại bị nghi oan là ăn cắp đực!

o o o

Ông Bảy Hoạ đến đâu cũng nêu cao tài bơi lội của thằng Cù Lao. Danh của nó bay xuống xóm chợ, lọt vào tai bọn trẻ con dưới đó. Lúc đầu chúng chưa tin. Sau khi thấy rõ chúng đều phục lăn phục lóc.

Đứa nào cũng muốn tập bơi. Thằng Cù Lao tập cho mấy đứa. Chúng trầm trồ:

- Tài quá! Tài quá!

- Thằng Cù Lao để tay vào chỗ bụng mình, là mình bơi giỏi mới lạ chứ!

Đội ngũ bơi lội càng đông. Một vài đứa đã vượt sông Thu Bồn. Những đứa trước đây chê thằng Cù Lao là ngốc, nó là một thứ mọi biển, nay càng mê nó. Để tỏ mối tình, bọn bơi lội mở tiệc chiêu đãi.

Thằng Thân ở xóm chợ mở gói lá chuối, chắp tay đặt trên rốn:

- Mời các vị cứ thiết tình! Đây là món thịt quý đãi anh Cù Lao.

Thằng Cù Lao dòm dòm:

- Thịt chi vậy?

- Thịt chim công! Chim công lông đẹp, thịt ngon. Tôi giết vài con đãi bạn. Bốc một miếng ăn đi.

Tôi bốc một miếng lên xem. Đó là miếng dái mít, ăn vào sẽ xít cuống họng. Tôi bỏ dái mít vào mồm. Thật kì lạ! Dái mít bỗng hoá ngọt ngào chẳng khác gì xôi ngọt. Thằng Cù Lao khen:

- Ngon hơn chả!

- Ấy! Dái mít phải cắt ra thành miếng, gói lại đem ép dưới cối đá mới ngon như rứa!

Ăn "thịt chim công" xong, chúng tôi uống "rượu".

Rượu là nước sông Thu Bồn. Uống xong đĩa nào cũng gật gật, cũng bước xiêu vẹo, cũng nói: "Ta không say, ta không say" như mấy người say rượu chính cống.

Trong lúc "say rượu" có đứa nói thật là nó mong Pháp đổ bộ lên Đà Nẵng kéo đến đóng ở sông Thu Bồn, nó có dịp bơi lặn tấn cho bọn Pháp một trận để lập công!

Tôi cũng nói thật là nhờ tài bơi lội mà tôi và thằng Cù Lao đã lãnh một nhiệm vụ vô cùng quan trọng: Chú Năm Mùi đã giao cho chúng tôi "vượt thác xuống gành" một chuyến. Đó là dịp tốt để chúng tôi thi thố tài năng, và để lấy gỗ ở Dùi Chiêng về xây dựng... cuộc đời mới. Lên Dùi Chiêng thế nào cũng được đi săn hổ. Tất cả đều cho chú Năm Mùi rất sáng suốt. Sự thật tôi được đi Dùi Chiêng để lo việc... nấu cơm, vì tôi là loại "lờ rơi xuống nước cũng không đến nổi như cục đá", như dưỡng Hương đã nhận xét.

Tôi và thằng Cù Lao phải đi Dùi Chiêng rất gấp. Phải dựng trường trại cho nhanh, vì bọn trẻ con đang lê lổng, có đứa đã đi ăn cắp đục của các ông thợ mộc ngoài vạn.

Chương 11

Trường sẽ xây dựng ở chòm đa Lý. Thầy Lê Hào đứng ra trực tiếp lo mọi việc. Gạch ngói sẽ dỡ lấy ở ngôi miếu cũ giữa vườn đa. Cần mua thêm một ít vôi ngói. Gỗ phải đi lấy ở Dùi Chiêng. Ông Hội Hiệt đã hứa đóng góp đủ gỗ. Việc đi lấy gỗ giao cho dưỡng Hương Thư và chú Hai Quân. Dưỡng Hương Thư năng lên xuống các ngõ nguồn, mọi việc sẽ thuận lợi.

Tôi và thằng Cù Lao mang hai cái nôi, một bị gạo, một hũ mắm đặt vào thuyền. Dưỡng Hương mua thêm hai chục cá chuồn thính, một chục cá mèi đầu, ba cân tôm khô, hai cân đường cát đem về cho dì Hương và để biếu bà con trên đó. Gió nồm vừa thổi, dưỡng Hương nhổ sào. Cánh buồm nhỏ căng phồng. Thuyền rẽ sóng lướt bon bon như đang nhớ núi rừng phải lướt cho nhanh để về cho kịp.

Chỉ một chốc sau, chúng tôi đã đến ngã ba sông, chung quanh là những bãi dâu trải ra bạt ngàn đến tận những làng xa tít.

Thình thoảng chúng tôi gặp những thuyền chắt đầy cau tươi dây mây, dầu rái, những thuyền chở mít, chở quế. Thuyền nào cũng xuôi chậm chậm. Càng về ngược, vườn tược càng um tùm. Dọc sông, những chòm cổ thụ đáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. Núi cao như đột ngột hiện ra chắn ngang trước mặt. Đã đến Phường Rạnh. Thuyền chuẩn bị vượt nhiều thác nước.

Đến Phường Rạnh, dưỡng Hương sai nấu cơm ăn để được chắc bụng. Mùa nước còn to, có khi suốt buổi phải chống liền tay không phút hở. Ba chiếc sào bằng tre đầu bịt sắt đã sẵn sàng. Nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn. Dưỡng Hương Thư đánh trần đứng sau lái co người phóng chiếc sào xuống lòng sông nghe một tiếng "soạc"! Thép đã cắm vào sỏi! Dưỡng Hương ghì chặt trên đầu sào, lấy thế trụ lại, giúp cho chú Hai và thằng Cù Lao phóng sào xuống nước. Chiếc sào của dưỡng

Hương dưới sức chống bị cong lại. Nước bị cản văng bọt tứ tung, thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống., quay đầu chạy về lại Hòa Phước.

Những động tác thả sào, rút rào rập ràng nhanh như cắt. Thuyền cố lấn lên. Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sỹ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. Dượng Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dượng Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ.

Cho đến chiều tối, thuyền vượt qua khỏi thác Cổ Cò.

Chú Hai vớt sào, ngồi xuống thở không ra hơi. Dòng sông cứ chảy quanh co dọc những núi cao sừng sững. Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước. Qua nhiều lớp núi, đồng ruộng lại mở ra. Đã đến Trung Phước.

Thuyền vượt thẳng lên Dùi Chiêng. Nghe nói Dùi Chiêng, tôi và thằng Cù Lao quên cả chuyện đi lấy gỗ, đầu óc tràn ngập những chuyện bắt hùm sắp đến. Chúng tôi sẽ gặp ông Bá Hoàn và ông Hội Hiệt. Họ đều có lông chân mọc ngược, có cặp mắt nảy lửa, làm hùm beo khi nhìn thấy phải cúp đuôi bỏ chạy.

Thuyền cập bến Dùi Chiêng. Dượng Hương Thư đưa thẳng chúng tôi đến nhà ông Hội Hiệt.

Một ông già vóc nhỏ, gầy nhom từ trong ngôi nhà gạch bước ra. Dượng Hương cho biết đó là ông Hội. Tôi sững sờ. Không lẽ một người bắt hổ hình vóc lại nhỏ bé khăng khiu như vậy? Hồ khịt mạnh, ông Hội có thể bay mất. Tiếng nói của ông dịu dàng chứ không như tiếng sấm. Cặp mắt cũng không nảy lửa. Tôi hơi thất vọng. Thằng Cù Lao nhìn chăm chú vào chân ông, xem quả lông chân có mọc ngược không. Ông Hội cũng nhìn chúng tôi thật chăm chú như muốn hỏi: Hai chú bé này con nhà ai vậy?

Dương Hương Thư nói chúng tôi là cháu của dương, là những học trò giỏi. Dương giới thiệu với ông Hội chú Hai Quân đã đánh bọn cường hào võ sọ. Sau đó chú vượt biển Đông ra ở ngoài cù lao Chàm, tự do vùng vẫy. Đã là phượng hoàng thì không thể ở chung với bọn gà, vịt. Đến nay đã mười lăm năm, nước nhà độc lập, chú về lại với quê cha đất tổ.

Ông Hội vuốt chòm râu thưa, nhìn chú Hai vẻ khoan khoái:

- Thế là trên nguồn dưới biển, cùng quê cha đất tổ cả. Nhờ cách mạng, anh em ta lại gặp nhau, đoàn tụ!

Ông Hội đưa tất cả vào nhà, mời khách ngồi vào ghế. Hôm đó, tôi và thằng Cù Lao ăn mặc sạch sẽ, khi ngồi vào những chiếc ghế gỗ láng bóng thấy cũng hợp. Ông Hội lấy làm lạ vì sao mới vừa lặt xong dương Hương đã lên chơi sớm vậy. Dương Hương nói lên lấy gỗ về làm trường như ông Hội đã hứa.

- Tưởng gì! Gỗ đó tôi không dùng nữa, tôi xin biếu hết cho làng. Nhà cửa với miếng vườn này tôi cũng muốn dâng cho cách mạng.

Ông Hội nhìn sang chú Hai:

- Không mấy khi các anh và các cháu lên đây. Mời ở lại ăn thịt ướp. Cây nhà lá vườn...

Nhà ông Hội trông bề thế. Giữa nhà treo một lá cờ đỏ sao vàng. Cách mạng trên này cũng có. Tôi nhìn quanh. Những đầu hổ và những da hổ treo thành một hàng trên vách. Trên các cột còn mọc đủ loại sừng. Có những sừng giống như mũi mác. Có cái dài ngòong ngoèo giống như một cành cây nhiều nhánh. Hai bên vách, treo nào súng săn, nào mã tấu, dao rừng. Tôi cứ nhìn nhìn, cái gì nom cũng lạ. Một chốc sau cơm đã dọn lên. Ông Hội mời tất cả ngồi lại. Vì chúng tôi là học trò giỏi nên được cùng ngồi một mâm. Ông Hội cầm đĩa chỉ vào một đĩa thịt đầy ắp, giới thiệu đó là thịt hổ, ăn món thịt hổ sẽ khỏe ra ngay. Đợi người lớn gắp trước, tôi và thằng Cù Lao gắp thịt bỏ vào mồm. Thì ra thịt hổ cũng mềm như thịt trâu, không cứng như tôi tưởng.

Gặp đến cục thịt thứ hai, tôi nghe khắp người khỏe ra, những mệt mỏi tiêu tan đâu mất!

Chú Hai Quân nhấp tý rượu, nói :

- Ở vùng xuôi, ai cũng đồn cụ Bá Hoành nhà ta săn hổ giỏi. Cụ có cặp mắt sáng quắc là nhờ cụ uống nhiều rượu có dầm mắt cọp.

Ông Hội cười:

- Không phải vậy đâu. Mắt ông cụ cũng như mắt mọi người. Còn muốn săn được cọp phải biết tính nết của nó.

- Người ta đồn giống cọp tài lắm! Ta nói gì chúng đều nghe hết. Nhưng khi đi khỏi ba mươi thước là chúng quên hết!

- Cho nên người ta còn gọi cọp là ông ba mươi.

Ông Hội cười:

- Hùm chỉ là loài hung dữ. Nó cũng sợ người. Ở rừng sâu không có người qua lại. Chộ phải ta, nó nhìn như hỏi: " Con gì lạ vậy?" Rồi cúi sát lẩn trốn. Nó bắt người là vì đói và cũng là hùm già, không đánh nổi với trâu rừng, bò tót. Ngày trước, cha tôi chuyên gài bẫy. Nhiều bẫy nay còn đó.

Chú Hai chỉ một tấm da treo cạnh những da hổ:

- Còn con này cũng là hùm chớ?

- Nó là giống beo. Đi rừng ta phải dè chừng beo ngồi trên cây. Khi nó leo cây, nó lấy chân sau hất mình lên từng đợt, cứ thế leo lên cây ngồi đợi. Thấy hươu nai chạy ngang, nó thả người xuống phóng lên đón đầu, không để chạy thoát.

Tôi và thằng Cù Lao muốn ông Hội kể mãi chuyện đánh hùm beo, nhưng dựng Hương Thư chột hỏi:

- Hôm nào anh cho đi xem gổ?

Ông Hội cho biết sáng ngày kia phải đi sớm. Chúng tôi sẽ vào chòi của ông trong rừng, gổ chất trong đó. Sẽ ngủ lại một đêm trong chòi. Dựng Hương

quày quả đứng dậy xin ra thuyền. Dượng còn tranh thủ về thăm dì Hương. Nhà dượng cách bến Dùi Chiêng chỉ hơn cây số. Chèo chống giỏi, nửa giờ sau là đến chỗ dượng.

Dượng Hương Thư đưa chúng tôi về nhà. Nhà dượng nằm giữa một khu vườn có nhiều cây cau cao vút. Cây nào cũng thẳng tắp trông như những cột cờ, trên chóp tỏa ra một chùm lá xanh um với những buồng cau sai quả.

Dì Hương sung sướng vô kể. Dì cho tôi và thằng Cù Lao đã vượt thác băng ngàn đến thăm dì ở nơi thâm sơn cùng cốc. Dì rất mong chú Hai và thằng Cù Lao lên đóng ở Dùi Chiêng, đất Dùi Chiêng dễ kiếm sống. Với lại ai đến Dùi Chiêng thì ở yên như bàn thạch. Theo dì, tôi đã gầy tọp lại, có lẽ vì ăn uống quá ít. Lần nào gặp tôi, dì cũng bảo tôi gầy tọp lại, mặc dù tôi đã béo ra làm ai cũng quở. Dì xách cây sào tre, chạy ra vườn gõ mít, xem có quả nào đã "trở tiếng". Quả nào gõ nghe bình bịch, dì lấy câu liêm dứt rơi xuống đất. Tôi và thằng Cù Lao ăn mít chín đến ngấy. Dì còn làm đãi khách món da trâu ăn để giải nhiệt.

- Da trâu ăn mát lắm! Nó sẽ "giải" bớt cái nhiệt của món thịt hổ đặng nhà ông Hội.

Dì vừa nói vừa thái món da trâu ướp. Da trâu được dì biến chế hóa trắng hóa mềm ăn nghe xộp xộp.

Dì Hương Thư cũng trồng dâu nuôi tằm, cũng có nong nia, giỏ to, giỏ nhỏ chẳng khác gì ở Hòa Phước. Chung quanh nhà cũng có cánh đồng rộng trồng ngô trồng dâu chẳng có vẻ gì là thâm sơn cùng cốc. Nhiều bạn hàng đi bữa cau đang trú ở nhà dì. Cau Dùi Chiêng quả nào cũng nhiều ruột, loại lòng tằm có ngấn vàng, loại lòng cơm trắng đục. Các bà bữa cau, bà nào cũng muốn tôi và thằng Cù Lao ăn thử một miếng trầu cho biết vị cau nguồn vừa thơm vừa béo. Dì Hương Thư lấy rơm lót vào giỏ, sắp đầy một giỏ xoài tượng biểu chú Hai. Dì gửi cho mẹ tôi năm quả mít và hai buồng cau lòng tằm quả to như những trứng gà. Tiếc rằng sau này lúc xuống thác, những thứ đó bị hất tung xuống nước.

Chòi của ông Hội không giống như chòi giữ ngô ở Hòa Phước. Đó là một ngôi nhà sàn lớn có đến mười cột lim. Sàn lót bằng ván kiên kiên vững chắc. Lên sàn phải leo một cái thang sáu nấc. Ông Hội dựng chòi giữa rừng nói là để làm trạm liên lạc cho việc săn bắn, nhưng đó cũng là nơi trú ngụ của nhiều nhà yêu nước. Dưới chòi có dựng hai thớt lim cắm đầy chông nhọn bằng sắt. Dượng Hương cho biết đó là cái bẫy cọp. Khi gài bẫy, ông Hội rút một thớt lim lên. Khi bẫy sập, thớt lim đó đánh ập xuống, hổ bị kẹt vào giữa, chông sắt cắm vào bụng. Ông Bá Hoàn đã nghĩ ra nhiều loại bẫy, có loại bẫy hàm, có loại bẫy kẹp, có loại bẫy sập cắm chông. Khi sa bẫy, cọp không thể thoát.

Ông Hội ngồi dựa lưng vào vách chòi hút thuốc. Ông nhìn sang chú Hai:

- Ngày trước, ông nội tôi cũng bỏ làng đi lên trên này mưu đồ làm giặc, tôi cũng muốn bắt chước ông tôi. Vào đây tự nhiên thấy thênh thang, chẳng ai trói buộc mình được!

Ông Hội cho biết ông nội của mình xưa kia học chữ nho đi thi hương, sau đó ông đi thi võ nhưng không đỗ. Ông vào rừng tìm cỏ trường sinh, uống vào con người sẽ sống mãi. Tìm cỏ trường sinh không ra, ông quay về nhà. Sau đó, ông nhập đảng Cần Vương nổi lên chống Pháp. Ông cùng nhiều ông khác lên trên này lập căn cứ nghĩa quân. Vùng Trung Phước xưa kia còn gọi là Tân Sở vì nghĩa quân lập căn cứ rút lui ở đây. Cần Vương không thành, Pháp lùng bắt rất dữ. Ông trốn lên trên này đổi họ, giấu tên, trà trộn với đồng bào Thượng, làm nghề săn bắn. Ông nội trước khi tắt thở đã trối lại cho con cháu biết những chuyện nói trên, dặn khi nước nhà hết giặc phải về thăm làng cũ, tìm lại tông tích ông bà, lấy lại họ cũ để cho phải đạo.

Chú Hai ngậm ngùi:

- Lúc bỏ làng ra đi, tôi cũng thích làm giặc!

Ông Hội cười:

- Sau ba đời, chúng tôi mới tìm lại được quê nội. Còn anh Hai về làng sau mười lăm năm! Chỉ vì ta mất nước. Trước kia trên này cách biệt với dưới

đó. Hòa Phước cách biệt với cù lao Chàm, không phải vì biển rộng, núi cao mà vì ta mất nước. Nay độc lập, tất cả giang sơn như sít gần lại, có gì cách trở nữa đâu! Sau cướp chính quyền, tôi đi một mạch từ Trà Linh xuống Cửa Đại. Chúng ta chỉ cách nhau bốn mươi cây số, có núi che ngang, nhưng cùng một quê nội!

Một chim cu nổi gáy. Rừng núi như im lại. Tiếng nói của ông Hội vang lên rõ hơn:

- Lúc còn sống, cha tôi chuyên nghề bắt hổ. Nhưng ông muốn nổi chí ông cha mưu đồ việc lớn. Nhiều người yêu nước qua lại trên này. Họ gặp nhau bàn mưu tính kế. Cha tôi xây dựng chòi này không phải để nghỉ chân. Đây là nơi tụ họp. Nhưng việc lớn không thành. Những người bỏ nhà ra đi, lên rừng ẩn núp không ít. Họ mài răng cặng tai, sống hòa mình với đồng bào Thượng.

Chú Hai hỏi:

- Thế có khi mô Tây mò đến không?

- Có một lần. Sau đó nó hoảng kinh, rút mất. Rừng núi ông bà linh thiêng lắm!

Ông Hội vui hẳn lên:

- Một dạo chúng tôi được trát sức phải đưa hai quan lớn Pháp đến vùng có nhiều hùm để các quan săn bắn. Cha tôi lấy dao đâm lủng chân tay, nói là bị cọp bấu không thể đích thân hộ tống các quan lớn được. Phải giao việc đó cho tôi là con trai, cũng là một tay săn cọp. Cực chẳng đã, tôi phải vâng theo. Cha tôi dặn tôi phải đưa chúng chệch sang một hướng khác.

Hai quan lớn đi săn mang theo một đoàn tùy tùng đến hai mươi đứa. Lính tráng, bồi bếp, phu phen phải khiêng các quan trèo núi. Không chỉ khiêng các quan mà còn phải khiêng thùng đựng rượu, đựng bình toong, hộp sữa, các máy để ngắm, để đo. Quan sai dọn cỏ, hạ cây, dựng lều chỗ cao ráo. Nhà phải đặt gần suối để quan tắm táp. Chỗ cột ngựa nhất thiết phải có hàng rào để phòng cọp đến tha ngựa.

Một buổi tối bọn tôi bấp ở ngoài suối chạy về kêu la hoảng hốt:

- Có hùm! Có hùm! Nhiều lắm!

Có tiếng ào ào rồi tiếng cây gãy rã rã. Qua vài phút im lặng, rừng núi như nổi cơn giông. Đất đá từ trên cao đổ ào ào. Tôi chỉ còn kịp leo lên một cây to gần đấy. Một đàn voi có đến ba mươi thốt từ đâu xông đến. Trong bóng trắng mờ mờ chúng lồng lên, gào rống, chà đạp. Chúng xốc vào nhà dù, quạt vải bạt, đạp quần áo, giày dép, bao bị, súng ống, rương hòm, co vòi móc tất cả vút lên cao rồi lại chà, lại đạp. Chợt chúng lặng im rồi gào rống to hơn. Hai thằng Tây theo tôi tót lên cây nên thoát chết.

Dượng Hương Thư quả quyết:

- Chúng tinh lắm, khôn lắm!

Khi một con bị thương ngã xuống, những con khác quỳ xuống, lấy đầu dầy, dùng vòi dựng dậy. Khi biết bạn mình đã chết, chúng rống lên một hồi thảm thiết, moi đất đắp lại. Sau đó chúng kêu lên mấy lần rồi mới từ biệt.

Nghỉ trưa xong, chúng tôi tiếp tục xuyên rừng đi xem gỗ của ông Hội. Chúng tôi lên dốc, xuống dốc, chui qua gai góc, bước lom khom. Một con chim lông màu đá, ngực vàng óng nổi kêu : Rết ta ta! Rết ta ta! Một vài chim câu lưng màu xanh, cổ màu hồng, cất cánh nghe một tiếng "roạch". Chợt có tiếng lao xao trên cành cây cao, một khuôn mặt tí tẹo với cặp mắt trong veo của một chú khỉ đang nhìn xuống. Một ngọn nước từ trên cao đổ xuống, bọt tung như hoa trắng. Tôi với thằng Cù Lao có một nghìn việc muốn hỏi ông Hội, vì nhiều câu hỏi quá nên không biết hỏi câu gì. Dượng Hương đi trước chốc chốc chỉ cho chúng tôi thấy những dấu vết của giống thú rừng qua lại. Thú rừng bị ngứa cà mình vào các gốc cây và để lại một túm lông. Dượng Hương biết đó là lợn rừng, bò rừng hay gấu...

Chúng tôi lội quanh một con suối, trèo lên một dốc cao có nhiều đồng lá. Đó là những khúc gỗ của ông Hội bị lá rụng phủ kín. Dượng Hương Thư hất lá, cứ trầm trầm chưa bao giờ dượng thấy những cây sơn to đến thế. Muốn đưa được những cây gỗ đó ra sông phải thuê thợ xẻ nhỏ, trâu mới kéo được.

Việc đó cũng không phải dễ. Tính đi tính lại, dưỡng Hương và chú Hai không dám nhận số gỗ ông Hội tặng. Ông Hội cho biết ông còn một số gỗ nhỏ đang nằm ở Thạch Bích. Dưỡng Hương và chú Hai đến đấy mà lấy. Ông Hội đã thanh toán giá cả với ông Ký và thợ rừng ở đó. Ông Hội đang bận nhiều cuộc họp nên không cùng đi với chúng tôi được.

Sáng hôm sau, chúng tôi rời Dùi Chiêng để lên Bình Kiều và Thạch Bích. Từ Dùi Chiêng đi Bình Kiều, núi non hai bên bờ lúc khép lại, lúc mở ra. Càng lên cao, sông càng hẹp lại, chảy xiết giữa những bậc đá chất chồng. Núi Thạch Bích trước mặt hiện ra sừng sững. Dòng sông phóng từ trên cao xuống giữa hai vách đá đồ sộ, thẳng tắp giống như một cống trời cao vút. Vách đá láng bóng không một vết lồi lõm. Tục truyền xưa kia, vị Thượng Ngàn đã dùng gươm thần chặt núi Thạch Bích ra làm đôi. Nếu vậy thì núi lúc đó phải mềm như đất nhão và kỹ thuật chém núi phải thật cao cường. Có vậy mới tạo ra được một chiều đứng ngay thẳng kỳ lạ như vậy. Nước lao vun vút như đàn ngựa phi nước đại. Tiếng nước chảy vang lên như có hàng trăm chiếc cồng cùng đánh một lúc. Dưỡng Hương cho dừng thuyền ở phía dưới Thạch Bích, tìm vào nhà ông Ký. Ông là thợ rừng quê ở Bình Kiều. Ông từng hạ những cây lim to bán cho dưỡng Hương. Số gỗ của ông Hội là loại gỗ sến nhỏ, rất vừa cho việc xây dựng nhà cửa. Ông Ký đưa chúng tôi vào nhà. Nhà ông cách bến nước một cây số, dựng giữa một cái dốc cheo leo như cắm vào lưng chừng núi. Đứng trong nhà nhìn ra thấy mây bay dưới chân lớp lớp. Nhưng chóp núi nhấp nhô trong mây nom giống một đàn trâu đang ngụp lặn. Giữa nhà ông Ký treo một lá cờ đỏ sao vàng rực rỡ. Không ngờ cách mạng cũng lên tận những nơi thâm sơn cùng cốc.

Ông Ký nói:

- Không năm nào ghe thuyền lên đây sớm như năm nay. Vừa lụt xong, các bác đã lên chở gỗ. Có ghe vạn Hòa Phước lên mua dầu rái. Cách mạng thành công, chánh phủ bỏ hết thuế chợ, thuế thuyền. Ai cũng muốn lên xuống thông thương cho sướng!

Dưỡng Hương Thư về ngạc nhiên :

- Nước còn to, ở vịnh Hòa Phước chẳng ai đi đâu cả. Có ai lên trên này đâu! Chúng tôi lên sớm để... kịp việc trường trại. - Dượng Hương Thư vừa sức nhớ: - Chỉ có ghe ông Hoạt không biết đi đâu?

Ông Ký nói gần như reo:

- Phải rồi! Ông đó là ông Hoạt! Ông Hoạt ghé qua đây hôm qua, hỏi mua dầu rái. Ông Hoạt nhiều lần lên đây bán mắm. Mắm ngon lắm!

Vừa nghe đến ông Hoạt, tôi đã chú ý. Thì ra thuyền ông Hoạt lên trên này. Máy hôm trước đây, tôi và thằng Cù Lao đã ra vịnh Hòa Phước bơi tìm thuyền ông Hoạt nhưng không thấy đâu cả.

Tôi vội vàng hỏi:

- Ghe ông Hoạt lên đây hở bác?

- Ừ, ông Hoạt.

Thằng Cù Lao hỏi tiếp:

- Có phải ông Hoạt có búi tóc không bác?

- Ừ, ông đó.

- Ông lên đây lúc nào bác?

- Hôm qua.

- Ông lên một mình hở bác?

- Có vợ có con nữa chớ.

Có tiếng chú Hai dặng hắng. Chú Hai quắc mắt nhìn thằng Cù Lao:

- Mà để các bác nói chuyện! Con nít hỏi lia lịa việc đó làm chi!

Thằng Cù Lao cứ thấp thỏm, cố tìm cách hỏi thêm. Nó đánh bạo:

- Ông Hoạt đi đâu rồi bác?

- Chẳng biết!

Chú Hai lại mắng:

- Im ngay! Mà mày trảm họng người lớn, la mãi không được! - Chú phân trần:-
Con nít vô lễ, làm tui giận hết sức!

Ông Ký giảng giải :

- Trẻ con là vậy. Khi thương ai, chúng hỏi rồi rít. Sau đó lại quên.. Chúng cười đó, khóc đó, vì cái " tính bốn thiện " của chúng đã định được đâu. La mắng làm chi cho mệt !

Từ hôm biết tin thuyền của ông Hoạ đang ở Bình Kiều, tôi và thằng Cù Lao cứ nghi nghi. Dượng Hương cũng không hiểu ông Hoạ lên trên này làm gì, vì chưa đến mùa bán buôn đổi chác. Thằng Cù Lao muốn gặp ngay anh Bốn Linh, muốn về sớm. Ai cũng ngạc nhiên vì trước đó nó muốn ở lại xem ông Hội bắt hổ. Nó còn xin phép dượng Hương cho nó vào rừng xem thử có ai trong đó không. Dượng Hương tưởng nó hóa rồ :

- Có ai ? Có cọp trong đó thì có ! Mà mày muốn cọp xách hả ?

Chú Hai lo thằng Cù Lao bị ma ám. Vì có bị ma ám mới nói lảm nhảm như vậy.

Ông Ký bảo nó bị lạc vía. Khi về nhà phải làm lễ để hù ba hồn bảy vía nó lại. Trẻ con đi rừng chưa biết kiêng kỵ, phạm phải chỗ ăn nằm của chư vị. Chư vị đã hợp mất hồn. Chỉ cúng con gà, cái rồ của nó sẽ bay mất.

Tôi bảo thằng Cù Lao phải tỏ ra không rồ không điên gì cả. Nhưng nó bảo không nên để lộ. Cốt làm sao tin cho anh Bốn Linh biết.

Dượng Hương Thờ chọn gỗ xong thuê trâu kéo ra bến. Đường tuy gần nhưng rất khó đi. Trâu phải kéo từng cây gỗ một. Bắt ách xong, ông Ký quất một roi vào lưng trâu, trâu trườn lên bắt đầu leo dốc. Vừa leo lên dốc lại phải xuống dốc. Dượng Hương và chú Hai theo sau, tay cầm đòn xeo sẵn sàng bẫy gỗ giúp trâu vượt qua chỗ hiểm. Trâu rừng rất khôn, biết mình đang đi trên một vực thẳm. Gỗ rơi xuống vực thì trâu cũng bị rơi tòm. Trâu choãi chân cố bước, không hề thụt lui. Dượng Hương vừa bẫy, vừa xeo, miệng hô " lô, lô lô" động viên cho trâu cố bước.

Gỗ chắt thành đống ở mé sông, khúc nào cũng nặng trĩch, chỉ có đòn xeo mới xeo nổi. Dượng Hương cột gỗ thành bè. Việc cột bè là một nghệ thuật, sau này tôi không thấy sách nào dạy cả. Bè dài, ngắn, cột chặt hay cột lỏng là tùy con nước.

Cột bè xong, dượng Hương điềm tĩnh ngồi hút thuốc. Chợt Dượng đứng dậy nhặt sào, chống bè rời bến. Vẻ mặt lạnh lùng, dượng bước đến trước bè. Chú Hai cầm sào đứng phía sau bè. Tôi và thằng Cù Lao ngồi thuyền lo việc bát và chày. Dượng Hương đã chỉ bảo những điều nhất thiết phải làm khi bè xuống thác.

Ra đến giữa dòng, chiếc bè nhập vào chỗ nước dềnh lên, nhún nhảy, dừng một phút như đang phân vân rồi bắt đầu phóng. Những khúc gỗ nặng trĩch bỗng hóa nhẹ nhàng linh lợi như những phao câu. Dượng Hương hai tay cầm ngang chiếc sào đứng khom khom, cặp mắt dán về trước, như chực đâm một con thú dữ vừa xuất hiện. Chợt chiếc bè rung chuyển toàn bộ. Đôi bè chống lên, mũi bè lút xuống. Dượng Hương và chú Hai như đang ngồi trên nóc nhà. Dượng Hương quay về phía chúng tôi, hét to:

- Chạy mạnh! Nói dây, nói dây!

Thằng Cù Lao chạy mạnh, nói dây buộc thuyền để thuyền tách ra khỏi bè. Thuyền vẫn bị xách lên. Bát chén trong thuyền rơi loảng xoảng. Mít cau của dì Hương lăn ào ào xuống nước. Con thác hung dữ tìm đủ cách để hất bè tung lên. Nước gầm réo, văng bọt tứ tung. Đôi sào của dượng Hương và của chú Hai làm việc tới tấp. Chợt dượng Hương chĩa mũi sào ra đằng trước, quát to:

- Gành đó! Coi chừng!

Phía trước, một mũi đá nhọn hoắt đang hút bè lao tới. Dượng Hương hét xong, mũi sào của dượng đã chạm vào đá nghe một tiếng "roạt" ghê rợn. Chiếc sào bị nống cong lại như cây sung. Mũi bè chỉ còn cách ghềnh đá vài phân, bè bị hai chiếc sào cản lại, quay vòng như lúng túng không hiểu sao mình chưa vỡ tan ra từng mảnh. Bè lại tiếp tục trôi xuôi. Cặp sào của dượng

Hương và của chú Hai cứ rút lên thả xuống rầm rập, khi nống bên này, khi đỡ bên kia lia lịa. Chợt thằng Cù Lao nổi kêu to:

- Ai như ông Hoạ kia kìa!

Nó vừa kêu vừa chỉ tay vào một vòm lá ngả trên sông. Chỗ đó tối om, tôi thấy có một chiếc thuyền. Thằng Cù Lao kêu toáng lên mấy lần nữa. Chú Hai quắc mắt quát âm:

- Mặc người ta! Gọi ông Hoạ làm chi? Tao nện cho một sào bây giờ!

Dượng Hương cũng quát:

- Lo mà cạy! Không khéo bể ghe đó!

Chiếc bè cứ lao về phía trước. Dòng thác như một dây cũng đang bắn bật mũi tên. Mũi tên đó là chiếc bè.

Xuống đến Trung Phước, bè thôi không phóng nước đại nữa. Trời về chiều. Bị ngấm nước lâu, ai nấy cũng rét run cầm cập. Dượng Hương cho dừng bè lại, đợi sáng hôm sau, lúc sương tan, bè tiếp tục xuôi về Phường Rạnh.

Qua khỏi ghềnh Ngô, sông Thu Bồn bỗng như tỉnh táo hẳn lại. Đồi bờ rộng ra, mặt sông trở nên êm ả. Chú Hai thở phào:

- Nam mô Phật!

Dượng Hương thả rơi cây sào trên bè:

- Lên thác xuống ghềnh là vậy đó!

Chiếc bè trở lại chậm chạp, trôi nặng nề như đang buồn ngủ. Tôi và thằng Cù Lao cố chống nhưng nó chẳng nhích nhanh hơn.

Đến quá nửa chiều, vạn Hòa Phước hiện ra đặng ra. Dượng Hương Thự lái bè vào bến. Bọn trẻ thả trâu ăn trên bãi vừa nhìn thấy bè đã chạy ùa ra mé sông gọi kêu âm ỉ. Bè vừa cập bến, chúng tôi chạy gấp về nhà gặp anh Bốn, báo cho anh biết thuyền ông Hoạ đang trốn tránh ở Thạch Bích. Anh Bốn ngồi nghe, cặp mắt chớp chớp, vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ. Anh Bốn không hiểu vì sao chúng tôi lại biết được chuyện phán Ninh làm mật thám.

Chúng tôi thú thật chuyện được nghe lỏm tối hôm nọ. Anh Bốn bỏ qua, dặn đi dặn lại phải giữ bí mật. Anh suy nghĩ hồi lâu, hỏi đi hỏi lại không biết mấy lần. Hỏi xong anh Bốn vội vã ra bến gặp chú Hai và dựng Hương Thư. Anh hỏi chuyến đi của họ có mệt nhọc lắm không. Dựng Hương trả lời chẳng có tý gì mệt nhọc cả. Anh Bốn mời dựng Hương Thư và chú Hai về nhà để bàn một việc gấp. Tôi đoán biết anh Bốn đã bàn việc gì. Ngay sau đó anh Bốn lên huyện. Sáng hôm sau anh về nhà, cùng đi theo có hai người mang súng ống. Dựng Hương Thư lại nhờ sào vội vã đi nguồn một chuyến nữa.

Thầy Lê Hảo và chú Năm Mùi được cử vào ban đốc công xây dựng trường mới. Tôi và thằng Cù Lao được chỉ định giúp việc kéo gỗ từ bến Hòa Phước vào chòm đa Lý. Trực tiếp lo việc kéo gỗ là trâu Bình. Công việc kéo gỗ hoàn toàn mới đối với nó. Nó rảo bước không cần roi vọt chửi mắng gì cả. Tôi và thằng Cù Lao bắt chước các bác thợ rừng cầm sào xeo gỗ, luôn mồm lô, lô! Chúng tôi lướt qua trước mắt mọi người, lòng đầy tự hào thấy mình đang lo kiến thiết một xã hội mới.

Chuyển gỗ xong, tôi và thằng Cù Lao giúp gánh đất đắp nền trường. Trường xây chỗ cao, mặt trước xây về hướng đông đón gió nồm từ bể thổi đến. Các bác thợ cửa đã đến, Họ đóng nọc, dựng ngược những khúc gỗ lên, dùng cửa to xẻ gỗ thành kèo, thành trính. Bột cửa gỗ sến màu vàng nhạt, gỗ mít nài màu trắng, gió hất tung bay, mùi thơm thoang thoang. Chòm đa Lý bỗng rộn lên tiếng đục tiếng cửa, hòa lẫn với tiếng cười, tiếng chim hót. Thầy Lê Hảo làm đốc công cho phép mọi người canh trưa được nghỉ một giờ. Ăn trưa xong, tôi và thằng Cù Lao nằm khểnh dưới bóng mát. Một lúc sau, chúng tôi nhóm dậy chạy đi đánh mõ để công nhân công trường chòm đa Lý trở lại làm việc. Chị Bốn, chị Ba thức dậy sớm hơn mọi ngày. Tổ phụ nữ tỏ ra vô cùng tích cực. Hai chị chạy gọi các chị trong xóm cùng vào chòm đa Lý đắp nền trường, gánh vôi, gánh gạch. Chỉ có việc dỡ gạch ở miếu thờ quý Bạch Thổ và quý Năm Nanh là chưa làm được. Miếu đã sập vì gió mưa, gạch đổ ngổn ngang dưới cây đa lớn. Ông Kiềm Lài được chú Năm Mùi phân công đến nhặt những gạch tốt, sắp lại thành đồng dùng để dựng

trường. Nhưng ông Kiềm cứ chần chừ. Cho đến hôm ngói ở Thanh Hà đã chở về, chú Năm phải đến giục ông Kiềm...

Ông Kiềm đang nằm quần chiếu, vừa thấy chú Năm, ông Kiềm đã ngồi dậy nói ú ớ:

- Mô Phật, mô Phật! Tôi nằm chiêm bao thấy bà Bạch Thổ với bà Năm Nanh hiện lên. Hai bà nhe nanh, xòe vuốt, chỉ vào mặt tôi:" Mày đó hả? Mày định đến lấy gạch của tao đó hả? Tao vật cổ cho mà biết!". Mô Phật! Từ hôm đó đến nay hồn vía tôi lên mây. Tôi chẳng dám làm chi nữa...

Chú Năm hỏi:

- Có phải hai bà tóc dài chấm đất, bà nào cũng có nanh, có vuốt, mặc áo trắng tinh phải không? Giữa khuya hai bà cũng hiện lên chỗ tôi nằm. Hai bà bảo tôi phải đến lấy hết gạch ở miếu đồ của bà, phải quét dọn sạch sẽ vì chồn chuột chui rúc phóng uế bậy bạ, hai bà không chịu nổi. Tôi đang phân vân thì hai bà liền bỏ nhỏ, ông a ông ọ bảo tôi phải giúp bà. Tôi với bọn thằng Cục thằng Cù Lao đã đến xếp gạch thành một đồng vuông vức. Tôi nghe càng khỏe ra, chẳng ai vạ hòng vạ cổ chi cả.

Ông Kiềm Lài mở to mắt nhìn chú Năm, xem bộ chưa tin. Chú Năm quả quyết:

- Nếu ông chưa tin thì cứ vào chòm đa Lý mà coi, coi thử tôi có nói láo không! Gạch đã dỡ ra, xếp lại rồi. Nay ông vào để chuyển gạch cho thợ...

Chú Năm bảo bà Kiềm Lài phải nấu ngay cho ông ông Kiềm một nồi cháo hành, ông ăn cho nóng. Và ăn xong ông phải vào ngay chỗ chòm đa Lý, vì các bác thợ vôi ở trong đó đang đợi.

Ông Kiềm đứng dậy, vôi vãi xách nón đi ngay vào chòm đa Lý gặp các bác thợ vôi.

Anh Bốn Linh và hai anh cán bộ đi suốt hơn tuần lễ vẫn chưa thấy về. Ở nhà ai cũng trông đợi. Tôi tưởng phen này anh Bốn về nhất định sẽ mang theo phán Ninh chân tay bị trói chặt.

Một hôm ở chòm đa Lý về, tôi thấy anh Bốn Linh nằm khoèo trên giường, ngáy giòn tan. Anh ngủ suốt ngày hôm sau, khi thức dậy về người phờ phạc. Tôi đoán là anh Bốn Linh không bắt được phán Ninh và mọi việc đã bị thất bại. Buổi tối, anh gọi thằng Cù Lao đến bên cạnh, nói cho nó biết là các đồng chí trinh sát gửi lời thăm nó, công nhận nó có tinh thần cảnh giác, biết giúp chính quyền bắt được tên phản bội. Và như vậy, đoàn thể xem nó như đã được kết nạp vào đội Thiếu niên công tác. Việc này chưa thể công bố với mọi người, vì tình hình đang rất gay go, mọi việc đều phải tạm rút vào bí mật. Thằng Cù Lao và tôi chỉ cần biết một điều. Đó là phải làm nhiều công tác, công tác đưa nào đưa ấy biết, không cần bàn tán lời thôi. Đã có chú Năm Mùi phụ trách, phân phối mọi nhiệm vụ. Nói xong, anh đưa ra một xấp ka - ki màu xanh láng mượt, bảo là các đồng chí cấp trên có hỏi về gia đình nó, gửi tặng nó bốn thước vải. Anh nhìn sang phía tôi:

- Còn may, độ rày có chút ít tiến bộ, cấp trên gửi cho một cái hộp gỗ.

Sự việc quá đột ngột, làm tôi và thằng Cù Lao bàng hoàng. Tôi hỏi lại anh Bốn Linh làm thế nào bắt được phán Ninh. Giọng anh Bốn Linh đành lại:

- Ban ngày, phán Ninh vào ở trong rừng, khó khăn lắm!

- Nó đâu rồi?

- Đưa về cho các đồng chí trinh sát ở tỉnh. Đem về đây sao được?

Anh Bốn Linh dặn chúng tôi phải giữ bí mật, nhất là những đồ vật được cấp trên gửi tặng, không được rỉ hơi ai biết. Ở trên còn đang tiến hành điều tra những manh mối khác.

Chương 12

Anh Sáu công tác ở Đà Nẵng về thăm nhà, cũng để bàn với anh Bốn Linh một vài việc. Trước tình hình Pháp muốn quay lại, cấp trên thấy cần xây dựng được cho Đà Nẵng một xưởng công binh. Xưởng sẽ đưa về Mỹ Lược. Mỹ Lược ở ngã tư sông, tất cả ngô nguồn đều dồn về đấy. Nếu chiến sự Đà Nẵng có xảy ra, Mỹ Lược vẫn là nơi rất tiện cho việc vận chuyển đường sông và tiếp tế vũ khí cho mặt trận. Mọi việc đã chuẩn bị, chỉ còn khâu quản lý, đang cần có người tin cậy.

Anh Sáu nhờ anh Bốn Linh tìm thuyền, lo mọi việc chuyên chở. Anh Sáu trao đổi với chú Hai nên nhận một công tác trong công binh xưởng. Việc học hành của thằng Cù Lao, anh Sáu sẽ đảm nhận.

Lúc đầu chú Hai còn phân vân vì chú thích được nhận một công tác ngay ở địa phương. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại thấy làm ở một công binh xưởng, dù lo việc vận chuyển, cũng có một cái gì vinh quang, vì đó là công tác quân sự. Nhưng điều làm cho chú Hai vui nhất là thằng Cù Lao được đi theo anh Sáu để anh rèn luyện cho nó nên người, trước tiên là trị cái thói... tự do quá trớn của nó.

Chú Hai nhận công tác ở xưởng công binh và thằng Cù Lao về ở Đà Nẵng. Không ngờ sự đời lại đổi thay đột ngột như vậy. Thằng Cù Lao sẽ từ giã Hòa Phước. Tôi với nó sẽ xa nhau. Tôi cứ yên trí tôi với nó mãi mãi cùng nhau chẵn trâu, cùng nhau chơi vật, cùng tắm mát trên sông Thu Bồn, cùng học một trường ở chòm đa Lý. Sau này cùng vào bộ đội, cùng chiến đấu ở một mặt trận. Tôi nói gì, thằng Cù Lao cũng cho là phải. Thằng Cù Lao nói gì tôi cũng thấy là hay. Không ngờ nó lại xa tôi. Lúc này tôi mới cảm thấy thằng Cù Lao rất cần cho tôi. Tôi chẳng có gì làm quà cho nó. Nó cũng chẳng có gì tặng tôi. Thằng Cù Lao sẽ xuôi thuyền đến phố Hội An, sau đó lên ô tô đi Đà Nẵng. Anh Bốn đi họp hội nghị nuôi quân ở Hội An sẽ cùng đi với chú Hai. Tôi cũng được đi tiễn thằng Cù Lao, đi đò xuôi cho tới phố.

Mặt trời gác núi. Một ông trăng tròn rười rọi bay lên đậu trên chòm tre làng. Chúng tôi ăn xong cùng ra bến Hòa Phước. Bà Phương chuyên đưa khách đi Hội An chờ sẵn. Bà nhận cái gói của chú Hai và cái túi dết của tôi cất vào khoang, đón chúng tôi lên thuyền.

Thuyền nhỏ sào. Gió thổi hiu hiu. Bà Phương suốt đời lên xuống sông Thu Bồn, thuộc lòng từng bến nước. Khi thuyền qua mỗi khúc sông, bà lại nhắc:

- Văn Ly kia! Đa Hòa kia rồi! Gái ơi! Gọi đò đi con!

Chị Gái, con bà Phương, đang chèo đặng lái gọi lên vang vọng:

- Ai... có... xuôi đò...ò không?

Có tiếng trả lời từ trong bờ:

- Ghé vô đây!

- Có thiệt... không?

- Sao không thiệt? Ai gọi chơi làm... chi?

Thuyền bà Phương quay mũi vào bờ. Chiếc cầu ván trên thuyền được đẩy xuống mé nước để khách bước lên. Thuyền lại quay ra sông. Mái chèo của chị Gái lại đập nước hất lên những mảnh bạc loang loáng lướt vội bên thuyền.

Có khách nằm trong khoang nhắc:

- Đi đò xuôi muốn nghe câu hát. Mời hát lên cho vui.

Bà Phương ở đặng sau lái giục:

- Hát lên đi con!

Điệu hát chèo thuyền của chị Gái vang lên. Tôi nghe như có cơn gió chiều thổi nhẹ nhẹ qua cánh đồng rồi vút bay cao. Đôi cánh thần tiên như nâng tôi bay lơ lửng, đưa đến những bến bờ xa lạ. Trước mắt tôi vừa hiện ra con sông giống như sông Thu Bồn từ ngang trời chảy lại. Đẳng chân trời, có vô số cánh buồm như cánh bướm trắng tôi từng gặp trong giấc mơ. Hai bên bờ

trái rộng ngàn dâu xanh, lúc lấp lánh trong sương mai, lúc hắt hiu trong mưa thu gió thổi. Chị Gái đã dứt câu hò, tôi vẫn còn nghe nao nao.

Tất cả khách trong thuyền reo lên:

- Cha mẹ ơi! Hay chi hay quá! Mời hát nữa đi.

Chợt từ một chiếc thuyền xuôi bên cạnh, vang lên giọng hò của một chị khác, réo rất không kém. Nội dung câu hát trách thuyền chị Gái sao nỡ chệ thuyền bạn, không biết đón gió bẻ khơi, vừa mới đến các phố phường đã nỡ quên bến cũ. Chị Gái trả lời là thuyền bạn chớ có lầm. Cảnh vật trên sông luôn luôn nhắc nhở... Khi thấy bãi dâu bạt ngàn của sáu châu Quảng Huế, khi thấy bãi ngô Giao Thủy trở cờ, thấy khói của lò vôi Thanh Hà tỏa ra mù mịt, thấy lụa tơ của Thi Lai óng vàng phấp phới, khi nghe tiếng khung cửi Phú Bông rầm rập, nức mùi hương, về Hội An ăn bát cao lầu béo ngậy, tất cả đều nhắc nhở ta nhớ đến thuyền bạn. Nếu bạn chưa tin hãy hỏi ông trăng kia thì biết.

Thuyền bên kia đáp lại:

- Ta đã hỏi ông trăng rồi, hỏi ông trăng trên trời và cả ông trăng dưới nước. Tất cả bảo rằng mối tình giữa thuyền bạn với thuyền ta chưa hề phai nhạt. Như vậy dâu bòn lon ở nguồn cuối sông Con hóa cay, khoai Trà Đò hóa đắng, cao lầu hóa khét, trầu cau hóa nhạt, cây mai vàng trở bông tím, cây bầu, cây bí trở hoa nâu, núi Thạch Bích biến thành biển, cửa Đại Chiêm biến thành gò, bên tả bên hữu Hòn Quắp, Núi Chúa bị lấp xuống biển, dâu tơ tằm bị đứt đoạn, lụa tơ bị đứt nát, ta vẫn chẳng quên nhau!

Tôi thúc vào vai thằng Cù Lao hỏi:

- Cù Lao nghe chưa?

Thằng Cù Lao nói trong hơi thở:

- Nghe rồi. Không quên nhau đâu! Mình không thích ở Đà Nẵng đâu. Hay Cục ra Đà Nẵng với mình!

Vài hạt mưa rơi lộp độp. Tôi và thằng Cù Lao vào trong khoang. Thuyền có gió, lắc lư như một chiếc võng.

Tôi chớp mắt lúc nào không biết.

Khi thức dậy nhìn ra thấy nhà ngói từng hàng bày ra trước mắt.

- Tới phố rồi đó. Mời dậy đi ăn cao lầu. - Tiếng bà Phương giục.

Anh Bốn Linh đưa chúng tôi qua những đường phố có những hiệu buôn chen chúc. Chúng tôi ghé vào quán ăn món cao lầu béo ngậy, đi ngang qua Chùa Cầu có bốn con khỉ đu bám vôi ngời bốn góc giống như những con chó, rồi lên bến ô tô đi Đà Nẵng.

Chú Hai Quân và thằng Cù Lao lên xe. Xe mở máy. Xe chạy đến chỗ con đường cong. Xe bị lấp sau mấy cây gạo! Tôi nhìn theo thằng Cù Lao một chập lâu mới quay lại.

Phần 2

Phần 1 - Chương 1

Thằng Cù Lao theo anh Sáu ra ở ngoài Đà Nẵng để học tập. Nhưng Đà Nẵng lại không yên. Hết bọn lính của Tưởng Giới Thạch đến đóng, lại đến lính Pháp đến kiểm soát việc rút lui của quân đội Nhật. Chúng có nhiều âm mưu đen tối. Anh Sáu phải cho thằng Cù Lao về lại Hòa Phước ở với anh Bốn Linh để tiếp tục việc học tập. Chú Năm Mùi gặp nó cười hì hì:

- Về đó hả? Hay lắm! Đang cần có chú!

Chú Năm Mùi nhìn sang phía tôi:

- Cả thằng Cục nữa, cũng đang cần mày. Cách mạng đổi đời, chúng mày thăng chức mau đã dữ! Trước đây là chăn trâu, sau được thăng chức làm học trò. Sẽ được thăng làm thầy! Sống chưa!

Trước đây bốn tháng, tôi chăn con trâu Bính. Mọi người gọi tôi bằng thằng, thằng Cục. Sau đó, tôi được đi học, mọi người gọi tôi bằng trò, trò Nguyễn Văn Cục. Nay lại được làm thầy, thầy Nguyễn Văn Cục! Tôi ngờ ngợ, không tin ở lỗ tai mình. Tôi hỏi chú Năm Mùi:

- Thầy chi chú ?

Chú Năm Mùi nói lơ lửng :

- Thầy, chớ còn thầy chi nữa ! Thôi biết vậy cái đã . Tao đang búi xồm xồm ! Còn phải đi học, còn phải xuống lò rèn, còn phải lên xã... đi cái đã...

Nói xong, chú Năm Mùi vội vàng rút cái xắc quàng lên vai, quày quả bước ra ngõ.

Thằng Cù Lao cũng không tin mình có thể tiến bộ một cách vượt bậc như vậy. Ở ngoài hải đảo nó đi bắt cá. Mọi người gọi nó bằng thằng. Về làng nó được đi học. Mọi người gọi nó bằng trò, trò Cù Lao. Nay được làm thầy ! Tôi và thằng Cù Lao không dám nghĩ được làm thầy dạy học, một vinh dự

quá lớn ! Muốn được làm thầy dạy học, phải hiểu nhiều biết rộng, đi đứng phải nghiêm trang. Thằng Cù Lao hỏi tôi :

- Không biết bọn mình làm thầy chi ? Ở ngoài cù lao Chàm cũng có người làm thầy. Ông lang làm cao đơn hoàn tán được gọi bằng thầy...

Tôi cố nhớ những người làm thầy :

- Ở đây cũng có nhiều thầy. Thầy bói xem quẻ biết được tiền của, vợ con, công danh, tôi tớ thế nào. Thầy tướng xem mặt mũi biết được người nói láo hay không nói láo. Thầy cúng đuổi được ma quỷ. Thầy đồng làm vong hồn người chết được nhập cốt. Nhưng tất cả đều láo toét ! Ủy ban sẽ cấm hết, cả mấy ông thầy kiện hay đâm thọc cũng phải bỏ nghề. Chúng ta không làm những thầy đó !

Tôi chợt nhớ đến mấy ông thầy chùa vẫn còn tụng kinh gõ mõ. Các ông thầy chùa phải bị cạo trọc. Nhớ đến cái đầu trọc là tôi hoảng kinh. Chính con dao cạo của ông Bảy Hóa đã gây cho tôi biết bao đau khổ ! Ông Bảy Hóa có cái thú được cạo trọc đầu người khác, hoặc ông không thích người ta có tóc. Thình thoảng, ông đi ngang qua nhà tôi, nói thật to, cốt để mẹ và chị Ba tôi nghe rõ :

- Ơ kìa ! Cái tóc của thằng Cục tốt như rừng rậm kìa !

Mẹ và chị Ba cũng kêu lên :

- Tóc mày tốt rồi đó , để ông Bảy cạo đi !

Tôi vùng vằng :

- Không cạo đâu !

Ông Bảy Hóa cười khếch khếch :

- Có cạo thì tốt cho mày chớ có tốt cho tao đâu. Để vậy cũng được ! Nhưng cái gương đây, soi thử coi.

Ông Bảy Hóa móc trong hầu bao ra một cái gương tí xíu chìa cho tôi. Tôi soi gương. Tóc của tôi có dài, nhưng chưa dài lắm. Tôi tản đi nơi khác, giả vờ bạn đưa trâu Bình ra sông uống nước.

Lần sau gặp tôi, ông kêu to hơn :

- Tóc mày búi được rồi đó ! Búi lên một cục như đứa con gái ! Cạo hay không cạo kệ mày . Nhưng cái gương đây cho mày soi thử, coi !

Cái gương chỉ thẳng tôi thấy tóc đã phủ xuống cổ. Tóc dài nom kỳ quá ! Tôi đành ngồi xuống. Ông Bảy Hóa cười hì hì, lấy nước vỗ vào đầu tôi. Ông rút con dao cạo trong bao, liếc liếc vài cái vào ống quần rồi bắt đầu cạo. Mỗi nhát dao cạo làm tôi cứ tưởng mỗi miếng da đầu của tôi bị lóc. Xót quá, tôi co rúm người lại.

Ông Bảy ngừng tay :

- Thằng nhát như cáy !

Tôi nghiêng răng, ngồi yên. Nhưng xót quá, tôi đẩy tay ông Bảy ra, đứng dậy. Ông Bảy cười to nắm chắc phần thắng :

- Mặc kệ mày ! Để vậy cũng được ! Tao cũng chẳng muốn cạo nữa đâu. - Ông vừa nói vừa xếp con dao cạo.

Tôi lấy gương dòm vào. Còn lại một mảng tóc ở ngay bên tai, nom kỳ quặc quá ! Tôi đành ngồi lại để ông Bảy cạo nốt. Cái đầu tôi trắng hếu.

Sau ngày cướp chính quyền, một hôm, chị Ba tôi nói với mẹ :

- Thằng Cục cạo trọc, thấy nó hóa dữ . Cách mạng lên rồi. Phải đi cúp tóc để ngó cho văn minh mới được !

Tôi được đến hiệu để cắt tóc. Thằng Cù Lao bảo nó cũng được cách mạng giải phóng, khỏi bị cạo trọc đầu. Khi cạo trọc xong, nó xuống biển tắm. Nước mặn dưới biển ngấm vào nghe xót như cắt.

Tôi và thằng Cù Lao đến nhà chú Năm Mùi để hỏi thăm về việc làm thầy. Nhưng anh Bốn Linh và thầy Lê Hảo đã ngồi ở đó. Chú Năm Mùi tiếp tục câu chuyện đang trao đổi:

- Anh Bốn là chỉ huy tự vệ. Đã là quân sự thì phải lo dẹp cho hết các thứ giặc. Nay Cụ Hồ chỉ cho dân thấy có ba thứ giặc: giặc dốt, giặc đói, giặc xâm lăng. Giặc xâm lăng chiếm nước ta tám mươi năm, giặc đói cũng vậy.

Riêng giặc dốt chiếm nước ta đã nghìn năm. Vua chúa ngày trước đều bó tay, nay cách mạng về mới dám cử đại binh để tiêu diệt.

Thầy Lê Hảo gật gù:

- Chí lý! Chí lý!

Anh Bốn Linh hỏi:

- Vậy đánh đâu trước? Đánh thế nào đây?

Chú Năm Mùi quả quyết:

- Đánh hết và đánh mạnh! Ở đất này mọi người đều dốt đặc, nhưng lại làm biếng nổi trời.

Làm biếng kiếm chuyện nói quanh. Bà Bảy Đá hỏi tôi: Học để làm chi? Chữ nghĩa không làm no bụng. Lắm người, dạ đầy chữ, bụng lại đói meo. Chỉ có tiền! Tiền mới làm no bụng. Tiền là ông chủ, có tiền mới sai khiến được thiên hạ. Bà nói tiền là cái địa bàn, hết tiền là mất phương hướng. Ông Kiểm Lại lại nói khác. Cái gì cũng không qua cái số. Được cái số thì không học cũng giỏi. Không được cái số thì học mấy cũng u mê. Thánh nhân giỏi từ trong bụng mẹ. Cái số ông dốt, ông đành chịu dốt.

Anh Bốn Linh tiếp theo:

- Chín người mười cuống họng!

Ông Nguyễn dạy thể võ cho đội tự vệ lại nói: Đã là thầy thì cái chi cũng phải hơn trò. Thầy dạy cho ông học phải giỏi võ, vì ông Nguyễn giỏi võ. Văn võ kiêm toàn mới làm thầy ông được. Thầy dạy lớp bình dân ở thôn ông chỉ là thằng con nít. Như vậy chướng quá, ông không thềm học!

Mọi người cười hà hà. Thầy Lê Hảo cắt nghĩa:

- Cũng vì ta chưa nói cho bà con nghe rõ sự lý. Phải khai thông cái "trí" thì tai nghe mới thuận. Nghĩ vậy, tôi có làm bài thơ, nói sự lý đó.

Thầy Lê Hảo đã xuất khẩu là thành thơ. Thầy nói đọc ê a : " Nay Cách mạng thành công, sông núi xuất anh hùng, giang sơn liền một mối. Ông

thiên lý xa soi nghìn dặm, muôn trí khôn dồn lại một bầu. Vậy nên già trẻ nghèo giàu, ai cũng phải diệt loài giặc dốt"!

Chú Năm Mùi và anh Bốn Linh đề chép miệng khen hay. Chỉ có câu "Muôn trí khôn dồn lại một bầu", nghe chưa sướng. Vì khi cách mạng đã thành công, phải để trí khôn tỏa ra, không nên bắt trí khôn dồn lại.

Anh Sáu đã giảng giải: nước ta trước đây là một nhà tù lớn. Mọi người đều bị giam hãm trong dốt nát, trong áp bức, trong nghèo nàn, trong mê tín dị đoan. Nay cách mạng đã về, cách mạng phải mở rộng ra, phải giải phóng, không nên dồn lại. Anh Bốn xin bỏ câu "Muôn trí khôn dồn lại một bầu" và thế vào bằng câu "Mang trí khôn mở rộng cuộc đời", thay chữ "dồn" bằng chữ "mở".

Chú Năm Mùi, cả thầy Lê Hảo đều gật gù khen chữ "mở" đã làm cho bài thơ càng tuyệt diệu.

Anh Bốn Linh ra dáng suy nghĩ:

- Nhưng còn thầy dạy, lấy đâu cho đủ?

Chú Năm Mùi như đã sắp xếp từ trước:

- Thầy giỏi đã có anh Bảy Hoàn. Anh có cả một thùng sách. Thầy xóm dưới đã có thằng Tân, nó là đội viên, vừa siêng năng vừa thông thái...

Chú Năm Mùi nhìn về phía tôi và thằng Cù Lao:

- Ta đã sẵn hai chiến sỹ diệt dốt kia. Chú Cù Lao học đã thành tài, nay sung vào đội quân diệt dốt là đúng! Chú Cục kia nữa, đã tốt nghiệp lớp ba tháng. Hai chú đều văn hay chữ tốt. Địa lý, lịch sử, cái chi cũng đều giỏi cả. Nay được thăng làm thầy là phải.

Anh Bốn Linh nhìn thẳng vào tôi và thằng Cù Lao:

- Đánh giặc ngoại xâm thì chưa đến tuổi tòng quân. Đánh giặc đói thì cầm cày chưa vững. Đưa đi đánh giặc dốt là đúng lập trường!

Chú Năm Mùi như sực nhớ một việc quan trọng:

- Còn như bà Hiến, ban đêm cứ thấy một bóng đèn thành hai bóng đèn, đến lớp không được. Hoặc ông Bốn Rị ban đêm phải làm thịt chó. Phải có thầy đến dạy tại nhà, làm vậy mới diệt được hết ổ giặc.

Anh Bốn Linh kêu lên:

- Phải! Rất phải! Tôi cứ quên Bà Hiến suốt đời đói khổ, ông Bốn Rị cực chẳng đã mới bán thịt chó. Chú Năm nói phải! Cách mạng phải nhớ đến họ... Ta phải cử thầy đến dạy...

Anh Bốn Linh nói xong vội vã cùng thầy Lê Hào ra về. Chú Năm Mùi ngồi lại phân công ngay cho thằng Cù Lao ban ngày phải đến dạy bà Hiến học, còn tôi ban ngày phải đến dạy ông Bốn Rị học. Vừa nghe chú Năm phân công tôi phải dạy ông Bốn Rị, tôi giật nảy:

- Ối! Cái ông Bốn Rị...

- Ông Bốn Rị, thì sao?

- Người ta cười tôi đó! Tôi đi dạy một lão bán thịt chó!

Tôi khịt mạnh:

- Lão nghe hôi lắm!

Chú Năm Mùi nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Lạ hè! Tao ngồi gần ông, tao chẳng nghe có hôi hám chi cả, nghe thơm là khác. Mà đến bên ông hít hút vài cái thử coi. Người ta tưởng bậy đó thôi. Mà đã là chiến sỹ diệt dốt. Đã là chiến sỹ thì dù giặc dữ cũng phải xông vào, sợ chi cái hôi hám!

Tôi đang phân vân, chợt thằng Cù Lao cười nói:

- Cục không quen mùi thịt chó, cứ để ông Bốn Rị tôi lo. Còn Cục lo cho bà Hiến.

Tôi thở phào.

Chương 2

Vùng tôi trước đây không ai thèm ăn thịt chó, không phải vì có nhiều thịt. Không ăn thịt chó vì một thành kiến, thành kiến đó sau ngày Tổng khởi nghĩa còn khá nặng nề. Người ta có thể ăn thịt rắn, thịt chuột, thịt cóc, ăn cả những gì dạ dày không cho phép, cũng chẳng ai dị nghị gì cả. Nhưng nếu ăn thịt chó thì, ôi thôi, tất cả uy tín đều tiêu tan! Người đó bị xem là đưa phạm ăn. Mọi người đều tin thịt chó là loại thịt ô uế. Thịt chó vào bụng sẽ làm mất hết cái tinh khiết của con người. Nguy hại nhất là lúc chết! Người ăn thịt cho khi chết phải xuống địa ngục, phải qua mười cửa điện Diêm Vương, phải chịu những nhục hình ghê rợn. Chỉ một lát thịt cho trôi vào bụng thì cửa ngõ chốn âm ty đã sẵn sàng chờ đón, dù lòng từ bi của Phật tổ có rộng như biển cũng không phương cứu xét. Có người thoáng nghe mùi thịt chó đã nổi nôn ọe, cơm canh đã nuốt vào bụng đều tuôn ra hết. Những người như vậy được xem như có cốt tiên cốt Phật, sau này chết đi sẽ được lên ở cõi thần tiên vô cùng sung sướng.

Làng tôi trước kia có ông Bốn Rị làm nghề bán thịt chó, ông ăn thịt chó, lại còn giết chó lấy thịt đem đi bán. Lũ chó bị ông giết biến thành ma chó quay lại báo thù.

Ông Bốn sống thui thui một mình. Mọi người tin ở ông toát ra một mùi thịt chó rất lợm. Tôi và lũ chăn trâu trong làng khi gặp ông Bốn Rị liền tránh xa ra một bên. Khi ông vừa đi qua, chúng tôi ù té bỏ chạy, vừa chạy vừa khạc nhổ: Ôi! Hôi lắm! Hôi lắm!

Bọn chó đánh mùi ông Bốn Rị rất giỏi, ông vừa đến đầu làng, chó giữa làng đã nổi sủa. Ông đến giữa làng, cho cuối làng nổi sủa. Tiếng chó sủa dấy lên từ xóm này sang xóm khác. Chúng tru tréo, gào thét, cố khạc cho hết mật đắng vào người ông. Từ những con chó chỉ biết yêu thương, chỉ biết trả lại những gậy suýt chết bằng những cái ngoắc đuôi đầy tình nghĩa, cho đến những con chó siêng năng suốt ngày đêm để lo giữ trộm, hễ nghe tầm ông

Bốn đều nhảy xổ ra sữa. Từ những chó già gầy guộc, rụng lông, giờ xương, cả rận và bọ chét cũng không thềm ở chung với chúng, cho đến những con chó tròn trĩnh, béo tốt, khi đánh hơi có ông Bốn đều nổi giận, nhảy xổ qua rào, vừa phóng vừa sữa. Những con chó sữa không đâu, những con chó biết giấu kín sự căm giận, biết nép mình trong xó bụi để căn trộm tất cả, khi đánh hơi biết có ông Bốn Rị đều vụt chạy, sữa toáng lên như bị gậy nện vào đít. Con Mốc nhà bác Úc biết ngủ có chỗ, biết sữa có lúc, bác Úc thường nói: "Con Mốc nhà tao đã sữa thì nhất định có trộm", khôn ngoan đến vậy, khi nghe có ông Bốn Rị cũng hóa điên, phóng cả vào cọc, ngã lăn kèn, ra sức chạy để sữa. Con Mun nhà ông Kiếm Lài, suốt ngày sục sạo tìm kiếm, khi nghe tăm hơi ông Bốn đều vứt hết, phóng qua bờ tre gai, đuổi cho kỳ được ông Bốn. Con Vá nhà bà Hiến, chăm đuổi gà, không gây sự, khi có chó lớn chạy đến, nó ngoắc đuôi nằm rạp len lén bỏ đi, khi có ông Bốn bỗng hóa mãnh liệt, chân choãi về trước, đuôi kẹp vào chân sau, gào rống. Tất cả rượt đến, vây quanh ông Bốn, như muốn ngoạm cổ, xé xác ông ra mới hả dạ. Chúng nhảy tới, thụt lui, lờng lộn tru tréo làm náo động cả làng. Ai cũng lâu bầu:

- Lại ông Bốn Rị bán thịt chó!

Bọn trẻ con đang chăn trâu ngoài bãi cũng vụt chạy:

- Lão Bốn Rị bay ơi! Mau đến coi!

Tôi gọi thằng Cù Lao cùng thả trâu vụt chạy. Tất cả vừa chạy vừa nhặt đất. Chúng tôi nép vào một bụi kín. Ông Bốn từ xa tiến đến, tay cầm một roi tre, tay xách một rổ thịt chó. Ông bước thùng thỉnh, vẻ im lìm như một bóng ma. Tôi với mấy thằng mất dạy tung đất. Đất rơi ào ào. Ông thét to:

- Ối, ối! Bể đầu tao rồi, chúng bay ơi!

Tôi và lũ trẻ bỏ chạy. Tôi chạy đến nép sau cây duối đứng nhìn lại. Ông Bốn vứt rổ, ngồi bệt xuống đất, hai tay ôm lấy trán. Thằng Cù Lao chạy lại bên ông. Nó đang nói gì với ông. Nó cúi nhìn vào trán, vào mặt của ông, lấy tay phui phui. Tôi gọi to:

- Cù Lao ơi!

Nhưng thằng Cù Lao đã cúi xuống xách rổ thịt. Nó cùng ông Bốn đi về một phía.

Theo sự phân công của chú Năm Mùi, tôi dạy cho bà Hiến là chính, thằng Cù Lao dạy cho ông Bốn Rị là chính, nhưng hai đứa phải giúp nhau.

Ai cũng biết tôi và thằng Cù Lao sẽ đi dạy học, sẽ làm chiến sỹ diệt dốt. Chị Ba, anh Bốn gặp chúng tôi đều có lời khuyên bảo, nhất là chị Ba. Chị dạy:

- Em của chị đã làm cán bộ rồi đó! Không còn là con nít nữa đâu. Từ nay đi đứng phải nghiêm trang, nói năng phải từ tốn. Chưa nói đã cười, chưa đi đã chạy là không làm thầy được đâu. Phải nói cho bà Hiến hiểu về chủ trương diệt dốt. Phải biết tuyên truyền giải thích, tập làm cán bộ cho quen. Nói như thế này: Kẻ không học cũng như người mù. Kẻ mù khi đi phải bị vấp ngã, có lúc rơi tõm xuống sông chết nhăn nanh!

Nói đến đây, chị Ba thấy cách giải thích như vậy nghe hơi quá, chị chữa lại:

- Hay nói thế này: Học một chữ đáng nghìn vàng, dù không chức phận cũng nhàn tấm thân!

Chị Ba chỉ vào tôi, vẻ quan trọng:

- Nhớ phải dọn dẹp nhà cửa, gánh nước nấu cơm cho bà Hiến và ông Bốn Rị nghe chưa? Đó gọi là "làm công tác quần chúng". Còn phải biết kể chuyện thời sự để làm cho họ nhìn xa thấy rộng, nghe chưa? Phải làm cho họ không còn bị "giam hãm" như trước đây, nghe chưa?

Về chuyện thời sự, chuyện ở năm châu bốn bể, anh Bốn Linh và chú Năm Mùi rất quan tâm, vì chính những chuyện đó là những "ống thiên lý xa soi nghìn dặm, mang trí khôn mở rộng cuộc đời" như lời thơ của thầy Lê Hảo đã nói. Chị Ba nhìn tôi một loạt từ đầu đến chân:

- Mặt mày phải nhớ rửa cho sạch. Này cái gương đây, chị cho mượn. Mặt bị vết nhọ phải soi gương mới biết.

Chị Ba hồ hởi:

- Phải công tác cho giỏi để trở thành cán bộ, đứng giữa hội nghị diễn thuyết lầ lầ mới thiệt là thích!

Tôi và thằng Cù Lao đã sẵn sàng mọi việc.

Chiều bắt đầu xuống. Ráng chiều làm đỏ ối cả dòng sông Thu Bồn. Về phía tây, cây sung đầu làng như ngập trong lửa. Bãi dâu sẫm lại, ngò dầm vào bóng tối. Tôi vội đánh trâu Bính về chuồng. Còn phải đến nhà bà Hiến để...giải thích và khai giảng. Chú Năm Mùi đã bảo: Phải tập giải thích cho quen.

Thằng Cù Lao tối nay cũng đến gặp ông Bốn Rị. Tôi sang nhà anh Bốn Linh rủ nó cùng đi. Ra đến ngõ gặp chú Năm Mùi. Chú chấp tay chào:

- Chào thầy Cự! Chào thầy Cù Lao! Hai thầy đi khai giảng phải không?

Tất cả cùng cười. Tôi rẽ sang nhà bà Hiến. Bà Hiến đang ngồi kéo vải. Nghe tiếng động, bà ngược lên:

- Ai đó?

- Tôi đây!

Tôi khệ nệ bước vào. Chị Ba đã dặn tôi đi đứng phải nghiêm trang. Trước tiên, phải tuyên truyền giải thích. Tôi định lặp lại lời chị Ba: Bà phải học cho biết chữ, vì " một chữ đáng nghìn vàng, dù không chức phận cũng nhàn tẩm thân". Nhưng chợt tôi thấy cách nói như vậy nghe đột ngột và thấy lồi thối! Tôi nghĩ phải tìm một câu nói hay hơn. Tôi nhớ đến câu của thầy Lê Hảo : " Học hành cũng như cái ống thiên lý xa soi nghìn lối". Nhưng câu đó chợt thấy khó hiểu. Tôi cố tìm một câu khác, nhưng loay hoay mãi không tìm ra. Một phút, rồi năm ba phút trôi qua. Tôi nhìn bà Hiến. Trước mặt tôi là một người học trò già, da bà đã bắt đầu nhăn nheo. Tôi hơi ngượng. Lạ thật! Khi đến chơi nhà bà Hiến để tán phét thì tôi ba hoa đến mấy cũng được. Đến khi có ý đồ, tôi lại ngượng ngập, nói không ra hơi. Mới hay đi làm cán bộ như anh Bốn Linh cũng không phải dễ.

Bà Hiến thấy tôi cứ im lặng mãi, ngược lên hỏi:

- Có việc chi đó?

Đang lúc bí, tôi nói vu vơ:

- Chơi thôi!

Nói xong, tôi mới biết mình nói láo. Tôi không có ý trả lời như vậy. Tôi càng ngượng, cứ ngồi im, đưa mắt nhìn lên trên giàn.

Bà Hiến nhìn theo lên giàn:

- Có mấy trái bồ quân để trên giàn, muốn ăn cứ lấy mà ăn.

Có lẽ bà Hiến tưởng tôi muốn vò bồ quân, nhưng không dám nói nên cứ ngồi im. Tôi nghe giận, cũng không biết giận bà Hiến hay giận mình. Tôi trả lời gọn lỏn:

- Không thèm ăn đâu!

Bà Hiến ngạc nhiên lại ngược nhìn tôi. Bà nói khe khẽ như chỉ để mình bà nghe:

- Làm lành với nhau thì hơn. Cũng bạn bè với nhau cả. Rủi có bị nện, cũng nên xí xóa!

Thì ra bà Hiến tưởng tôi vừa bị bọn chẵn trâu đánh đau nên vẻ mặt sa sầm. Quả thật dạo đó tôi hay vật lộn với bọn chẵn trâu. Khi nổi khùng có tặng nhau những đấm đá.

Tôi và thằng Cù Lao gặp chú Năm Mùi nói tất cả những việc vừa xảy ra: Nào là bà Hiến biết đến ba ngàn chữ, đọc một lèo. Nào là bà Hiến thuộc hết sách vở thánh hiền, nghĩa lý vô cùng thâm thúy. Bà còn nói tiếng Tây như bập rang...

Tôi và thằng Cù Lao càng trầm trồ bao nhiêu thì chú Năm Mùi càng phớt lờ bấy nhiêu.

Chú nói:

- Có chi đâu lạ! Bà Hiến ở đợ cho nhà giàu, nhà giàu rước thầy dạy chữ cho con cháu học. Nghe học trò ê a đọc sách, bà nhớ hết. Bà nhớ tài lắm.

Trước đây bị đói bà mò ra ngoài Đà Nẵng kiếm ăn. Đi lang thang bị lính cu-lít bắt nộp thẳng cò. Chúng nó nói tiếng Tây, bà cũng nhớ được. Bà nói như thế này chớ chi:" Ma- đam vớ- nê đờ Hòa Phước. Ma- cà- bông. Moa xi-nhan me- xừ lơ cô-m- mít- xe". Bà chưa chịu học là vì bọn bay chưa biết cách nói. Chỉ nói thế này:- Nay mai, người ta sẽ ngăn cổng vào chợ. Người nào biết đọc chữ quốc ngữ họ mới để vào. Nói vậy là bà học ngay. Việc dễ như chơi, sao rồi lên vậy?

Tôi và thằng Cù Lao lại đến nhà bà Hiến. Tôi cho ra ngay câu nói của chú Năm Mùi:

- Nay mai người ta ngăn chợ. Ai biết chữ quốc ngữ mới được vào chợ!

Bà Hiến ngừng xa kéo sợi:

- Ai nói đó?

- Lệnh trên đó! Chú Năm Mùi cho biết. Ai dám nói sai. Bà cứ hỏi chú Năm coi.

- Người không đọc được chữ quốc ngữ thì răng?

- Thì đứng ngoài cổng rồi về thôi! Lệnh nghiêm lắm!

Bà Hiến ngồi thừ ra. Môn thuốc của chú Năm đã công phạt. Tôi hỏi dò:

- Bà đi chợ không?

Tiếng bà Hiến nhỏ hần:

- Đi chợ để mua đồng mắt, đồng muối... Thôi bà phải học! Tội chi không học. Kiếm vài chữ bỏ bụng cũng sướng!

Tôi và thằng Cù Lao bật dậy reo lên, phóng một mạch chạy gặp chú Năm Mùi. Vừa gặp chú, tôi hét to:

- Bà Hiến chịu phép rồi! Sao chú tài vậy chú?

Chú Năm Mùi vẻ thản nhiên:

- Tại bọn bay không biết bắt mạch. Tao bắt mạch biết bà Hiến mê đi chợ. Không một xu nhỏ cũng mò đến chợ. Bà đi chợ một vòng còn thích hơn

xem hát bội. Cũng như mày mê vật lộn, thằng Cù Lao mê lội bơi, tao trước đây, tao mê hát bội. Ở đời ai cũng có cái mê cả!

Tôi hỏi thằng Cù Lao về ông Bốn Rị. Ông có biếng học như bà Hiến không? Ông có hôi lăm không? Nhà của ông thấy có rợn không?

Tôi với ông Bốn Rị ở cùng làng, tôi ở đầu xóm trên, ông ở xóm giữa. Thỉnh thoảng, tôi đi qua nhà, nhưng chưa bao giờ ghé lại. Nhà ông có bức rèm tre che trước cửa, đằng sau có bóng người thập thò. Có tiếng cốc, cốc như mỡ khua và tiếng kêu ăng ăng. Nhưng lái làm tôi rợn nhất là tiếng rú của chó bị cắt tiết. Tiếng rú vang dội, đâm thủng màn sương, át tiếng gọi đò và tiếng gàu khua ở các giếng nước. Mỗi khi tiếng rú vang lên, lũ chó trong làng nổi lên sủa rộ. Ông Bảy Hóa ngồi trước cửa chùa, đập đập cái quạt mo vào chân:

- Lại một con chó hóa kiếp! Mong mày đầu thai trở lại làm người. Làm người không xong thì phải hóa kiếp trở lại làm chó!

Thằng Cù Lao cho tôi biết ông Bốn chẳng có mùi hôi thối gì cả. Ông sạch sẽ như mọi người. Ở ngoài cù lao Chàm, cũng có người bán thịt chó, người đó cũng không hôi thối. Cũng chẳng nghe ai nói ăn thịt chó sẽ xuống địa ngục, sẽ bị rút lưỡi moi gan. Nhà ông Bốn không có gì rùng rợn cả, nhà rất mát mẻ, có cây bông trang, có con bướm đậu. Ông Bốn có nuôi nhiều chó, nhưng toàn là chó con. Ông xin chúng ở đâu về, nhốt sau chuồng. Chúng kêu ăng ăng. Có con chưa biết ăn, ông phải vạch mồm tọng nước hồ vào họng. Có lúc một chó mẹ đến gào rống sau vườn đòi con. Ông xách gậy ra đuổi. Cuối cùng, chó mẹ bỏ đi nơi khác. Thằng Cù Lao còn cho biết khi ông Bốn mổ xong một con chó, ông cắt một miếng thịt ở chóp đuôi đem xào. Mùi thơm bay ra ngào ngạt.

Tôi kêu lên:

- Ôi! Thịt chó thơm răng được? Thịt chó làm tao nôn ọe. Thôi kể tiếp đi, rồi ông Bốn làm chi nữa?

- Sau đó, ông nướng bánh tráng có rải mè, múc thịt đặt lên mâm, mời tôi ngồi lại.

- Mời ai?

- Mời tôi!

- Ấy! Mời mà? Thế mà nói sao?

- Tôi nói tôi không ăn.

- Ừ, được đó!

- Nhưng... ông mời mãi. Ông nói hễ tôi không ăn thì ông không học. Với lại cái mùi thịt bay thơm, tôi cầm lòng không đậu...

- Làm sao?

- Tôi ăn.

- Ối! Trời ơi! Nguy to rồi! Mà ăn đồ ô uế rồi! Có nôn ọe không?

- Vừa nói tôi vừa ọe lên mấy cái.

Thằng Cù Lao lặng thinh. Tôi lên giọng:

- Ở đây đưa phàm phu mới ăn thịt chó. Đã ăn thịt chó, khi chết phải xuống địa ngục. Bọn chó đánh hơi, xông ra cắn mà chết!

Thằng Cù Lao hạ thấp giọng:

- Hôm kia đến nhà ông Bốn, tôi thấy chú Năm Mùi ở đó.

- Chú Năm đi kiểm tra học tập. Chú có hỏi chi không?

- Không hỏi chi cả. Chú đang ăn...

- Ăn chi?

Thằng Cù Lao nói khẽ vào tai tôi:

- Ăn một đĩa nấu nhừ.

Tôi giật thót:

- Thiệt không?

- Chú khen đĩa như nấu khá! Chú còn bảo giống thịt chó thể mà mát, ăn thịt chó ngủ ngon.

Tôi không ngờ chú Năm Mùi lại ăn thịt chó! Từ ngày cách mạng thành công, chú tiến bộ rất nhanh. Chú không còn mê cô đào hát bội, không hát bài chòi. Chú vừa nhận chân lãnh đạo tự vệ xã, kiêm chính trị viên tiểu đội dân quân của thôn, phụ trách đội thiếu niên. Nay lại đi ăn thịt chó!

Thằng Cù Lao lấy tay che mắt, nói chỉ vừa đủ tôi nghe:

- Cả ông Bảy Hóa nữa!...

Tôi suýt ngã ngựa, nổi cười to. Thằng Cù Lao cũng nổi cười. Chính trước kia ông Bảy Hóa cho mình có cốt tiên cốt phật. Đã là tiên phật thì hít mùi hương hoa cũng đủ sống, không cần ăn. Nếu có ăn cũng chỉ ăn tương cà dưa muối. Ai nói đến thịt chó thì ông nôn ọe.

Tôi hỏi:

- Thế ông có mắc cỡ không?

- Chẳng mắc cỡ chi hết. Ông tréo chân ngồi giữa nhà, húp rất to. Ông khen ông Bốn Rị bán rẻ thịt chó. Có vậy mới đông khách, nhiều người sẽ khỏe ra. Nay ông đã nhập bạch đầu quân, ông cũng muốn khỏe thêm; luyện tập quân sự càng dai sức, đánh thắng giặc. Như vậy mới gọi là tu. Ông thét to: Phật là cái tâm của ta. Cái tâm ta ngay thẳng, trung thực, đó là Phật. Cái tâm ta gian nịnh xảo trá, đó là ma quỷ. Tôi coi làng mình mọi người trở nên tốt. Trộm cắp bỏ nghề, thuế chợ, thuế đò đều bãi bỏ, đâu có phải vì không ăn thịt chó, mà vì có người làm cách mạng.

Tôi hỏi thêm:

- Thế ông có bị nôn ọe không? Chị Ba nghe mùi thịt chó cứ bị buồn nôn, không phải chị giả đò đâu!

Thằng Cù Lao cho biết cả đội tự vệ cũng có ăn thịt chó. Thỉnh thoảng, ông Bốn Rị mang một nồi bún với thịt đem thết toàn đội ở chòm đa Lý.

Bà Hiến có một trí nhớ rất tốt. Tôi nói gì bà nhớ nấy, nhớ rành mạch, chính xác. Không ngờ dưới lớp da nhăn nhúm lại giấu một đầu óc minh mẫn. Đầu óc của bà không phải như cái rỗng lũng như bà nói. Bà nhớ giỏi bằng mười tôi, nhưng tôi cứ chê. Tôi chê bà viết tồi, đọc chậm. Khi tôi còn làm học trò, tôi thích được khen. Nhưng khi làm thầy tôi cứ thích chê. Tôi viết lia lịa một loạt chữ O bảo bà Hiến bắt chước kẻ theo. Bà méo mồm cố kẻ theo thật đúng. Tôi bắt bẻ:

- Viết bằng tay, sao mồm lại méo xệch?

Bà Hiến vừa viết vừa thở hổn hển. Tôi uốn nắn:

- Chớ thở ào ào! Bay mất sách vở! Thở vậy nên chữ viết như gà bới.

Tôi bảo gì bà cũng vâng theo. Tôi nhận rõ bà Hiến nể tôi. Bà không còn gọi tôi là thằng Cục, mà gọi là chú Cục. Trước mắt bà, rồi không còn là thằng chần trầu bị bọn trẻ đánh u trán. Theo thầy Lê Hảo, khi làm thầy sẽ được học trò kính nể. Tôi bắt chước thầy Lê Hảo ăn nói nghiêm trang, khuyên cái này răn cái nọ. Có lúc tôi quát chơi một cái cho sướng miệng. Bà Hiến không lấy thế làm mất lòng. Bà nói trước kia các thầy phải đánh học trò bằng roi mây, có thế mới nên. Nay cách mạng lên rồi, thầy không đánh học trò, sướng quá!

Tôi sực nhớ chị Ba và chú Năm Mùi dặn phải làm công tác quần chúng. Lập tức, chúng tôi vứt sách, xông vào buồng bà Hiến. Chúng tôi khênh hết những thùng đựng khoai ra ngoài, quơ hết giẻ rách vứt ra sân rồi lấy chổi quét. Tỉn còn đầy nước uống, thằng Cù Lao cũng đổ đi, quảy tỉn ra sông múc nước. Sau đó, tôi vo gạo, quơ củi, nhóm bếp. Bà Hiến van nài, tôi cũng giật lấy, giúp bà cho kỳ được. Trước nhà bà, có những tỉn sứ, chum vỡ, tôi và thằng Cù Lao khuân hết đi nơi khác lấy chỗ để trồng cây bông trang. Bà Hiến chạy ra ngăn lại, không hiểu trồng cây bông trang để làm gì. Tôi níu bà lại, bảo phải trồng cây bông trang cho đẹp mắt. Chúng tôi đảo lộn tất cả, sắp xếp mọi thứ theo ý muốn chúng tôi.

Tôi giảng giải:

- Cách mạng lên rồi. Nhà nào cũng phải có hòn non bộ, có dăm cây cảnh. Có cây bông trang chưa đủ, phải trồng thêm bông lài, bông lý nữa.

Thằng Cù Lao quả quyết:

- Không lèm nhèm nữa đâu. Bà già cũng phải đánh phấn tô môi, phải mặc áo màu, phải đi giày cao gót. Rồi đây, bà phải đi uốn tóc, phải sắm một cái ví và một chiếc dù đầm. Đi đâu phải cầm trên tay cho sang trọng.

Tiếng đồn làng trên xã dưới ông Bốn Rị có một thằng con trai giống ông như đúc. Da nó cũng đen, người nó cũng gầy, khuôn mặt giống hệt như bố. Trước đây, gặp năm mất mùa ông Bốn phải đem đợ thằng con trai đó cho một nhà giàu ngoài Đà Nẵng. Nay làm ăn khá, ông Bốn đã chuộc nó về. Thằng nhỏ siêng năng lắm. Nó băm thịt giòn tan, nấu xào rất giỏi. Tôi biết đó là tin đồn về thằng Cù Lao. Nó giúp ông Bốn làm nhiều việc để dạy ông học., Nó còn đi bắt chó với ông. Ông Bốn kéo lê một con chó bị tròng. Thằng Cù Lao thủ một chiếc roi theo sau. Tất cả bọn chó gào rống đến sủi bọt mép quanh ông Bốn. Thằng Cù Lao không chút nao núng, phóng mắt nhìn quanh tìm đứa hung hăng nhất. Chợt chiếc roi mây bay vút. Chó bị roi kêu ăng ăng, cúp đuôi vọt chạy. Những chó khác chạy tán loạn. Thằng Cù Lao nhặt đất ném theo, phá gãy vòng vây, giải thoát cho ông Bốn Rị. Dẹp xong lũ chó, nó đứng chống nẹ nhìn quanh.

Tôi gọi to:

- Cù Lao ơi! Mày đi bắt chó cho ông Bốn hả? Làm chi bậy bạ rứa? Thiên hạ cười đó! Họ đồn mày là con trai ông Bốn đó!

Miệng tuy nói vậy nhưng bụng tôi nghĩ khác. Thực bụng tôi phải nói: Mày đuổi chó giỏi lắm! Tao đang phục mày đây! Tao cũng muốn được như mày.

Tôi hỏi bâng quơ:

- Mày mượn đâu chiếc roi mây tốt quá?

Thằng Cù Lao chìa chiếc roi:

- Ông Bốn cho tui đó.

Tôi nói cho có chuyện:

- Roi to thì sướng hơn.

- Roi nhỏ quất khỏi gãy chân. Ra oai thôi mà!

Tôi hỏi:

- Thế... tao xin ông Bốn một cái roi được không?

- Cục xin đi. Ông Bốn ông tốt bụng lắm! Ông cho liền liền.

Thằng Cù Lao nói nhỏ vào tai tôi:

- Thảo ăn lắm! Hôm nào cũng đãi ổi, đãi bồ quân. Ổi và bồ quân của ông ngọt lịm! Ăn nhiều ông càng thích!

- Nhưng mà tao sợ ma chó! Chúng kéo về từng đàn, ông Bốn Rị phải đặt câu thần chú mới đuổi được.

- Làm chi có!

- Tao đến xin ông cái roi. Rồi... đi bắt chó với mày được không?

Thằng Cù Lao reo lên:

- Ông thích còn phải nói! Ông bảo tui đến ở với ông, tui cứ việc đi chơi, ông làm nuôi tui cũng được

Tôi và thằng Cù Lao cùng cười. Không ngờ sự việc lại như vậy.

Trước Tổng khởi nghĩa có ba nơi làm tôi cứ sợ. Đó là chòm đa Lý âm u, đại bản doanh của quý Năm Nanh có đầu tóc xõa đến đất. Đó là miếu Bà Tằm im lìm nép dưới chòm sung, nơi làm ăn của quý Bạch Thổ. Sau cách mạng, quý Bạch Thổ và quý Năm Nanh đã cuốn gói đi nơi khác. Chỉ riêng nhà ông Bốn tôi vẫn thấy bí hiểm. Tiếng bằm thịt ở nhà ông nghe như tiếng mõ kêu cứu. Tiếng rú của chó bị cắt tiết nghe rùng rợn. Tuy thằng Cù Lao đã cho biết nhà ông Bốn Rị cũng như nhà chú Năm Mùi, có hai chái, tám cột. Đồ đạc cũng là giường ghế, nồi niêu, rõ rã. Mọi vật đều bình thường, chẳng có gì ghê rợn cả. Tôi biết vậy, nhưng khi đến trước nhà ông Bốn tự nhiên tôi dừng lại. Tôi vừa sức nhớ trước đây tôi với mấy đứa mất dạy đã ném đất

vào đầu ông. Nay gặp tôi ông lại chẳng trả thù, nên cho tôi một trận. Nghĩ đến đây tôi chỉ dám nhìn qua hàng rào. Ông Bốn tay cầm con dao phay, đứng trong nhà trông quá dữ tợn. Tôi định rút lui. Nhưng nhớ lại việc chú Năm Mùi bắt buộc tôi phải đến giúp thằng Cù Lao dạy cho ông Bốn học, tôi phải dừng lại. Đợi ông Bốn đi khuất vào bếp, tôi nhón chân gọi khê:

- Cù Lao ơi! Cù Lao ơi!

Thằng Cù Lao như biết tôi đang lảng vảng ngoài rào, chạy ra gọi:

- Ông Bốn đợi Cục đó!

- Đợi để chi?

- Để dạy ông học. Ông thích lắm!

Tôi hơi vững dạ rón rén bước vào. Ông Bốn đang ngồi lóc thịch. Vừa thấy tôi, ông vung con dao sáng quắc, nhưng ông lại cười:

- Chú Cục đó hả? Hay lắm!

Rõ ràng ông Bốn đã làm tôi yên tâm. Ông đứng lên đi đẩy lửa. Ông vừa lóc thịch vừa đun lửa trong bếp. Đó không phải là một cái bếp bình thường như thằng Cù Lao nói, mà là một cái bếp bất thường. Bếp có đến ba bộ ông táo. Tất cả đang cong lưng đội một cái chảo và hai cái nồi to bự. Ngoài ra, còn có ba bộ ông táo khác sắp thành một hàng sẵn sàng nhận việc. Tất cả chảo nồi đều sôi sùng sục và tỏa khói thơm. Quanh bếp còn úp không biết bao nhiêu nồi đất, đủ loại to nhỏ. Thằng Cù Lao ở trần, xắn quần đến tận bẹn, chạy rút con dao phay, lật chiếc thớt, bê một đùi thịch chớ đặt lên thớt, chặt lia lịa. Nó tỏ ra thông thạo như đã lâu năm làm nghề băm thịch. Tôi bật cười. Nó cười theo rồi băm càng nhanh, càng chính xác.

Tôi nhìn vào nhà trên. Ở Hòa Phước, nhà trên thường nhìn ra ngõ. Đẳng này, nhà trên của ông Bốn lại xây lưng ra ngõ, mặt úp vào vườn. Sau vườn, ông Bốn trồng cây chanh, cây ổi, cây bồ quân có bóng râm mát. Lại có khóm bông trang, có hoa nở, có bướm bay chấp chới. Quanh nhà sạch bóng. Nhà bếp nhiều khói, ồn ào. Nhà trên tĩnh mịch. Năng trưa nằm ngủ trên giàn thiên lý. Tiếng thái thịch vào đến hiên bỗng lu mờ. Ông Bốn cũng thờ

tiên thờ phật. Bốn bức tranh treo trên vách vẽ bốn ông tiên. Một ông râu dài mắt xếch đầy vẻ ung dung cười một con hạc đang sải cánh trên rừng tùng. Một ông bụng to đang nghênh cổ trút nậm rượu vào mồm, đầy vẻ khoan khoái. Ông thứ ba râu rậm cười con ngựa trắng khoan thai đi vào rừng mai nở rộ. Ông thứ tư râu tóc bạc phơ phóng cần câu trầm ngâm câu cá. Bên trên bàn thờ, ở chỗ cao nhất đặt một cái khám. Trong khám có đức Quan âm ngồi trên tòa sen, mười ngón tay chắp vào nhau đang tụng niệm.

Tôi cứ nhìn nhìn. Có tiếng thằng Cù Lao gọi:

- Cục ơi!

Tôi bước xuống nhà bếp. Ông Bốn đang xào thịt. Ông múc một đĩa đặt lên bàn. Và rất lạ, tôi nghe mùi thịt chó thơm thơm. Ông lấy bánh đa có rải vừng đem nướng. Ông hốt một đĩa rau thơm, gọi tôi và thằng Cù Lao:

- Ngồi lại đây các chú!

Tôi trả lời tôi không ăn.

Ông Bốn lại mời.

Tuy bụng đói meo, nhưng nhớ lời chị Ba dặn, tôi lắc đầu:

- Mới ăn no quá, không ăn được nữa!

Thằng Cù Lao cãi lại:

- Ăn từ mai sớm, no quá sao được?

Ông Bốn năn nỉ:

- Không ăn nhiều thì ăn một miếng cho bác vui bụng.

Thằng Cù Lao họa theo:

- Phải rồi. Không ăn, ông Bốn không học đâu!

Thằng Cù Lao vừa nói vừa kéo tôi vào bàn.

Tôi định bụng chỉ ăn một miếng bánh đa.

Thằng Cù Lao chỉ vào chiếc nồi đang sôi trên bếp.

- Nồi nhừ nấu cho đội tự vệ kia. Ban chỉ huy ăn được thịt chó, Cục ăn thử một miếng coi.

Thằng Cù Lao vừa nói vừa gắp một miếng xào gì đó ngay trước lỗ mũi tôi. Rõ ràng một mùi thơm của thịt của hành xông lên. Ông Bốn gắp một miếng xào, bẻ đôi miếng bánh đa kẹp lại giúi vào tay tôi:

- Không ăn thì bác giận lắm!

Nế quá, tôi cầm kẹp bánh cắn một miếng. Thịt chó xào nghe thơm chẳng khác gì thịt lợn. Tôi nhai vài cái, thịt với bánh đa rơi vào bụng. Tôi tưởng thịt chó đã trào lên cổ lộn ra, nhưng nó vẫn nằm yên trong bụng.

Thầy Lê Hào thường nói: Dạy không nghiêm, đó là thầy dở. Đối với bà Hiến tôi phải thật nghiêm. Tôi cố tránh hỏi bà chuyện vu vơ hoặc tán phét. Tôi vạch một vòng tròn lên giấy rồi đọc cho bà nghe, o...o...

- Đây là chữ o, như quả trứng gà, thấy chưa? Nhớ chưa?

Bà Hiến liền nói theo:

- O, o, như con gà trống, nó gáy o o. Gà gáy o, o! Đi chợ tới chợ đã lo ăn hàng!

Tôi dạy thêm:

- Phải ngó cho kỹ, chữ o thêm một cái mũ đội lên đầu đó là chữ ô.

Bà Hiến liền đọc:

- Ô rô gai góc, nó móc ruột gan, đói rách giàu sang, ô rô móc tuốt.

- Nói gai ô rô làm chi? Xem này. Chữ o mang thêm một cái râu thành chữ ơ.

- Còn phải kẻ mày kẻ mặt đội mũ mang râu. Còn phải đôi hia...

Bà Hiến vừa nhớ đến hát tuồng. Trước khi ra sân khấu, kép hát phải kẻ mặt, mang râu, đội mũ.

Tôi xăng giọng:

- Kệ họ! Đào kép muốn làm trời cũng được. Đó là chuyện của họ. Còn ta là phải ngó kỹ. Đây là chữ t, thấy chưa? Nay ghép chữ t với chữ o, là to.

- To! Nói nhỏ nói to, không bằng nện cho cái đấm.

Tôi định bảo im. Nhưng cách nói bắt vần của bà nghe cũng vui vui.

- Ngó cho kỹ này! T ghép với ô thành tô này.

Bà Hiến nói ngay:

- Tô son điểm phấn, đánh lấn ngài thơm.

Tôi tiếp:

- Chữ t ghép với chữ ơ là tơ.

Bà Hiến đọc liền theo:

- Rối tơ rối chỉ gỡ xong. Rối đầu có lược, rối tấm lòng khó phân. Tơ tưởng, tưởng tơ, nằm mơ là thấy bạn!

Tôi chỉ cho bà Hiến đọc chữ m.

Bà liền cho ra:

- Chăng lờ mờ, giấy tờ minh bạch.

Đến chữ n, bà nói họa theo:

- Chi rứa bạn nờ? Trăng đã mờ, sông đã cạn!

Cứ như vậy, học mỗi chữ bà đọc một câu. Nếu bảo bà đọc thêm bà cũng có thể đọc.

Tôi và thằng Cù Lao dần dần hóa thích. Gặp những câu vui, tôi bảo bà cứ đọc tiếp. Bà thuộc hàng chục bài vè, đủ loại vè: vè con cuốc, vè các thứ hoa, thứ quả, thứ cá, thứ chim, vè nói láo, vè hát bội, vè thằng nhác, vè cúp tóc, vè xin sưa, vè đám ma...

Mỗi khi học xong, tôi và thằng Cù Lao bắt bà hát một bài cho vui.

Bà Hiến hỏi?

- Bài chi?

- Bài hổ hụi hay một bài vè, vè thằng Lía hay vè Thông Tằm cũng được.

Tôi và thằng Cù Lao rất mê vè thằng Lía. Thằng Lía nhà nghèo mồ côi cha, rất yêu mẹ. Không ai thuê làm, Lía phải đi xin ăn để nuôi mẹ. Lía bắt trộm vịt về cho mẹ ăn để mẹ khỏi đói. Sau Lía vào rừng tụ tập lâu la, chống lại vua quan. Tôi thích những đoạn tả Lía bị chó đuổi phải rúc bụi. Lía bắt chước con cá lóc tập nhảy, tập mãi nhảy phóc qua được nhà cao. Lúc bị bao vây nhờ nhảy qua được mái nhà, đã thoát chết.

Ai hỏi vì sao bà Hiến nhớ nhiều như vậy, bà nói: Nhớ nhiều vì đói. Khi đói, chữ nghĩa vào bụng không bị cơm canh lấp mất, chữ nào còn nguyên chữ ấy.

Chương 3

Tôi tắm cho trâu Bính xong mặt trời đã lặn. Trên bãi dâu mọi người gọi nhau về nhà. Phải về sớm một tý, còn phải nấu cơm ăn để kịp đi học. Ở các xóm tiếng gàu và vào thành giếng nghe lanh canh. Tiếng bát đĩa bị lật nghe xúng xoảng. Tiếng phèng la chột vang động. Giờ tựu lớp đã đến, chị Ba, chị Bốn ăn xong, thắp cây đèn chai, gọi nhau đi học. Tôi và thằng Cù Lao sẽ đến dự lễ khai giảng lớp học buổi tối tổ chức ở chợ. Chúng tôi vừa được chú Năm Mùi đề bạt làm "trợ giảng" của lớp. Vừa bước ra sân, một ngọn đèn đã thấy trôi theo bờ rào của nhà bác Úc. Có tiếng gọi:

- Ba ơi! Mau lên!

- Bậy hả? Đợi chút!

Ngọn đèn chị Ba trôi nhanh ra ngõ. Hai ngọn đèn gặp nhau cùng cất cao, nhập lại, tách ra, nhún nhảy trôi theo con đường dọc xóm. Ra đến đầu làng, ngọn đèn chị Ba và chị Bậy nhập vào nhiều ngọn đèn khác trôi dọc đường làng. Tôi và thằng Cù Lao không xách đèn cứ rảo bước. Chợt một ngọn đèn từ trong hẻm trôi ra. Có tiếng hoảng hốt:

- Ối! Làm tôi hết hồn ! Ai đó?

Tôi nhận ra bà Bậy Đá. Chú Năm Mùi cho biết bà Bậy cũng đến dự lớp. Trước đây, bà bảo không biết học để làm gì. Chữ nghĩa không làm no bụng, chỉ có một cái làm được tất cả, đó là tiền. Nhưng có đứa độc mồm bảo bà có nhiều tiền nhưng bà lại u mê. Nay thấy mọi người đi học, bà mới chịu đi. Tôi và thằng Cù Lao vượt lên trước. Một ngọn đèn sáng lóa từ phía đồng bay ra. Đó là ngọn đèn của anh Bậy Hoàn.

Tất cả những ngọn đèn lồng từ trên xuống, từ dưới lên chảy dồn vào chợ. Lớp học là cái điểm canh được nói rộng. Ba ngọn đèn lồng tỏa sáng. Mọi người đã có mặt. Chú Năm Mùi, anh Bốn Linh ăn mặc chỉnh tề. Bà con cô bác kéo đến đông đủ. Chợt anh Bốn Linh đứng lên dọn giọng tuyên bố lễ

khai giảng. Anh long trọng nói lên ý nghĩa phong trào diệt dốt, một trận đánh vô cùng ác liệt. Hiện nay, cả nước có hàng triệu người không kể lớn bé đang dùi mài học tập. Hòa Phước là đất thanh danh văn vật, không thể lơ là việc diệt dốt. Nói xong, anh Bốn Linh vỗ tay. Mọi người vỗ tay theo.

Đến lượt thầy Lê Hào nói về sự màu nhiệm của học vấn. Con người ta " hể ở bầu thì tròn, ở ống thì dài". Học vấn như cái " ống thiên lý xa soi nghìn dặm". Mọi người phải biết dòm vào cái ống thiên lý để nhìn ra bốn bể năm châu. Thầy Lê Hào nói xong, chú Năm Mùi bước lên. Chú đưa ra những gương học tập đáng làm bà con suy nghĩ. Chú mời ông Bốn Rì và bà Hiến lên bảng viết những chữ đã học. Bà Hiến viết chữ Hiến nguệch ngoạc. Ông Bốn Rì viết một chữ Rì như gà bới. Cả lớp ngồi nhìn, nổi cười, nổi ho loạn xạ. Chú Năm Mùi giới thiệu thầy giáo mới của lớp. Đó là anh Bảy Hoàn, là một người đã đi chu du khắp thiên hạ, đã từng sống ở lục tỉnh Sài Gòn, từng đọc một kho sách đông tây kim cổ, một người văn võ kiêm toàn, chỉ có Lục Vân Tiên mới bì kịp. Đã có một vị thầy như vậy, nếu không mở một lớp đặc biệt để cô bác học hành chữ nghĩa thì chẳng khác như đã nhìn thấy một cục vàng mà lại bỏ lơ không thèm nhặt. Lớp còn có hai cán bộ giúp việc: đó là chú Cù Lao và chú Nguyễn Văn Cục. Chú Cù Lao từng vượt biển về làng, ra Đà Nẵng học đã "bảng vàng danh yết". Nguyễn Văn Cục có nhiều kinh nghiệm, từng dạy cho bà Hiến học giỏi. Hai cán bộ này sẽ giúp các thím các bác những chữ bị quên, kiêm việc quét dọn trụ sở. Nếu cô bác người nào có cây đèn bị mờ thì cứ giao cho họ kêuh ngọn. Nói xong, chú Năm Mùi mời thầy Bảy bắt đầu dạy.

Anh Bảy Hoàn đứng phắt dậy, giở chiếc mũ phớt đang đội trên đầu, vứt mạnh xuống ghế, nói như sấm động. Anh Bảy cho biết là ở xứ lục tỉnh Dầu Dây, tất cả già trẻ lớn bé đều học hết. Sau ngày cướp chính quyền, vèn vện chỉ trong ba tháng mà tất cả đều biết đọc biết viết. Những ông già, bà già đều đỗ đạt hết. Vì sao vậy? Vì ở xứ Dầu Dây hể nói là làm. Dân xứ đó hiểu mình bị nô lệ chỉ vì dốt! Nói đến đây, anh Bảy Hoàn thu năm dấm nện một dấm thẳng cánh vào cây cột làm mái nhà rung lên. Anh hét to:

- Quyết trừ loài giặc dốt!

Anh Bảy đứng chống nẹ quắc mắt nhìn quanh, gõ vào bảng đen trên vách, nói tiếp:

- Tôi chỉ dạy cho bà con hai chữ. Học xong hai chữ này thì mọi sự đều biết tuốt. Đây, tôi viết chữ t, tôi viết thêm chữ ư, ghép lại thành chữ tư, thêm cái chấm dưới đít, thành chữ tự. Đây tôi viết thêm một chữ nữa là chữ d, một chữ nữa là chữ o. Chữ d ghép với chữ o thành do. Đó là hai chữ tự do.

Cả lớp cười to khoan khoái. Tất cả đều công nhận là chú Năm Mùi đã nói rất đúng: Chỉ có một người thông kim bác cổ, văn võ toàn tài mới có thể có một cách giảng dạy hay đến thế và mới có thể nện một năm đâm vào cây cột làm cả nhà rung lên như thế!

Tôi và thằng Cù Lao lên làm thầy dạy cho bà Hiến viết được chữ Hiến và ông Bốn Rị viết được chữ Rị giữa sự vui sướng của mọi người. Việc đó có làm cho tôi phồng to lỗ mũi. Chị Ba, anh Bốn dặn còn phải làm công tác quần chúng. Chúng tôi đã xông vào buồng của bà Hiến, dọn dẹp tất cả cho bà. Lại còn gánh nước, nấu cơm. Nhưng để xứng danh hiệu làm thầy, chúng tôi còn phải làm xong một việc thứ ba, việc này anh Bốn cho là rất quan trọng. Đó là phải biết nói chuyện thời sự, chuyện ở bốn bể năm châu để làm cho bà Hiến và ông Bốn Rị biết nhìn xa thấy rộng, không bị giam hãm mà đã trở thành những ống thiên lý xa soi nghìn dặm như trong câu thơ của thầy Lê Hảo. Đối với nhiệm vụ này, riêng tôi, tôi thấy rất khó thực hiện. Thịnh thoảng tôi cũng có nghe những chuyện bàn tán của các chú cán bộ về chuyện thời sự nước ngoài. Tôi chỉ nghe được lờ mờ, không đầu không đuôi, nên tất cả hiện lên càng rắc rối hơn tơ vò. Còn việc đi xa để được thấy rộng thì tôi mới chỉ đi đến chỗ chợ. Nhưng cũng may có được thằng Cù lao. Nó ở ngoài biển, nhìn xa có hơn vạn dặm. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại nó cũng thấy bí. Nó bảo nó đã bao lần ra khơi. Nhưng ở đó nó chẳng thấy chuyện thời sự mà chỉ thấy có nước với trời, hai cái này thôi thì mênh mông vô tận. Nhưng chợt nó quay lại, nói nhỏ vào tai tôi:

- Thôi, Cục đừng lo! Tôi sẽ kể chuyện ở Đà Nẵng. Nghĩ lại Đà Nẵng cũng là chuyện ở xa. Đà Nẵng cách ta đến ba mươi cây số. Nếu chú Năm bảo Đà

Năng chưa xa thì ở đó có những ông Tây, ông Tàu, ông Mỹ cũng là người ở bốn biển năm châu vừa đến ở Đà Nẵng.

Thằng Cù Lao nói nghe rất có lý. Chúng tôi chạy vụt đến nhà bà Hiến. Tôi giải thích cho bà Hiến nghe vì sao bà phải nghe những chuyện thời sự ở xa. Sau đó thằng Cù Lao bắt đầu kể:

- Tôi ra Đà Nẵng ở một ngôi nhà bốn tầng.Ồ rộng lắm, to lắm. Tôi theo anh Sáu bước lên những bậc đá bằng cẩm thạch, đi dọc những hàng hiên cao, có không biết bao nhiêu cửa chớp! Anh Sáu dừng lại mở cửa. Một căn phòng vô cùng rộng rãi hiện ra. Tôi lóa mắt! Sàn bóng như gương, dưới sàn lại còn trải thảm. Giữa phòng là một chiếc giường to, bọc vải trắng toát. Một giường nhỏ hơn bọc toàn nhung xanh. Mỗi giường có hai chiếc gối bọc lụa thêu hoa. Một chiếc gối đầu, một chiếc gác chân. Dọc tường nào rèm, nào tủ, nào gương to! Một anh Sáu bước vào phòng, gương chiếu bốn bên, thấy năm anh Sáu. Có đến chục phòng như vậy. Mỗi phòng chưng diện mỗi cách: Bàn ghế giường tủ bóng lộn. Cốc chén toàn bằng thủy tinh. Mâm đĩa mạ vàng mạ bạc.

Tôi hỏi:

- Nhà chi mà sang trọng rứa?

- Đó là dinh lão sứ, còn gọi là tòa thị chính. Nay ta dùng tầng trên để ở, tầng dưới để làm trụ sở của Ủy ban Đà Nẵng.

Thằng Cù Lao kể tiếp:

- Một tên thống sứ không chỉ có một ngôi nhà ở Đà Nẵng, mà còn có nhà ở Bà Nà, gọi là biệt thự. Nó còn có biệt thự ở Bạch Mã, Đà Lạt. Mùa hè, lên đó ở để cho mát.

Ở lớp huấn luyện, một hôm anh Sáu nói:" Hòa Phước là làng tôi ở. Ở đó có một bà già tên là bà Hiến. Bà ở trong một cái lều, lều không có cột, chỉ làm bằng hai mái tranh ghép lại. Muốn vào lều phải quỳ xuống bò bốn chân. Nếu ta xếp lại bên nhau cái lều của bà Hiến và ngôi nhà này của tên sứ thì sẽ thấy một sự thật mỉa mai. Dân ta có hàng triệu người như bà Hiến. Anh

Sáu nói tiếp:" Lịch sử cho phép chúng ta ngày nay so sánh những việc như vậy. Người còn sống phải nhớ những việc đó. Cách mạng đã cho phép bà Hiến đến Đà Nẵng không bị bắt bớ. Chúng ta sẽ mời bà đến dinh lão sứ ở chơi vài hôm!".

Bà Hiến hỏi:

- Vậy chỗ đó là của ta rồi hả?

Bà Hiến phải công nhận là những chuyện thời sự của thằng Cù Lao kể đã làm cho cái" ống thiên lý của bà đã xa soi đến xứ Đà Nẵng".

Tôi nhấn mạnh thêm:

- Nhà lão sứ là của mình rồi! Thằng Cù Lao được vào ở, sướng chưa?

Thằng Cù Lao lắc đầu:

- Không sướng đâu! Tôi leo lên giường. Cái giường cứ nhún nhảy như bị sóng đánh. Tôi nằm im không dám lăn qua lăn lại. Ngủ trên bãi cát sướng hơn. Cứ lăn tròn đến đâu cũng được. Cái nệm nghe như lửa đốt. Cái giường tre của mình thế mà mát. Anh Sáu còn bảo tôi phải rúc vào một cái buồng trắng toát. Anh vắn cái bông sen, nước tưới lòa xòa. Anh bảo tôi phải tắm. Tắm vậy rất khó chịu! Tắm xong phải mặc bộ đồ mới. Áo phải bỏ vào quần, phải gài hết nút. Nhìn vào gương, mình thấy như một thằng nào lạ hoắc!

Tôi hỏi:

- Diện sang rứa, thế Cù Lao làm chức tước gì?

- Ban đêm, làm anh học trò. Ban ngày, làm tổ viên tổ tiếp liệu, trực thuộc Phòng quản trị. Phòng quản trị đặt dưới chỉ huy của văn phòng. Tôi làm nhiều việc rất quan trọng. Ở đó khách khứa suốt ngày. Tiếp cả khách bên Tàu, bên Tây, bên Mỹ nữa. Một lần gặp Mỹ, hai thằng Mỹ quan tư. Chúng đến Đà Nẵng nói đi tìm xác Mỹ bị Nhật giết trên Tây Nguyên. Chúng đến bằng máy bay, nhờ chính quyền Đà Nẵng giúp đỡ, được ở ngay tại tòa thị chính.

Tôi hỏi:

- Thế Cù Lao có được ngồi ăn không?

- Làm chi! Tôi làm phụ hầu bàn. Một thằng vừa ăn vừa gật gật nói tiếng Mỹ. Anh phiên dịch cho biết là nó khen món ăn Việt Nam rất ngon. Chúng cũng rất mê phong cảnh Việt Nam. Màu xanh Việt Nam đẹp nhất trên địa cầu, không đâu sánh kịp. Học có chương trình đến thăm núi Trà Sơn, thăm Vũng Thùng, thăm mỏ vàng ở Bồng Miêu, mỏ than ở Nông Sơn, mỏ kẽm ở Đức Bó, thăm kho chứa xăng ở Liên Chiểu. Ta tiếp đãi họ cực kỳ trọng thể! Mỗi bữa ăn được bày ra đầy bàn, đủ hết món ngon vật lạ. Chỉ về rượu để nhấm nháp, cũng đã có bốn thứ rượu, bữa ăn có lúc kéo dài đến hai giờ liền...

Tôi kêu lên:

- Ăn nhiều quá!

- Vừa ăn vừa trò chuyện!

Thằng Cù Lao gật gật:

- Nhưng không phải ăn ít!

Thằng Cù Lao cho biết hôm đó, sau bữa ăn, anh Sáu trò chuyện với bạn bè cho biết ở thôn anh có một bà gọi là bà Hiến. Bà đó, với một nải chuối, bà sống được mười hôm - Nạn đói vừa qua đã làm dân ta chết hơn ba triệu- Số đói kinh niên có đến năm bảy triệu người...

Tôi hỏi bà Hiến:

- Bà có bị đói không bà?

Bà Hiến thút thít.

Tôi nói như quát:

- Thút thít cái chi? Bà sẽ được mời ra tòa thị chính, được các anh đãi tiệc, được nằm giường lò xo... Nhớ là trước khi đi Đà Nẵng phải tô son, phải đánh phấn, phải xức dầu thơm! Chớ có lòi thối, người ta không cho bà vào đó!

Đối với ông Bốn Rị, thằng Cù Lao cũng nói cho ông biết những chuyện thời sự như đã nói với bà Hiến. Ông Bốn Rị tỏ ra rất thờ ơ. Sau đó nó kể cho ông Bốn Rị nghe chuyện lính Tưởng Giới Thạch đến Đà Nẵng, từ đó chuyển sang chuyện nó học việc băm thịt, chặt xương. Nay nó băm thịt được cả hai tay, là nhờ nó được học tập cách băm thịt ở Đà Nẵng.

Tôi lấy làm lạ, hỏi cắt ngang:

- Sao lạ vậy? Cù Lao ra Đà Nẵng được ở nhà bốn tầng, được đề bạt làm tiếp tế, sao lại bị giáng chức xuống làm việc băm thịt, chặt xương?

- Là vì sau này, anh Sáu ban ngày làm việc ở tòa thị chính nhưng ban đêm phải đi ngủ nơi khác. Quân Tây và quân của Tưởng Giới Thạch đến đóng ở Đà Nẵng. Tòa thị chính ở sát ngoài biển, nhờ bị đánh úp, ta không lối thoát. Ta phải đề phòng...

Ông Bốn Rị hỏi:

- Ta thắng rồi mà! Sao đánh ta được?

- Đó là những lính của Tưởng Giới Thạch theo lệnh đồng minh kéo sang ta, lấy cớ là để giải giáp quân Nhật. Ở Đà Nẵng chúng chiếm các đồn trại, cầm đại đao đứng chặn các ngã đường. Buổi tối, tôi và anh Sáu về ngủ ở nhà ông bà Đán, chỗ này kín đáo hơn. Hằng ngày, ông Đán gánh một gánh bún bò ra chợ để bán. Bà Đán cũng làm như ông. Nhưng một hôm hai ông bà đã to tiếng. Bà Đán nổi khùng đã cho ông Đán một đá.

Ông Bốn sững sốt:

- Đàn bà sao dám nện đàn ông một đá?

- Cũng tại lính của Tưởng Giới Thạch đó!

Thằng Cù Lao kể cho ông Bốn Rị biết lính của Tưởng Giới Thạch đưa nào cũng vàng vọt, bủng beo, đưa nào cũng là tướng quyt, chúng đã làm cho tất cả những gánh bún, gánh mì ở chợ đều phải hoảng sợ, khi thấy chúng đằng xa là phải chạy tránh!

- Một hôm ông Đán vì chậm chạp nên chúng đã sà đến. Chúng đưa một xấp bạc ra hiệu cho ông Đán phải bán bún. Ông Đán múc ra năm bát cho năm thằng. Loáng một cái năm bát đã hết sạch. Phải múc thêm năm bát nữa! Lại còn phải múc thêm, múc thêm! Ăn xong chúng đứng dậy bỏ đi. Ông Đán đòi tiền, chúng rút dao vung loang loáng. Nhưng một đứa chột trợn trừng cặp mắt, lão đảo, ngã lăn quay. Đồng bào chúng quanh nổi kêu tán loạn:

- Có án mạng! Có án mạng!

Ông Đán hoảng quá, quảy gánh bỏ chạy. Khi chạy ông bị ngã nhào, bát đĩa vỡ gần hết. Việc đó làm cho bà Đán cứ nhăn nhó nhó. Ông bà cãi lộn. Bà biết thế võ, đã cho ông một đá, ông ngã tênh hênh. Sau đó, khi đi bán bún, ông Đán có nhờ tôi đi gác. Tôi đứng gác ở đầu chợ, khi thấy lính của Tướng Giới Thạch từ xa, tôi đã chạy báo cho ông biết trước... Sau đó khi rảnh rồi tôi còn giúp ông làm bún xáo. Ông dạy tôi cách chặt xương, cách băm thịt. Nay tôi băm thịt được cả hai tay là nhờ những buổi băm thịt ở nhà ông Đán.

Ông Bốn Rị nghe chăm chú những chuyện thời sự về lính của Tướng Giới Thạch, về chuyện băm thịt. Ông Bốn Rị cũng nhất trí là thằng Cù Lao giúp ông chặt xương chó và băm thịt chó rất giỏi!

Chương 4

Suốt năm 1946 là mùa xuân. Mùa xuân như kéo dài đến tháng Mười. Mùa mía đường đã qua, tôi chưa thấy mía nào ngọt bằng mía năm đó. Đến mùa tơ tằm, tôi chưa thấy sợi tơ nào mượt bằng sợi tơ năm đó. Ngô nướng có một vị ngọt khác thường. Dọc đường đầy tiếng chim. Tiếng bồ chao vang lừng. Tiếng bồ cát ấm áp. Và thật kỳ diệu! Núi non bỗng sáng lên rời rợi. Cỏ cây dọc đường rung lên, reo vui, trò chuyện. Lúc tôi còn nịu áo mẹ theo vào chợ chiều, con đường làng xa xôi như dài đến xứ... Tây Trúc. Con đường ngắn dần, cho đến năm 1946 nó bỗng dài ra thênh thang vô tận. Tôi đi dọc đường gặp toàn những nụ cười thân mến. Chuyện ném đất đá vào đầu ông Bốn Rị hóa xa xôi thành chuyện thời trước. Trong làng, những đứa láo xược nhất không còn gọi tôi bằng thằng," thằng Cục chẵn trâu, bị một cục u trên trán". Ông thợ mộc ngoài vạn không còn hỏi tôi có giấu chơi chiếc đục. Ông còn mời tôi uống bát nước chè. Tôi và thằng Cù Lao được cả ông Tư Trai mời nếm món mẳm ngon của Đà Nẵng.

- Này Cục, này Cù Lao! Ngồi lại đây ăn thử cho biết. Đây là thứ mẳm dẫnh. Ông Biện Thành ở Đà Nẵng gửi biếu tao đó!

Tôi bỏ thói vật lộn, chọc chóc và đi rông. Tôi làm gì cũng có ý có tứ. Trước kia khi ra sông tắm, tôi cởi phăng hết quần áo, rồi hét tướng:

- Hãy theo ta!

Tôi nhảy tòm xuống sông. Bọn chẵn trâu nhảy tòm theo. Chúng tôi chơi trò dìm nước. Đứa này cố dìm đứa kia xuống nước. Chơi rất ác! Đè nhau đến ngạt thở, phải lạy mới chịu tha. Sau này, chúng tôi không tắm vậy nữa. Tôi và thằng Cù Lao mặc cả quần khi xuống tắm. Nếu phải cởi quần, hai đứa phải chạy ra xa, đi khom khom rồi đột ngột phóng xuống nước. Tôi phải cúi sấp về phía trước, đưa lưng cho thằng Cù Lao kỳ cọ. Tôi bắt nó kỳ nách, kỳ hông cho đến hết mùi khét của trâu mới thôi. Tôi bắt thằng Cù Lao đưa lưng cho tôi kỳ. Tôi vừa kỳ vừa ngủi, kỳ cho đến lúc da nó đỏ lên mới thôi.

Thằng Cù Lao bắt chước người lớn uống nước chè đặc. Nó uống cạn bát, chép miệng gật gù:

- Chà! Ngon quá!

Tôi bắt chước người lớn ăn cay, nói lớn, nhổ thật xa, vỗ vai tụi nhỏ, sai chúng làm việc này việc nọ. Tôi nói với mẹ nên bán quách con trâu Bỉnh. Nghề chăn trâu chẳng nên danh giá gì. Tất cả bọn chăn trâu dù siêng năng đến mấy cũng bị gọi bằng thằng, bằng bọn, bằng tụi, bằng lũ. Có đứa chăn trâu nào được gọi là thầy chăn trâu đâu!

Đất trời năm 1946 trong veo cho đến tháng Chín. Núi Trường Định, hòn Cà tang vẫn xanh. Đến thu, vài hạt mưa bay. Đến tháng Mười có gió heo may, có mây mù. Mưa lại đổ. Con sông Thu Bồn lại phình ra, đổi màu xanh ra màu vàng. Nhưng chỉ hơn một tháng sau nước lại xanh leo lẻo. Vạn Hòa Phước trong veo, thấy được từng hòn sỏi dưới đáy nước. Thuyền qua lại đông hơn. Đến giữa mùa đông, một thuyền mảnh hai buồm cập bến Hòa Phước. Một cán bộ bước xuống bến, đi thẳng vào làng, trao cho anh Bốn Linh bức thư của anh Sáu ở Đà Nẵng gửi về. Thư viết:

" Chú Bốn.

Đà Nẵng phải chuẩn bị mọi việc sẵn sàng. Bên tư pháp đưa về gửi tạm ở Hòa Phước bốn chiếc rương. Nhờ chú sắp xếp để cất giấu cho chu đáo. Chú có thể tạm cất bốn chiếc rương trong miếu Bà Tằm rồi khóa cửa miếu lại.

Ký : Nguyễn Văn Sáu

Tái bút:" Ngoài nàu có bác sỹ Thụ muốn đưa vợ và cô con gái là Tuyết Hạnh về Hòa Phước ở tạm một thời gian. Họ đi trước như vậy để được yên ổn. Nhân tiện nhờ chú tìm nhà và sắp xếp chỗ ở cho họ. Bà Thụ gốc người làng mình, như chú đã biết".

Người đưa thư cho biết bốn chiếc rương đã cập bến. Anh Bốn Linh phải cho ngay người đưa rương vào làng cất giữ. Anh Bốn theo người đưa thư ra bến. Bốn chiếc rương lớn bằng kẽm chiếm trọn một khoang thuyền. Rương nào cũng khóa kỹ. Anh Bốn gọi chú Năm Mùi đi hạ tre làm một đôi quang mới,

gọi ông Kiêm Lài và đội tự vệ đưa bốn chiếc rương lên bờ. Bốn chiếc rương kềm sắp thành một dãy sáng nhoáng. Trên mỗi rương đều có ghi bốn chữ T.A Quân sự. Nét chữ gân guốc. Tuy không nói nhưng tất cả đều nghĩ đó là những rương vũ khí. Tôi và thằng Cù Lao đoán T.A Quân sự là loại vũ khí vô cùng lợi hại. Từ cổ chí kim, Hòa Phước chưa tiếp những " vị khách" lạ như vậy! Bốn chiếc rương kềm từ bến sông tiến vào làng uy nghi như bốn cỗ pháo tiến vào trận địa!

Thằng Cù Lao rất toại nguyện được chú Năm Mùi phân công giữ kho vũ khí T.A Quân sự. Giữ vũ khí cũng là công tác quân sự. Cha nó vào công tác trong quân giới, là công tác quân sự, nay nó cũng được làm công tác quân sự. Thằng Cù Lao lúc ở Đà Nẵng từng thấy đoàn quân Nam tiến rầm rập bước vào sân ga, giữa muôn nghìn tiếng hô như sấm động...

Mỗi lúc chiều xuống, trước khi đến lớp bình dân, rồi và thằng Cù Lao đi tuần tra một vòng vào miếu. Sau khi những ngọn đèn từ các lớp học tỏa ra, chúng tôi lại tuần tra một vòng vào miếu. Thằng Cù Lao nắm tay tôi bước lò dò như chui vào hang sâu thăm thẳm. Ngôi miếu nằm giữa những cây đa to, bóng tối đen đặc. Chợt thằng Cù Lao nói khẽ: " Đến rồi". Nó đẩy cửa miếu kéo tôi bước qua ngạch cửa. Tôi khụt khịt muốn ho,.. Thằng Cù Lao bóp bóp tay tôi, bảo phải im. Tiếng gió huýt dài. Cả chòm sung xào xạc. Trên nóc miếu như có tiếng chân đi. Chợt một loạt tiếng " tắc, kè" khô khốc, nổ sát bên tai. Tôi giật bắn người. Thằng Cù Lao thì thầm bảo tôi phải bấm tay. Nó đã bày cho tôi cách chống sợ, phải bấm ngón tay cái vào đầu ngón tay trỏ. Thằng Cù Lao đập nhẹ chiếc rương. Roặc! Tắc kè bỏ chạy.

Bay ngày, thỉnh thoảng thằng Cù Lao cũng đi tuần tra chỗ cây sung.

Thằng Cù Lao gạ:

- Này Cục! Tôi là một, Cục là hai, chỉ hai đứa mình biết. Chúng mình trèo lên chỗ cái hốc trên cây sung, ngồi trong đó thấy được bãi dâu, thấy hết. Kề gian đằng xa, mình thấy được.

Tôi hùa theo:

- Ngồi trên đó! Rất tuyệt! Cứ để bọn Việt gian vào miếu, bắt giặc ta nổi la làng. Cả làng ập đến trói gô chúng lại. Lập thành tích vậy, cấp trên sẽ thưởng cho mỗi đứa cái súng lục!

Nhưng khi nhìn lại thấy cây sung trơn tuột, tôi hỏi:

- Sao leo lên được?

- Khó gì! Ngoài đảo chỉ có vách đá. Vách đá dựng đứng trên biển. Có chỗ nào dựng thang được đâu? Bọn chim yến làm tổ trên đó. Người gỡ tổ yến bơi thuyền đến chỗ vách đá. Yến làm tổ trong các hốc, họ đứng dưới thuyền cầm một dây dài, đầu dây có buộc cây cọc. Họ vớt sợi dây lên vách. Cọc bị mắc vào hốc hoặc vào dây. Họ đu dây, trèo gỡ tổ yến. Ta cũng làm vậy.

Tôi và thằng Cù Lao chạy tìm dây. Nhà tôi có nhiều loại dây, nhưng dây nào cũng đang cột. Nếu gỡ những dây giàn bếp, tất cả những nồi niêu bát đĩa sẽ đổ ào xuống. Con trâu Bình có cái dây mũi. Nhưng mất dây mũi nó sẽ bỏ chạy. Dây cột gàu múc nước là loại mỏng manh. Ông Bảy Hóa có cái dây lưng làm bằng cả một khổ thao rất dài. Ông quấn đến hai vòng quanh lưng, buộc hai mối thả xuống thành một cái đùm xòe đến gối. Mượn được cái dây đó thì tuyệt vời. Tôi cứ nhìn nhưng không dám hỏi mượn.

Tôi bàn nên tháo cái dây treo cần xay lúa. Thằng Cù Lao chưa tháo xong thì chị Ba hiện ra trước cửa. Chị Ba bắt phải cột lại cần xay. Chị xúc lúa đổ vào cối bắt tôi và thằng Cù Lao phải xay. Sau đó, anh Bốn Linh cũng biết việc tôi đi tìm dây. Ông Bảy Hóa bảo tôi và thằng Cù Lao dám cả gan cứ nhìn vào lỗ rốn của ông. Thằng Cù Lao thú thật nó muốn trèo lên cây sung tìm cái hốc. Nó sẽ đặt trạm gác trên đó. Anh Bốn không cho phép trèo cây, như vậy rất nguy hiểm. Theo anh Bốn Linh cho biết thì ra những rương T. A Quân sự chỉ chứa toàn sách và giấy. Đó là những hồ sơ ở sở mật thám Pháp ta bắt được, cả những hồ sơ của toà án quân sự của ta. Chữ "T.A Quân sự" có nghĩa là Tòa án Quân sự.



TÁC PHẨM CHỌN LỌC DÀNH CHO THIẾU NHI

Quê nội

• VÕ QUẢNG •

